

UNDP tại Việt Nam

Hội người mù Việt Nam

**THỰC TRẠNG TIẾP CẬN CÁC XUẤT BẢN PHẨM CỦA NGƯỜI
KHUYẾT TẬT CHỮ IN TẠI VIỆT NAM**

Hà Nội, 2023

MỤC LỤC

Danh mục bảng số liệu	3
Danh mục chữ cái viết tắt	4
Tóm tắt báo cáo	6
I. Giới thiệu	11
1. Bối cảnh.....	11
2. Giải thích thuật ngữ	12
II. Thiết kế nghiên cứu	13
1. Đối tượng nghiên cứu	13
2. Mục đích nghiên cứu	13
3. Câu hỏi nghiên cứu	13
4. Phương pháp nghiên cứu.....	13
5. Hạn chế của nghiên cứu:.....	17
III. Các phát hiện chính	17
1. Tổng quan về tiếp cận xuất bản phẩm của người khuyết tật chữ in.....	17
2. Quy định và khoảng trống chính sách trong hỗ trợ tiếp cận xuất bản phẩm	20
3. Đặc điểm nhân khẩu học – xã hội	22
4. Nhu cầu, thực trạng và rào cản tiếp cận xuất bản phẩm	26
5. Cơ hội giáo dục, việc làm và hòa nhập xã hội gắn với tiếp cận xuất bản phẩm.....	34
6. Các bài học kinh nghiệm quốc tế bảo đảm quyền tiếp cận xuất bản phẩm dành cho người khuyết tật chữ in	39
IV. Kết luận và khuyến nghị	42
1. Kết luận	42
2. Khuyến nghị	43
2.1. Khuyến nghị với chính phủ.....	43
2.2. Khuyến nghị với các tổ chức của và vì người khuyết tật trong nước và quốc tế....	44
2.3. Khuyến nghị dành cho người khuyết tật chữ in	45
2.4. Khuyến nghị dành cho các nhà cung cấp xuất bản phẩm.....	45

TÀI LIỆU THAM KHẢO	46
PHỤ LỤC.....	50
TÀI LIỆU THAM KHẢO	82

Danh mục bảng số liệu

Bảng 1. Cỡ mẫu khảo sát theo các nhóm xã hội.....	14
Bảng 2. Tổ hợp phương án khảo sát theo giới tính, độ tuổi, dạng khuyết tật của NKT chữ in tại 1 tỉnh/thành phố.....	14
Bảng 3. Tổ hợp phương án khảo sát theo giới tính, độ tuổi, dạng khuyết tật của NKT chữ in tại 1 tỉnh/thành phố sau hiệu chỉnh.....	15
Bảng 4. Độ tuổi, giới tính và học vấn của NKT chữ in.....	22
Bảng 5. Đặc điểm kinh tế của NKT chữ in.....	23
Bảng 6. Dân tộc và địa bàn sinh sống của NKT chữ in.....	24
Bảng 7. Thông tin chung về tình trạng khuyết tật chữ in.....	25
Bảng 8. Khả năng nghe, đọc, xem các XBP của NKT chữ in.....	27
Bảng 9. Nhu cầu tiếp cận XBP của NKT chữ in.....	28
Bảng 10. Số lượng XBP sẵn có theo đánh giá của NKT chữ in.....	29
Bảng 11. Nguồn cung cấp chính các XBP cho NKT chữ in (tỷ lệ % thừa nhận; N = 1.217).....	31
Bảng 12. Những khó khăn khi tìm kiếm các XBP ở định dạng phù hợp của NKT chữ in (tỷ lệ % thừa nhận; N = 1.217).....	32
Bảng 13. Những nỗ lực khắc phục khó khăn trong tìm kiếm XBP ở định dạng phù hợp của NKT chữ in (tỷ lệ % thừa nhận; N = 1.217).....	33
Bảng 14. Lợi ích tiếp cận XBP ở định dạng phù hợp của NKT chữ in (N = 1.217).....	34
Bảng 15. Ảnh hưởng của những hạn chế/thiếu thốn trong tiếp cận XBP ở định dạng phù hợp đối với NKT chữ in.....	37

Danh mục chữ cái viết tắt

CRPD	Công ước Quốc tế về Quyền của người khuyết tật
NKT	Người khuyết tật
PVS	Phòng vấn sâu
XBP	Xuất bản phẩm

Lời cảm ơn

Nhóm nghiên cứu chân thành gửi lời cảm ơn đến 1.217 NKT chữ in tại 63 tỉnh/thành phố trên cả nước đã nhiệt tình tham gia cuộc khảo sát qua điện thoại, cũng như 35 NKT chữ in đã trả lời phỏng vấn sâu. Báo cáo nghiên cứu này sẽ không thể thực hiện thành công nếu thiếu sự tham gia nhiệt tình của họ. Trong báo cáo này, toàn bộ thông tin định danh của người trả lời đều được giữ kín.

Nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các chuyên gia trong nước và quốc tế, đại diện các tổ chức của và vì NKT đã tham gia đóng góp ý kiến giúp hoàn thiện báo cáo. Nhóm nghiên cứu cũng vô cùng biết ơn sự ủng hộ và đóng góp của các cộng tác viên từ các hội NKT trên cả nước cho quá trình khảo sát.

Nhóm nghiên cứu cũng đặc biệt trân trọng cảm ơn nhà tài trợ - Chương trình Hợp tác giữa các Tổ chức Liên Hợp Quốc vì Quyền của Người khuyết tật (UNPRPD), Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam và Hội Người mù Việt Nam đã trực tiếp tiến hành nghiên cứu này.

Tóm tắt báo cáo

Bối cảnh thực hiện báo cáo

Tiếp cận tri thức thông qua các xuất bản phẩm (XBP) là quyền cơ bản của con người. Để xóa "nạn đói sách" cho những người không đọc được văn bản in, Hiệp ước Marrakesh đã được thông qua vào tháng 06/2013.

Việt Nam đã gia nhập Hiệp ước Marrakesh ngày 06/12/2022, và ban hành Luật Sửa đổi Bổ sung Một số Điều của Luật Sở Hữu Trí tuệ 2022, trong đó có các điều khoản bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của NKT chữ in gần tương thích với Hiệp ước Marrakesh, đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2023. Tuy nhiên, hiện chưa có nghiên cứu nào đánh giá thực trạng tiếp cận thông tin nói chung, và tiếp cận XBP nói riêng, của NKT chữ in tại Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tổng quan tài liệu: nhằm tổng quan thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in, kinh nghiệm quốc tế cũng như những quy định chính sách về hỗ trợ NKT chữ in tiếp cận các XBP.

Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi: được thực hiện tại 63 tỉnh/thành phố trên cả nước. Tổng cỡ mẫu khảo sát 1.217 NKT chữ in.

Phương pháp phỏng vấn sâu: với cỡ mẫu là 35 NKT chữ in tại 3 miền: Bắc (10 người) – Trung (10 người) – Nam (15 người)

Những phát hiện chính

1. Tổng quan về tiếp cận xuất bản phẩm của người khuyết tật chữ in

- Sự cần thiết, quyền tiếp cận thông tin, tri thức của NKT chữ in thông qua XBP

Nhiều quốc gia trên thế giới thừa nhận trong thời đại bùng nổ thông tin của thế kỷ 21 thì quyền được học hành, qua đó là quyền tiếp cận XBP có tầm quan trọng. Theo đó, tiếp cận XBP là nhu cầu thiết thực của nhiều nhóm xã hội, bao gồm NKT chữ in.

- Nhiều hoạt động thúc đẩy mở rộng cơ hội tiếp cận XBP của NKT chữ in đang nhận được sự quan tâm từ Chính phủ đến các tổ chức xã hội

Nhiều quốc gia, nhiều tổ chức xã hội có uy tín đã nỗ lực thúc đẩy thực hiện Hiệp ước Marrakesh nhằm tạo điều kiện cho NKT chữ in dễ tiếp cận với XBP. Tiêu biểu trong số này là trường hợp của Quốc gia Nam Phi. Việt Nam cũng đang tích cực thực hiện các bước đi pháp lý nhằm chuyển hóa Hiệp ước Marrakesh vào

thực tiễn xã hội.

- Cơ hội tiếp cận XBP của NKT chữ in vẫn còn chịu nhiều hạn chế

Đa số các tác giả và nhà xuất bản chưa sẵn sàng cung cấp XBP ở định dạng dễ tiếp cận. Họ coi thị trường dành cho NKT chữ in là thị trường không mang lại hiệu quả kinh tế. Thậm chí, tại Hoa Kỳ cũng chỉ có khoảng 5% XBP được chuyển sang định dạng dễ tiếp cận. Tại Việt Nam, nhiều đơn vị, tổ chức chưa nhìn nhận tầm quan trọng về tính dễ tiếp cận của các XBP, và chưa sẵn sàng cung cấp XBP ở định dạng dễ tiếp cận.

2. Quy định và khoảng trống chính sách trong hỗ trợ tiếp cận xuất bản phẩm

Tại Việt Nam, Luật Sửa đổi, Bổ sung Một số Điều của Luật Sở hữu Trí tuệ 2022 và Nghị định 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả quyền liên quan cho phép các tổ chức, cá nhân được quyền "*sao chép không nhằm mục đích thương mại*" mà không phải xin phép và trả tiền bản quyền tác giả. Điều 25a của Luật Sửa đổi, Bổ sung một số Điều của Luật sở hữu trí tuệ 2022 quy định rõ về "*Các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho NKT*".

Khi luật sở hữu trí tuệ và các văn bản dưới luật cho phép bằng những điều khoản quy định về những trường hợp ngoại lệ thì các tổ chức đáp ứng quy định của Chính phủ được quyền chuyển đổi các XBP sang định dạng dễ tiếp cận dành cho NKT. Song với những tác phẩm đã được bảo vệ bản quyền thì những tổ chức này vẫn gặp những khó khăn nhất định trong cung cấp chứng cứ đủ sức thuyết phục rằng việc chuyển đổi đó hoàn toàn phục vụ cho NKT chữ in mà không vì mục tiêu lợi nhuận để "*nhận được sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền*". Đây là những hoạt động cần thiết nhằm tránh những rắc rối, phiền toái pháp lý sau này liên quan đến luật bản quyền.

Chịu tác động từ yếu tố thị trường nhiều "*nhà xuất bản vẫn cho rằng sản xuất phiên bản dễ tiếp cận thì cần bỏ thêm chi phí; trong khi số lượng độc giả là NKT chữ in thì ít lại chủ yếu có thu nhập thấp*". Do vậy, số lượng XBP được cung cấp ở định dạng dễ tiếp cận với NKT chữ in thường luôn hạn chế.

3. Đặc điểm nhân khẩu học – xã hội

Báo cáo trên thực tế khảo sát 1217 NKT chữ in, tương ứng đạt 100,01% so với định mức đặt ra là khảo sát 1200 và đạt 96,6% so với thiết kế khảo sát là 1260.

4. Nhu cầu, thực trạng và rào cản tiếp cận xuất bản phẩm

Có tới 58,7% NKT chữ in tham gia khảo sát không có khả năng đọc những

văn bản in thông thường và 55,0% không có khả năng đọc chữ in khổ lớn. Tuy nhiên, có tới 64,2% NKT chữ in tham gia khảo sát có khả năng "rất dễ dàng" nghe, đọc, xem Các bản ghi âm /sách nói và 44,0% có khả năng tương tự đối với Sách/tài liệu bằng chữ nổi Braille.

Có tới 94,6% NKT chữ in tham gia khảo sát có nhu cầu tiếp cận XBP ở định dạng ghi âm /sách nói, 86,9% ở định dạng chữ nổi Braille. Ngược lại, văn bản in thông thường và chữ in khổ lớn là hai định dạng mà NKT chữ in không có nhu cầu tiếp cận lớn nhất, lần lượt là 53,6% và 5%.

Trong số những khó khăn khi tìm kiếm XBP ở định dạng phù hợp thì khó khăn thường gặp nhất ở NKT chữ in đó là trong nhiều trường hợp những XBP đó "*Có ở định dạng tôi cần, nhưng cũng không dễ xem /nghe /đọc*" (ví dụ: bản scan PDF, nhiều tranh ảnh, sơ đồ không có mô tả) (46,8%)".

5. Cơ hội giáo dục, việc làm và hòa nhập xã hội gắn với tiếp cận xuất bản phẩm

Về hòa nhập xã hội, có tới 84,3% NKT chữ in thừa nhận việc tiếp cận XBP giúp họ "*Có thêm nhiều kiến thức*", 82,5% "*Học thêm được nhiều kỹ năng*", 76,8% "*tự tin hơn khi giao tiếp, kết bạn, nói chuyện với người khác*" và 74,4% "*Sẵn sàng đoàn kết, chia sẻ, giúp đỡ người khác*".

Về mặt giáo dục, có tới 73,5% NKT chữ in thừa nhận việc tiếp cận XBP giúp họ "*Có kết quả học tập tốt hơn*", 70,3% "*Cảm nhận rõ hơn sự tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ của mọi người dành cho mình*" và 69,6% "*Có đủ thông tin để dễ tự quyết định một vấn đề nào đó*".

Về mặt việc làm, thông qua tiếp cận XBP, có tới 66,6% NKT chữ in cho rằng họ "*Chủ động, tự tin hơn khi tìm việc làm*", 59,0% nhận thấy "*Dễ tìm được việc làm phù hợp với bản thân*", và 44,6% "*Tìm được việc làm lương cao hơn*".

Đó là những lợi ích mà việc tiếp cận được XBP mang lại.

Song ở chiều hướng ngược lại, tình trạng "khan hiếm, đói" XBP ở những định dạng phù hợp khiến cho 53,5% NKT chữ in tham gia khảo sát nhận thấy bản thân "*Thiếu kiến thức cần thiết về cuộc sống*", 49,7% "*Thiếu cơ hội giải trí, giao lưu văn hóa, nghệ thuật*", 47,4% "*Không học được kỹ năng cần thiết cho công việc*", 44,6% gặp nhiều khó khăn trong học tập, do đó mà "*Kết quả học tập bị giảm sút*".

6. Các bài học kinh nghiệm quốc tế bảo đảm quyền tiếp cận xuất bản phẩm dành cho người khuyết tật chữ in

Kinh nghiệm quốc tế

Một là: Các quốc gia phê chuẩn hiệp ước Marrakesh đã sử dụng những điều khoản được quy định về giới hạn bản quyền và những trường hợp ngoại lệ để cho phép các tổ chức giáo dục, các tổ chức xã hội có thể sản xuất và phân phối các bản sao ở định dạng phù hợp với NKT chữ in.

Hai là: Các quốc gia ký kết hiệp ước Marrakesh đã nội luật hóa các quy định của hiệp ước vào hệ thống pháp luật quốc gia.

Ba là: Một số quốc gia khác đưa ra những quy định bảo trợ của nhà nước, lồng ghép vào luật hỗ trợ và bảo vệ thực hiện quyền của NKT những điều khoản có lợi cho việc tiếp cận XBP của nhóm dân số này, như: Nam Phi, Mỹ, Úc...

Bốn là: tổ chức có tên gọi "Observatory of the Marrakesh Treaty" đã tổ chức những khóa học cấp chứng chỉ về việc thực thi hiệp ước Marrakesh.

Năm là: Nam Phi, một quốc gia chưa phê chuẩn tham gia hiệp ước Marrakesh, song đã ra tuyên bố Đạo luật bản quyền của nước này là vi hiến vì nó không đưa ra các trường hợp ngoại lệ cho phép NKT chữ in tiếp cận các XBP ở định dạng bản sao, cũng như không đưa ra các điều khoản bảo vệ quyền tiếp cận XBP của NKT chữ in.

Bài học tham khảo

Một là: huy động các tổ chức giáo dục, xã hội, nghề nghiệp tham gia cung cấp XBP cho NKT chữ in ở những định dạng phù hợp với mục tiêu phi lợi nhuận.

Hai là: nhà nước là chủ thể chính bảo trợ cho các tổ chức xã hội, nghề nghiệp hoạt động theo mục đích phi lợi nhuận trong hỗ trợ NKT chữ in tiếp cận XBP ở định dạng phù hợp.

Ba là: tạo chuỗi liên kết, huy động hệ thống thư viện, các tổ chức xã hội hoạt động phi lợi nhuận tham gia cung cấp XBP ở định dạng dễ tiếp cận cho NKT chữ in.

Bốn là: huy động các cá nhân, tổ chức cung cấp miễn phí các XBP ở định dạng phù hợp cho hệ thống thư viện, các tổ chức xã hội hoạt động phi lợi nhuận.

Năm là: trao quyền cho thư viện, các tổ chức xã hội hoạt động phi lợi nhuận chuyển đổi sách in sang những định dạng dễ tiếp cận với NKT chữ in.

Sáu là: mở các khóa đào tạo, tập huấn về nội dung hiệp ước Marrakesh đến những cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan qua đó thúc đẩy nội luật hóa và thực thi Hiệp Ước.

Bảy là: tích cực rà soát, hướng dẫn cụ thể và giám sát việc thực thi các quy định trong Luật Sở hữu Trí tuệ, đảm bảo tuân thủ hiệp ước Marrakesh.

IV. Kết luận và khuyến nghị

1. Kết luận

Tiếp cận tri thức thông qua XBP là quyền của con người. Thế nhưng, tình trạng thiếu sách để tiếp cận đang hạn chế quyền cơ bản đó của NKT chữ in. Thị trường XBP hiện nay chưa đáp ứng nhu cầu tiếp cận XBP ở các định dạng khác nhau của nhóm xã hội này.

Theo đánh giá chung của NKT chữ in, việc tiếp cận XBP đem lại cho họ nhiều cơ hội về giáo dục, việc làm, hòa nhập xã hội. Tuy nhiên, những hạn chế, thiếu thốn trong tiếp cận XBP đã hạn chế, giảm thiểu, thậm chí triệt tiêu một số những cơ hội này của họ.

2. Khuyến nghị:

2.1. với chính phủ

Nghiên cứu đẩy mạnh cơ chế cấp quyền và thực hiện các hoạt động bảo trợ cho các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ nghe, đọc, xem các XBP với mục đích phi lợi nhuận dành cho NKT chữ in. Kết nối, tạo dựng chuỗi liên kết cung cấp, chuyển đổi XBP ở định dạng phù hợp dành cho NKT chữ in. Điều chỉnh luật doanh nghiệp nhằm khuyến khích mở rộng thị trường XBP để tiếp cận cho tất cả mọi người.

2.2. Với các tổ chức của và vì người khuyết tật trong nước và quốc tế

Tăng cường các hoạt động vận động, hỗ trợ chính phủ hoàn thiện các bước nội luật hóa hiệp ước Marrakesh. Xây dựng chuỗi liên kết cung cấp đa dạng hóa các loại hình XBP ở nhiều định dạng phù hợp với NKT chữ in.

2.3. Với NKT chữ in

Liên kết, tạo lập nhiều diễn đàn cung cấp XBP ở những định dạng phù hợp; khuyến nghị, đề xuất dành cho Chính phủ, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực XBP dành sự chú ý đến nhu cầu tiếp cận XBP của NKT chữ in.

2.4. Với các nhà cung cấp xuất bản phẩm

Vận động, thương thuyết bên sở hữu quyền tác giả đồng ý cung cấp với mục đích phi lợi nhuận một số lượng nhất định tác phẩm sở hữu dưới những định dạng phù hợp với NKT chữ in. Dành một tỷ lệ lãi suất nhất định cho mục đích chuyển đổi đa dạng nhiều XBP khác nhau.

I. Giới thiệu

1. Bối cảnh

Tiếp cận tri thức thông qua xuất bản phẩm (XBP) là quyền cơ bản của con người. Đó là điều kiện tiên quyết của sự phát triển hòa nhập và phát huy tiềm năng cá nhân, vì nó mở ra cho mọi người các cơ hội học tập, việc làm, chăm sóc sức khỏe, hay tham gia các hoạt động chính trị, xã hội. Tuy nhiên, việc thiếu những ấn phẩm ở định dạng dễ tiếp cận đã hạn chế, thậm chí tước đi quyền tiếp cận tri thức của một bộ phận người khuyết tật (NKT) chữ in.

Theo ước tính thì trên thế giới có hơn 300 triệu người khiếm thị, chưa tính các dạng khuyết tật chữ in khác mà những khuyết tật vận động, nhận thức hoặc giác quan làm hạn chế khả năng đọc sách in của họ (Paul Harpur, 2017). Trong đó, có hơn 90% sống tại các nước đang phát triển, nơi chỉ có dưới 1% số ấn phẩm được chuyển sang các định dạng dễ tiếp cận, như chữ nổi, chữ to, hoặc audio¹. Tình trạng "đói sách" đó đã đi ngược lại tinh thần và nghĩa vụ quy định trong Công ước Quốc tế về Quyền của người khuyết tật (CRPD), cụ thể là quyền tiếp cận thông tin (Điều 9), quyền tự do ngôn luận (Điều 21), quyền giáo dục (Điều 24), hay quyền tham gia vào đời sống văn hóa (Điều 30(1)(a)).

Để xóa "nạn đói sách" và thúc đẩy thực thi CRPD, Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới đã thông qua Hiệp ước Marrakesh vào ngày 27/06/2013 tại Marrakesh, Morocco. Hiệp ước này hướng tới tạo điều kiện cho NKT chữ in (người mù, người khiếm thị, và các dạng khuyết tật chữ in khác) tiếp cận các XBP. Nhờ vậy, Hiệp ước này được coi như công ước quốc tế thứ hai về bảo vệ quyền của NKT.

Tại Việt Nam, số liệu Điều tra quốc gia về NKT năm 2016 cho thấy có tới 7,06% dân số từ 2 tuổi trở lên là NKT (Tổng cục Thống kê, 2018), trong đó có hơn 1 triệu người mù và nhìn kém, chưa tính đến các dạng khuyết tật chữ in khác. Những rào cản tiếp cận thông tin thông qua XBP đã góp phần dẫn đến tình trạng mù chữ, hạn chế cơ hội đi học, có việc làm và hòa nhập xã hội của nhiều NKT chữ in. Dữ liệu thống kê cho thấy số lượng nhóm dân số này dự kiến sẽ tăng lên trong những thập kỷ tới do xu hướng già hóa dân số và gia tăng các bệnh không lây nhiễm như tiểu đường, dẫn đến suy giảm thị lực.

Việt Nam đã phê chuẩn CRPD vào năm 2015 và gia nhập Hiệp ước Marrakesh vào năm 2022. Do vậy, việc cải thiện khả năng tiếp cận XBP ở những định dạng phù hợp với NKT chữ in ngày càng trở thành một vấn đề quan trọng, giúp họ hiện thực hóa những quyền cơ bản nêu trong CRPD, hỗ trợ họ hòa nhập xã hội, và góp phần thực thi các cam

¹ Hiệp ước Marrakesh: Đảm bảo quyền tiếp cận tri thức cho người khuyết tật <https://vietnamnet.vn/hiệp-uoc-marrakesh-dam-bao-quyen-tiep-can-tri-thuc-cho-nguoi-khuyet-tat-576253.html> (truy cập ngày 03 – 7 – 2022)

kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Hơn thế nữa, việc nâng cao khả năng tiếp cận XBP còn góp phần giảm tỷ lệ nghèo ở nhóm xã hội này, thông qua việc mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục và việc làm cho họ. Theo thống kê của Hội Người mù Việt Nam năm 2022, trong số khoảng 74.000 hội viên của Hội thì có tới 11,9% thuộc hộ nghèo. Tỷ lệ này cao gấp gần 3 lần so với tỷ lệ nghèo chung của cả nước (4,03%).

Thực tế, trong khi Việt Nam đang tích cực nội luật hóa và thực thi Hiệp ước Marrakesh thì dữ liệu về NKT chữ in tại Việt Nam, những người hưởng lợi chính của Hiệp ước, vẫn còn thiếu nghiêm trọng. Trong khi đó, đây là nhóm xã hội cần nói lên những rào cản thông tin mà họ đang gặp phải, từ đó đề xuất giải pháp cho những thách thức đó. Do vậy, nhóm nghiên cứu tiến hành thực hiện báo cáo "*Thực trạng tiếp cận các xuất bản phẩm của người khuyết tật chữ in tại Việt Nam*" nhằm đưa tiếng nói của họ đến những nhà hoạch định chính sách với mục tiêu góp phần cải thiện khung pháp lý của Việt Nam, đáp ứng tốt hơn nhu cầu và quyền tiếp cận thông tin của họ.

2. Giải thích thuật ngữ

Dựa theo các khái niệm trong hiệp ước Marrakesh, Luật NKT năm 2010, Luật xuất bản năm 2012, luật Sửa đổi, Bổ sung một số Điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2022 và Nghị định 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả quyền liên quan của Việt Nam, báo cáo xây dựng/diễn giải khái niệm "NKT chữ in", "XBP" và "Các định dạng XBP dễ tiếp cận đối với NKT chữ in" như sau:

NKT chữ in là (1) NKT nhìn, (2) NKT nhận thức hoặc gặp khó khăn trong việc đọc chữ in mà không thể cải thiện được; và (3) NKT vận động không thể lật giờ trang sách, không thể điều khiển một cuốn sách, không thể tập trung hoặc di chuyển mắt ở mức độ bình thường cho việc đọc.

XBP là những tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật thể hiện bằng các ngôn ngữ khác nhau hay bằng hình ảnh, âm thanh, ký hiệu được xuất bản thông qua các nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản.

Các định dạng XBP dễ tiếp cận đối với NKT chữ in bao gồm: (1) Sách/tài liệu bằng chữ nổi Braille, (2) Văn bản điện tử, (3) Chữ in khổ lớn, (4) Các bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách, (5) các hình ảnh được chuyển đổi thành văn bản, hoặc lời nói được chuyển thành ngôn ngữ ký hiệu, đảm bảo NKT tiếp cận được.

II. Thiết kế nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu

Thực trạng tiếp cận các XBP của NKT chữ in, trong đó tập trung vào:

- ❖ Các nghiên cứu trong nước và quốc tế về thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in;
- ❖ Những quy định và khoảng trống chính sách hỗ trợ tiếp cận XBP dành cho NKT chữ in
- ❖ Nhu cầu tiếp cận, khả năng tiếp cận và rào cản tiếp cận XBP của NKT chữ in;
- ❖ Những cơ hội về giáo dục, việc làm và hòa nhập xã hội của NKT chữ in gắn với tiếp cận XBP; và
- ❖ Các bài học kinh nghiệm quốc tế về bảo đảm quyền tiếp cận XBP dành cho NKT chữ in.

2. Mục đích nghiên cứu

- ❖ Khảo sát nhu cầu, đánh giá thực trạng tiếp cận và rào cản tiếp cận các XBP của NKT chữ in.
Đánh giá ảnh hưởng của những hạn chế tiếp cận XBP đến cơ hội giáo dục, việc làm và hòa nhập xã hội của NKT chữ in.
- ❖ Phân tích một vài bài học kinh nghiệm quốc tế đảm bảo quyền tiếp cận XBP cho NKT chữ in có thể áp dụng tại Việt Nam.
- ❖ Đề xuất giải pháp nâng cao cơ hội tiếp cận các XBP cho NKT chữ in.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Nhu cầu và khả năng tiếp cận các XBP của NKT chữ in là như thế nào?

Khoảng trống và những rào cản pháp lý nào đang hạn chế khả năng tiếp cận các XBP của nhóm xã hội này?

Những rào cản trong tiếp cận các XBP làm hạn chế cơ hội giáo dục, việc làm và hòa nhập xã hội của họ như thế nào?

Kinh nghiệm nào trên thế giới và giải pháp nào có thể áp dụng tại Việt Nam nhằm nâng cao cơ hội tiếp cận XBP cho NKT chữ in?

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp tổng quan tài liệu

Phương pháp này cho phép thực hiện tổng quan thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in, kinh nghiệm quốc tế cũng như những quy định chính sách về hỗ trợ NKT chữ in tiếp cận các XBP. Nguồn tài liệu sử dụng được lấy từ những trang

web của các tổ chức trong nước và quốc tế có uy tín như: Quốc hội, Chính phủ, UNDP, WIPO, từ các nhà khoa học ... công bố trong giai đoạn 2015 – 2023. Những tài liệu này đều được trích dẫn cụ thể trong báo cáo, bao gồm cả đường link truy cập.

4.2. Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi

Phương pháp này hướng tới khai thác thông tin định lượng phục vụ phân tích thực trạng và những rào cản tiếp cận các XBP của NKT chữ in.

Quy mô khảo sát được thực hiện tại 63 tỉnh/thành phố trên cả nước. Trong đó, bằng phương pháp chọn mẫu phi xác suất, đề tài đặt định mức khảo sát 1200 NKT chữ in.

Bảng 1. Cỡ mẫu khảo sát theo các nhóm xã hội

Mẫu khảo sát theo giới tính			
Mẫu tổng	Giới tính	Số lượng	%
1200	Nam	600	50,0%
	Nữ	600	50,0%
Mẫu khảo sát theo độ tuổi			
Mẫu tổng	Độ tuổi	Số lượng	%
1200	Từ 12 đến dưới 18 tuổi	120	10,0%
	18 – 24	320	26,7%
	25 – 40	320	26,7%
	41 – 60	320	26,7%
	Từ 61 tuổi trở lên	120	10,0%
Mẫu khảo sát theo dạng khuyết tật chữ in			
Mẫu tổng	Dạng khuyết tật	Số lượng	%
1200	Khuyết tật nhìn	960	80%
	Các dạng khuyết tật chữ in khác	240	20%

Bảng phương pháp tổ hợp theo cơ cấu giới tính, độ tuổi, và dạng khuyết tật chữ in, đề tài xác định cỡ mẫu khảo sát tại 1 tỉnh/thành phố như sau:

Bảng 2. Tổ hợp phương án khảo sát theo giới tính, độ tuổi, dạng khuyết tật của NKT chữ in tại 1 tỉnh/thành phố

	Từ 12 đến dưới 18	18 - 24	25 - 40	41 – 60	Từ 61 tuổi trở lên	Tổng mẫu khảo sát tại 1 tỉnh/thành

	tuổi					phố
Nam	1	3	3	3	1	11
Nữ	1	3	3	3	1	11
Tổng	2	6	6	6	2	22

(Ghi chú: tại phương án tổ hợp nêu trên và theo phương pháp định mức, 80% NKT được khảo sát thuộc nhóm khuyết tật nhìn và 20% thuộc các dạng tật khác)

Theo phương án tổ hợp cỡ mẫu khảo sát tại 1 tỉnh/thành phố nêu trên, đề tài thực hiện khảo sát 22 NKT chữ in tại 1 tỉnh/thành phố, trong đó 11 người là nam giới và 11 người là nữ giới.

Nhóm đối tượng này tiếp tục được phân chia theo cơ cấu độ tuổi từ 12 đến dưới 18, từ 18 đến 24, từ 25 đến 40, từ 41 đến 60 và từ 61 tuổi trở lên. Phương án khảo sát này được thực hiện tại 63 tỉnh/thành phố. Tuy nhiên, với phương án tổ hợp trên thì đề tài có thể thực hiện khảo sát lên tới $22 \times 63 = 1386$ NKT chữ in, nhiều hơn 186 người so với định mức. Do vậy, đề tài thực hiện hiệu chỉnh giảm cỡ mẫu dành cho nhóm thuộc độ tuổi 18 – 24 từ mức 6 người tại mỗi tỉnh/thành phố xuống mức 4 người.

Bảng 3. Tổ hợp phương án khảo sát theo giới tính, độ tuổi, dạng khuyết tật của NKT chữ in tại 1 tỉnh/thành phố sau hiệu chỉnh

	Từ 12 đến dưới 18 tuổi	18 - 24	25 - 40	41 – 60	Từ 61 tuổi trở lên	Tổng mẫu khảo sát tại 1 tỉnh/thành phố
Nam	1	2	3	3	1	10
Nữ	1	2	3	3	1	10
Tổng	2	4	6	6	2	20

(Ghi chú: tại phương án tổ hợp nêu trên và theo phương pháp định mức, 80% NKT được khảo sát thuộc nhóm khuyết tật nhìn và 20% thuộc các dạng tật khác)

Bằng phương pháp hiệu chỉnh nêu trên, đề tài thực hiện khảo sát 20 NKT chữ in tại mỗi tỉnh/thành phố. Tổng cỡ mẫu dự kiến khảo sát lúc này là $20 \times 63 = 1260$ người, sát với định mức 1.200 người theo kế hoạch đề ra. Cỡ mẫu khảo sát này chiếm 44,9% kho dữ liệu là 2804 NKT mà Hội người mù Việt Nam quản lý, thu thập trên toàn quốc. Toàn bộ 100% NKT chữ in tham gia khảo sát đều thuộc

kho dữ liệu này.

Bằng phương pháp phi xác suất, kết hợp với yếu tố ngẫu nhiên, thuận tiện, đề tài đặt định mức thực hiện khảo sát 80% người khiếm thị và 20% thuộc các dạng khuyết tật chữ in khác. Những người này được bốc thăm ngẫu nhiên, hệ thống từ kho dữ liệu của Hội người mù Việt Nam.

Việc khảo sát được thực hiện qua điện thoại, trung bình mỗi cuộc gọi kéo dài khoảng 25 đến 30 phút. Những trường hợp không thể tự điền biểu mẫu khảo sát trên google form (chiếm tới 70%) đều được người khảo sát trợ giúp bằng cách vừa hỏi vừa điền trực tiếp các phương án trả lời của NKT chữ in đó vào biểu mẫu thiết kế. Những trường hợp có khả năng tự điền phiếu hỏi trên google form (khoảng 30%) được người khảo sát hướng dẫn qua điện thoại cách thức tự điền phương án trả lời.

Bảng hỏi được thiết kế bao gồm:

- ❖ Mục giải thích từ ngữ về XBP, NKT chữ in và các định dạng dễ tiếp cận đối với NKT chữ in.
- ❖ Nhóm 10 câu hỏi thu thập thông tin chung của người trả lời: độ tuổi, giới tính, dân tộc, học vấn, việc làm, thu nhập, hoàn cảnh kinh tế hộ gia đình, dạng khuyết tật chữ in, mức độ khuyết tật và nơi cư trú.
- ❖ Nhóm 6 câu hỏi thu thập thông tin về nhu cầu, thực trạng, rào cản tiếp cận XBP.

Nhóm 3 câu hỏi thu thập thông tin về cơ hội và thách thức gắn với tiếp cận XBP.

Những người tham gia khảo sát đều được cung cấp tài liệu hướng dẫn khảo sát, được tập huấn bảng hỏi, kỹ năng khảo sát, và thực hiện khảo sát thử giữa các thành viên. Kết thúc ngày tập huấn, khảo sát thử nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm, toàn bộ nhóm khảo sát khẳng định đã hiểu rõ từng câu hỏi trong bảng hỏi, hiểu rõ yêu cầu, cách thức thực hiện khảo sát, đồng thời khẳng định bản thân có đủ năng lực đáp ứng tốt yêu cầu đặt ra đối với cuộc khảo sát này.

4.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

Phương pháp này tập trung vào khai thác sâu thông tin định tính phục vụ phân tích thực trạng tiếp cận và những rào cản tiếp cận XBP của NKT chữ in. Số mẫu phỏng vấn sâu là 35 NKT chữ in tại 3 miền: Bắc (10 người) – Trung (10 người) – Nam (15 người), trong đó có 33 người khiếm thị và 2 người thuộc các dạng khuyết tật chữ in khác.

Nội dung phỏng vấn sâu được thiết kế theo 6 chủ đề, mỗi chủ đề có từ 3 đến 6 câu hỏi cụ thể. Nội dung những chủ đề này được thiết kế dựa trên những phát hiện của khảo sát định lượng về thực trạng và rào cản tiếp cận XBP của NKT chữ in (Phụ lục 3). Nhóm nghiên cứu lựa chọn những chủ đề có thể khai thác thêm thông tin, lựa chọn những câu trả lời có giá trị từ khảo sát định lượng, và tiến hành phỏng vấn sâu với những người khuyết tật chữ in đó. Mỗi NKT chữ in tham gia PVS chỉ trả lời 1 – 2 chủ đề cụ thể.

5. Hạn chế của nghiên cứu:

Mặc dù được thực hiện khảo sát trên phạm vi 63 tỉnh/thành phố, nhưng cỡ mẫu khảo sát còn nhỏ, chưa phản ánh toàn diện thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in.

Có những tỉnh/thành phố không có đủ số lượng NKT chữ in theo cơ cấu mẫu khảo sát đã thiết kế, nên nhóm khảo sát khi đó đã linh hoạt lựa chọn đối tượng thay thế cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa bàn. Do vậy, kết quả khảo sát có sự khác biệt với phương án thiết kế khảo sát ở trên (xem mục 3. Đặc điểm nhân khẩu học – xã hội của NKT chữ in).

Đề tài không thực hiện khảo sát trực tiếp, mà khảo sát qua điện thoại, do vậy, chỉ có thể thực hiện khảo sát với những NKT chữ in có số điện thoại liên lạc. Như vậy, thực trạng tiếp cận XBP của những NKT chữ in không có điện thoại chưa được phản ánh trong báo cáo này.

Bảng hỏi được thiết kế bằng tiếng Kinh, người thực hiện khảo sát chưa thành thạo tiếng dân tộc thiểu số, do vậy, đề tài mới dừng lại ở việc khảo sát người dân tộc thiểu số biết nói tiếng Kinh,

Nghiên cứu này mới dừng lại ở khảo sát NKT chữ in mà chưa khảo sát các bên liên quan (cơ quan hữu quan của Nhà nước, nhà xuất bản, các tổ chức của và vì NKT...), do vậy, chưa thực hiện đánh giá đa chiều về thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in.

III. Các phát hiện chính

1. Tổng quan về tiếp cận xuất bản phẩm của người khuyết tật chữ in

- Sự cần thiết, quyền tiếp cận thông tin, tri thức của NKT chữ in thông qua XBP

Nhiều quốc gia trên thế giới thừa nhận trong thế kỷ 21 thì quyền được học hành, qua đó là quyền tiếp cận XBP có tầm quan trọng. Mục tiêu số 4 trong các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc yêu cầu "đảm bảo chất lượng

giáo dục toàn diện, công bằng và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người". Đây là khát vọng chung, là nhu cầu của toàn thể nhân loại (Neli Kaunda & Sabelo Chizwina, 2018; Paul Harpur, 2017; Ohajunwa, C., Mckenzie, J., & Lorenzo, T., 2015).

Trong bối cảnh hiện nay, khả năng tiếp cận XBP là vấn đề cốt lõi của nhiều xã hội. Thông qua tiếp cận XBP mà mọi công dân được thực hiện các quyền cơ bản về: giáo dục, việc làm, du lịch, giải trí, chăm sóc sức khỏe, tham gia các hoạt động xã hội, chính trị, văn hóa... Theo đó, tiếp cận XBP là nhu cầu thiết thực của nhiều nhóm xã hội, bao gồm NKT chữ in (Oppenheim, C., 2017; Mutanga, O., & Walker, M., 2017).

Khả năng tiếp cận XBP cũng liên quan chặt chẽ đến việc tiếp cận thông tin, tri thức của con người, của NKT chữ in, dù rằng nhiều người trong số họ không thể đọc, không có cơ hội học đọc, song việc tiếp cận XBP thông qua những định dạng phù hợp đem lại cho NKT chữ in những cơ hội rộng mở, đáp ứng nhu cầu của bản thân (Paul Harpur, 2017; Neli Kaunda & Sabelo Chizwina, 2018; Thanh An, 2022).

- Nhiều hoạt động thúc đẩy mở rộng cơ hội tiếp cận XBP của NKT chữ in đang nhận được sự quan tâm từ Chính phủ đến các tổ chức xã hội

Thực tế, nhiều hoạt động thúc đẩy mở rộng cơ hội tiếp cận XBP dành cho NKT chữ in đã nhận được sự quan tâm từ các Chính phủ và nhiều tổ chức xã hội, trong đó có Việt Nam (Thúy Vân, 2020; Công thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2022). Nhiều quốc gia đã nỗ lực thúc đẩy thực hiện Hiệp ước Marrakesh nhằm tạo điều kiện cho NKT chữ in dễ tiếp cận các tác phẩm đã xuất bản (Blechner, A. J., 2015; Thanh An, 2022). Tiêu biểu trong số này là trường hợp của Quốc gia Nam Phi. Tại đây, nhờ các quy định của Chính phủ và cách thức vận hành của các tổ chức xã hội mà NKT chữ in được tạo nhiều thuận lợi trong tiếp cận tác phẩm văn học và nghệ thuật, như được quyền mượn những tác phẩm đã chuyển đổi sang định dạng dễ tiếp cận, được hướng dẫn sử dụng các công cụ hỗ trợ để có thể nhanh chóng tìm được những tác phẩm phù hợp với nhu cầu, được gia hạn thời gian mượn sách, được mượn nhiều lần cho đến khi hoàn thành công việc ... (Ohajunwa, C., Mckenzie, J., & Lorenzo, T., 2015; Oppenheim, 2017; Mutanga, O., & Walker, M., 2017).

Thực tế, sự vận động của các tổ chức xã hội, sự thúc đẩy tham gia và thực thi Hiệp ước Marrakesh đã cho phép một số quốc gia thực hiện nhiều hoạt động pháp

lý mang lại lợi ích cho NKT chữ in, cũng như cho phép các thư viện lưu lại các bản sao chép và tạo thuận lợi cho NKT chữ in có thể truy cập (Oppenheim, 2017; Neli Kaunda & Sabelo Chizwina, 2018; Thúy Vân, 2020; Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2022).

Sự vận động của các tổ chức xã hội, sự ủng hộ của nhiều Chính phủ cũng góp phần tăng cường mở rộng cơ hội tiếp cận XBP của NKT chữ in thông qua việc cải thiện khả năng truy cập các trang website. Nhờ vậy, cơ hội tiếp cận XBP của NKT chữ in đang dần được mở rộng (Lazar và Briggs, 2015; Wilson, D. E., 2015; Majinge, R. M., & Mutula, S. M., 2018).

Với những lợi thế về bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận XBP của NKT chữ in, Việt Nam cũng đang tích cực thực hiện các bước đi pháp lý nhằm chuyên hóa Hiệp ước Marrakesh vào thực tiễn xã hội (Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2022; Thanh An, 2022).

- Cơ hội tiếp cận XBP của NKT chữ in vẫn còn chịu nhiều hạn chế

Tuy nhiên, cơ hội tiếp cận XBP của NKT chữ in vẫn còn chịu nhiều hạn chế, nguồn tài liệu dành cho NKT chữ in không thực sự phong phú. Hầu hết các tác giả và nhà xuất bản trên thực tế chưa sẵn sàng cung cấp XBP ở các định dạng dễ tiếp cận, bởi họ coi thị trường dành cho NKT chữ in là thị trường không mang lại hiệu quả kinh tế (Fitzpatrick, 2014; Neli Kaunda & Sabelo Chizwina, 2018; Thanh An, 2022).

Cụ thể, trường hợp tại Nam Phi, nơi nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của Chính phủ thì sinh viên khuyết tật chữ in theo học tại các trường đại học cũng chịu nhiều thua thiệt so với sinh viên không khuyết tật trong tiếp cận các XBP. Chẳng hạn như: các thư viện tại đây chỉ dành một phần nhỏ các đầu sách cho mục đích chuyển sang các định dạng phù hợp. Nhiều đầu sách khác, nhất là những đầu sách khoa học, học thuật vẫn để ở dạng bản in. Điều đó đã hạn chế sinh viên khuyết tật trong việc tiếp cận đa dạng với nhiều đầu sách (The South African Library for the Blind, 2015; Phukubje, J., & Ngoepe, M., 2017; Mutanga, O., & Walker, M., 2017).

Trên thực tế, trên thế giới chỉ có khoảng 7% XBP đã công bố được chuyển đổi sang những định dạng dễ tiếp cận với NKT chữ in. Tại những quốc gia đang phát triển thì tỷ lệ này chỉ tương ứng với khoảng 1% (WIPO, 2016). Thậm chí, ngay tại quốc gia phát triển như Hoa Kỳ thì cũng chỉ có khoảng 5% XBP được chuyển sang định dạng dễ tiếp cận. Thực tế này cũng diễn ra tương tự tại Việt Nam, nhiều đơn vị, tổ chức chưa sẵn sàng cung cấp các XBP ở định dạng dễ tiếp cận (Thanh An, 2022).

2. Quy định và khoảng trống chính sách trong hỗ trợ tiếp cận xuất bản phẩm

Quyền tiếp cận thông tin của NKT được quy định tại Điều 9 và Điều 21 của CRPD. Quyền này có liên hệ chặt chẽ với quyền giáo dục (Điều 24), quyền việc làm (Điều 27), và quyền tham gia đời sống chính trị - văn hóa của NKT (Điều 29 và 30). Tuy hoạt động chuyển đổi sách in sang sách chữ nổi và ghi âm cho NKT đã có từ lâu, nhưng chỉ khi Hiệp ước Marrakesh ra đời năm 2013, những ngoại lệ và giới hạn bản quyền để bảo vệ quyền tiếp cận XBP của NKT chữ in mới được chính thức ghi nhận trong pháp luật quốc tế, tạo ra sự cân bằng giữa quyền tác giả và quyền thụ hưởng.

Tại Việt Nam, Nhà nước khuyến khích các tổ chức và cá nhân ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin cho NKT (Điều 43, Luật Người khuyết tật). Đáng chú ý, Luật Sở hữu Trí tuệ 2005 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2022, mở rộng nội hàm NKT được thụ hưởng những ngoại lệ bản quyền và đa dạng hóa các định dạng dễ tiếp cận được phép chuyển đổi và phân phối cho NKT, gần tương thích với Hiệp ước Marrakesh. Điều 25A của Luật này cho phép "*NKT được quyền sao chép, biểu diễn, truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận của tác phẩm khi có quyền tiếp cận hợp pháp với bản gốc hoặc bản sao tác phẩm; có quyền nhập khẩu bản sao dưới định dạng dễ tiếp cận của tác phẩm từ tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ để sử dụng cho mục đích cá nhân*"; đồng thời cho phép các tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ "*có quyền sao chép, phân phối, biểu diễn, truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận không vì mục đích lợi nhuận*". Việc thực hiện các hoạt động nêu trên không cần xin phép chủ sở hữu quyền tác giả.

Đề thúc đẩy thực thi Luật Sở hữu Trí tuệ, tháng 04/2023, Thủ Tướng Chính Phủ đã ban hành Nghị Định 17/2023/NĐ-CP; trong đó Điều 30 giải thích khái niệm NKT (đối tượng thụ hưởng của các ngoại lệ và giới hạn bản quyền quy định trong Luật Sở hữu Trí tuệ), bản sao dễ tiếp cận, các tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính Phủ, quy định thủ tục xin phép chuyển đổi và phân phối sách dễ tiếp cận và nghĩa vụ của các tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính Phủ. Nhìn chung, Việt Nam đã có bước tiến dài nội luật hóa Hiệp ước Marrakesh, tăng cường cơ hội tiếp cận XBP cho NKT chữ in ở các định dạng phù hợp. Tuy nhiên, hiện chưa có chính sách khuyến khích áp dụng phương pháp xuất bản bao trùm (inclusive publishing) và chính sách liên kết các nguồn cung XBP ở định dạng dễ tiếp cận, chính sách tạo ra chuỗi liên kết liên thư viện nhằm trợ giúp giảm

lãng phí nguồn lực chuyển đổi, phân phối và trợ giúp NKT tiếp cận dễ hơn với các nguồn XBP ở định dạng phù hợp.

Luật xuất bản năm 2012 của Việt Nam cũng đề cập đến hình thức xuất bản điện tử ở định dạng số, đọc, nghe và nhìn bằng phương tiện điện tử. Các điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý này đã phần nào giúp NKT dễ tiếp cận hơn với các XBP. Tuy nhiên, nếu các XBP không đáp ứng tiêu chuẩn tiếp cận của một phiên bản điện tử thì NKT vẫn gặp khó khăn trong thụ hưởng toàn bộ nội dung.

Theo Luật sở hữu trí tuệ năm 2022 (Quốc Hội, 2022) thì các XBP dù ở định dạng nào cũng đều thuộc quyền sở hữu của các tác giả. Quyền này được Nhà nước bảo hộ và thực thi.

Song, để tăng cường khả năng tiếp cận XBP đến với các nhóm xã hội, những văn bản pháp lý nêu trên cho phép đối với tổ chức là các thư viện thì được quyền "*sao chép để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu*", còn đối với cá nhân thì được quyền "*sao chép khi thực hiện nghiên cứu khoa học, giảng dạy mà không nhằm mục đích thương mại*". Theo đó, hoạt động sao chép này là hợp pháp, các thư viện và cá nhân, bao gồm NKT chữ in không phải xin phép và trả tiền bản quyền tác giả.

Thực tế, "*việc bổ sung trường hợp sao chép dành cho mục đích học tập so với Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành như là một trường hợp ngoại lệ của quyền tác giả, là hoàn toàn phù hợp với nhu cầu thực tiễn của Việt Nam cũng như pháp luật quốc tế và pháp luật của nhiều quốc gia*" (Công thông tin điện tử Quốc hội, 2022).

Trong các văn bản pháp lý hiện nay, chưa có điều khoản cụ thể nào đề cập đến việc hỗ trợ tài chính cho các nhà xuất bản trong việc tạo ra các bản sao XBP ở định dạng dễ tiếp cận với NKT chữ in, cũng như chưa có quy định pháp lý nào mang tính ràng buộc để các nhà xuất bản có trách nhiệm dành ra một tỷ lệ nhất định các XBP ở định dạng dễ tiếp cận với nhóm xã hội này. Do vậy, chịu tác động từ yếu tố thị trường nhiều "*nhà xuất bản chưa sẵn sàng bỏ thêm chi phí tạo bản sao để tiếp cận cho độc giả khuyết tật chữ in, đa số có thu nhập thấp*" (Thanh An, 2022)".

Hơn thế nữa, những thủ tục hành chính liên quan đến bản quyền tác giả cũng đang hạn chế các nhà xuất bản, bởi "*để xuất bản một cuốn sách cần được sự cho phép của tác giả. Tác giả có quyền cho phép nhà xuất bản in tác phẩm của mình thành sách dưới dạng sách in hoặc sách điện tử nếu họ đáp ứng nhu cầu quyền lợi của tác giả*" (Hà Trung, 2021).

Do vậy, số lượng XBP được cung cấp ở định dạng dễ tiếp cận với NKT chữ in thường luôn hạn chế, bởi các thủ tục hành chính, pháp lý và cơ bản nhất là các nhà xuất bản chưa thể tìm kiếm lợi nhuận từ thị trường phân mảng nhỏ lẻ, giới hạn người mua, sức mua này. Chính vì thế, trong khi nền xuất bản bao trùm chưa phát triển, cần có nhiều hơn những chính sách cụ thể để khuyến khích, phát huy chức năng của các tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính Phủ để họ đáp ứng nhu cầu đọc sách của NKT chữ in, góp phần xóa nạn “đói sách” và thu hẹp khoảng cách học vấn và tiềm lực kinh tế của họ với các nhóm xã hội khác.

3. Đặc điểm nhân khẩu học – xã hội

Báo cáo trên thực tế khảo sát 1217 NKT chữ in, tương ứng đạt 100,01% so với định mức đặt ra là khảo sát 1200 và đạt 96,6% so với thiết kế khảo sát là 1260. Đặc điểm nhân khẩu học – xã hội của nhóm dân số này được trình bày tại các bảng số liệu dưới đây.

Bảng 4. Độ tuổi, giới tính và học vấn của NKT chữ in

		Theo thiết kế khảo sát		Thực tế khảo sát	
		Số lượng (N = 1260)	%	Số lượng (N = 1217)	%
Độ tuổi	Từ 12 đến 18	126	10,0	135	11,1
	Từ 19 đến 24	252	20,0	230	18,9
	Từ 25 đến 40	378	30,0	386	31,7
	Từ 41 đến 60	378	30,0	343	28,2
	Từ 61 tuổi trở lên	126	10,0	123	10,1
Giới tính	Nam	630	50,0	658	54,1
	Nữ	630	50,0	554	45,5
	Khác/không muốn trả lời	-	-	5	0,4
Học vấn	Không qua trường lớp đào tạo nào	-	-	157	12,9
	Chỉ đi học xóa mù chữ	-	-	174	14,3
	Chưa học hết tiểu học	-	-	79	6,5
	Tốt nghiệp tiểu học	-	-	96	7,9
	Chưa học hết cấp II	-	-	169	13,9

	Tốt nghiệp cấp II	-	-	163	13,4
	Chưa học hết cấp III	-	-	71	5,8
	Tốt nghiệp cấp III	-	-	140	11,5
	Chưa học xong trung cấp/cao đẳng	-	-	7	0,6
	Tốt nghiệp trung cấp/cao đẳng	-	-	43	3,5
	Chưa học xong đại học	-	-	46	3,8
	Tốt nghiệp đại học	-	-	70	5,8
	Trên đại học	-	-	2	0,1

(Nguồn: kết quả khảo sát “Thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in”, 2022; (-) = không đưa vào thiết kế khảo sát)

Về đặc điểm nhân khẩu học – giáo dục, nhóm NKT chữ in thuộc độ tuổi 25 – 40 chiếm tỷ lệ cao nhất (31,7%). Nhóm nam giới có tỷ lệ cao hơn 8,6 điểm % so với nhóm nữ giới. Nhóm thuộc giới tính khác/không muốn trả lời chỉ chiếm 0,4%. Đa số NKT chữ in có trình độ học vấn thấp, phổ biến từ cấp II trở xuống. Thậm chí, có tới 12,9% chưa qua trường lớp đào tạo, 14,3% chỉ đi học xóa mù chữ và 6,5% chưa tốt nghiệp tiểu học.

Bảng 5. Đặc điểm kinh tế của NKT chữ in

		Theo thiết kế khảo sát		Thực tế khảo sát	
		Số lượng (N = 12....)	%	Số lượng (N = 1217)	%
Việc làm	Tạm thời nghỉ việc	-	-	80	6,6
	Đang đi học, chưa đi làm	-	-	173	14,2
	Đang đi làm	-	-	736	60,5
	Đã nghỉ hưu	-	-	31	2,5
	Không có việc làm, cũng không đi học	-	-	167	13,7
	Khác	-	-	30	2,5
Thu nhập trung	Chưa tạo ra thu nhập	-	-	358	29,4
	Có thu nhập dưới 2 triệu	-	-	163	13,4

bình/tháng trong 12 tháng qua	2.000.001 - 4 triệu	-	-	368	30,3
	4.000.001 - 6 triệu	-	-	207	17,0
	6.000.001 - 8 triệu	-	-	62	5,1
	8.000.001 - 10 triệu	-	-	16	1,3
	Từ 10 triệu trở lên	-	-	15	1,2
	Không biết, do thu nhập gộp chung với cả gia đình (ví dụ: phụ giúp gia đình bán hàng ...)	-	-	28	2,3
Hoàn cảnh kinh tế hộ gia đình	Hộ nghèo (theo quy định của địa phương)	-	-	200	16,4
	Hộ cận nghèo	-	-	182	15,0
	Hộ không thuộc 2 trường hợp kể trên	-	-	835	68,6

(Nguồn: kết quả khảo sát “Thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in”, 2022;
(-) = không đưa vào thiết kế khảo sát)

Số NKT chữ in đang đi làm chiếm đa số, lên tới 60,5% (có thể do người trả lời nằm trong độ tuổi lao động (25 – 60) chiếm đa số (59,9%) trong tổng mẫu). Thu nhập của NKT chữ in tham gia khảo sát nhìn chung là thấp. Có tới 60,6% số người tham gia khảo sát có mức thu nhập dưới 6 triệu /tháng. Chỉ có 2,5% tạo ra mức thu nhập trên 8 triệu /tháng. Số thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo chiếm 16,4% và 15,0%, cao khoảng gấp 4 lần so với mức 4,03% và 3,49% tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo chung toàn quốc năm 2022 (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, 2023).

Bảng 6. Dân tộc và địa bàn sinh sống của NKT chữ in

		Theo thiết kế khảo sát		Thực tế khảo sát	
		Số lượng (N = 12....)	%	Số lượng (N = 1217)	%
Dân tộc	Kinh	-	-	1016	83,5
	Tày	-	-	45	3,7
	Mường	-	-	14	1,2

	H'mông	-	-	9	0,7
	Ê Đê	-	-	26	2,1
	Khơ me	-	-	16	1,3
	Khác	-	-	91	7,5
Bắc - Trung - Nam	Miền Bắc	-	-	458	37,6
	Miền Trung	-	-	427	35,1
	Miền Nam	-	-	332	27,3
6 vùng KT - XH	Trung du và miền núi phía Bắc	-	-	275	22,6
	Đồng bằng sông Hồng	-	-	183	15,0
	Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	-	-	300	24,7
	Tây Nguyên	-	-	127	10,4
	Đông Nam Bộ	-	-	119	9,8
	Đồng bằng sông Cửu Long	-	-	213	17,5

(Nguồn: kết quả khảo sát “Thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in”, 2022;
(-) = không đưa vào thiết kế khảo sát)

Trong số 1.217 NKT chữ in tham gia khảo sát, có tới 83,5% thuộc dân tộc Kinh, 37,6% sống tại miền Bắc, 35,1% sống tại miền Trung và 27,3% sống tại miền Nam. Vùng Đông Nam Bộ có tỷ lệ tham gia khảo sát thấp nhất, đạt 9,8%, vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung có tỷ lệ cao nhất, đạt 24,7%.

Bảng 7. Thông tin chung về tình trạng khuyết tật chữ in

		Theo thiết kế khảo sát		Thực tế khảo sát	
		Số lượng (N = 1260)	%	Số lượng (N = 1217)	%
Dạng khuyết tật	Khuyết tật nhìn	1008	80%	1191	97,9
	Khuyết tật nhận thức/gặp khó khăn trong việc đọc chữ in	252	20%	45	3,7
	Khuyết tật vận động			20	1,6

	không lật giờ được trang sách hoặc người không thể điều khiển một cuốn sách, hay tập trung hoặc di chuyển mắt đến mức độ bình thường cho việc đọc				
	Khuyết tật khác			6	0,5
Tình trạng mắc đa khuyết tật	Mức 1 dạng khuyết tật chữ in	-	-	1175	96,5
	Mức từ 2 dạng khuyết tật chữ in trở lên	-	-	42	3,5
Mức độ khuyết tật	Đặc biệt nặng	-	-	618	50,8
	Nặng	-	-	481	39,5
	Nhẹ	-	-	93	7,6
	Chưa xác định	-	-	25	2,1

(Nguồn: kết quả khảo sát “Thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in”, 2022; (-) = không đưa vào thiết kế khảo sát)

Về tình trạng khuyết tật chữ in, có tới 97,9% thuộc nhóm khuyết tật nhìn, 3,5% thuộc nhóm mắc từ 2 dạng khuyết tật trở lên, và 50,8% thuộc diện đặc biệt nặng.

Như đã giải thích trong phần 5 – Hạn chế của nghiên cứu, NKT nhìn chiếm đa số, và các dạng khuyết tật chữ in khác chưa đạt định mức là do kho dữ liệu cho khảo sát này chủ yếu do hội người mù cung cấp nên số người khiếm thị chiếm đa số. Nhóm nghiên cứu đã cố gắng thu thập dữ liệu người khuyết tật chữ in dạng khác từ các tổ chức của NKT. Tuy nhiên, do khái niệm “người khuyết tật chữ in” còn khá mới ở Việt Nam, nên dữ liệu của các tổ chức đó không phân tách các nhóm này. Điều đó cũng đồng nghĩa nhu cầu và quyền tiếp cận thông tin của các nhóm khuyết tật vận động và nhận thức không đọc được sách in theo cách thông thường vẫn chưa được quan tâm và đáp ứng.

4. Nhu cầu, thực trạng và rào cản tiếp cận xuất bản phẩm

Đa số NKT chữ in tham gia khảo sát không thể đọc XBP ở định dạng văn bản in thông thường, song có khả năng nghe, đọc, xem ở những định dạng khác. Do vậy, nhiều người trong số họ có nhu cầu tiếp cận XBP ở những định dạng phù hợp,

như: các bản ghi âm /sách nói, hay chữ nổi Braille. Tuy nhiên, những XBP ở định dạng phù hợp với NKT chữ in thường luôn khan hiếm. Nhiều người do vậy mà khó hoặc không thể tìm kiếm được những XBP mong muốn nếu không có sự trợ giúp. Những chủ thể xã hội có khả năng hỗ trợ NKT chữ in tiếp cận với các XBP ở định dạng phù hợp thường là Hội người mù/NKT, gia đình, bạn bè/tình nguyện viên hay các nhóm chia sẻ sách/tài liệu trên mạng xã hội. Những khó khăn phổ biến mà NKT chữ in thường gặp khi tìm kiếm XBP đó là họ có thể tìm được những XBP đó ở định dạng cần, nhưng không dễ xem/nghe/đọc, hoặc không có đủ tiền để mua những XBP đó ở định dạng phù hợp. Trong những trường hợp như vậy, nhiều người trong số họ có thể nhờ người khác tìm giúp, nhờ người khác đọc hoặc truyền đạt lại. Song cũng có những trường hợp buộc phải chấp nhận bỏ qua không tìm nữa, dù đó là những tài liệu có giá trị thiết thực với bản thân.

Người khuyết tật nhìn, hay khuyết tật chữ in thuộc những dạng khác, gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận tri thức thông qua XBP. Tuy nhiên, NKT chữ in vẫn có nhu cầu rất lớn được tiếp cận XBP nói riêng và tri thức nói chung ở định dạng phù hợp. Khuyết tật nhìn, hay khuyết tật chữ in thuộc những dạng khác đã tước đi một phần đặc quyền tiếp cận tri thức thông qua XBP của một bộ phận NKT. Do vậy, có tới 58,7% NKT chữ in tham gia khảo sát không có khả năng đọc những văn bản in thông thường và 55,0% không có khả năng đọc chữ in khổ lớn. Những hạn chế này có sự khác biệt đáng kể theo mức độ khuyết tật. NKT chữ in đặc biệt nặng là nhóm có tỷ lệ không thể đọc các văn bản in thông thường hoặc chữ in khổ lớn cao hơn so với các nhóm khác, lên tới 76,4% và 73,9% (bảng 1, phụ lục 1).

Bảng 8. Khả năng nghe, đọc, xem các XBP của NKT chữ in

	Rất dễ dàng	Có chút khó khăn	Rất khó khăn	Không thực hiện được
Văn bản in thông thường	5,5%	16,0%	19,8%	58,7%
Sách/tài liệu bằng chữ nổi Braille	44,0%	25,3%	13,1%	17,6%
Văn bản điện tử (Word, PDF, ...)	20,3%	27,0%	19,3%	33,4%
Chữ in khổ lớn	13,1%	14,6%	17,3%	55,0%
Các bản ghi âm /sách nói	64,2%	20,8%	7,6%	7,5%

Các bản ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách	18,6%	24,0%	19,5%	38,0%
---	-------	-------	-------	-------

(Nguồn: kết quả khảo sát “Thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in”, 2022)

Tuy nhiên, khuyết tật chữ in không có nghĩa nhóm xã hội này bị tước bỏ hoàn toàn mọi cơ hội tiếp cận XBP. Trên thực tế, có tới 64,2% NKT chữ in tham gia khảo sát có khả năng "rất dễ dàng" nghe, đọc, xem Các bản ghi âm /sách nói và 44,0% có khả năng tương tự đối với Sách/tài liệu bằng chữ nổi Braille. Điều này đúng với cả những trường hợp thuộc diện khuyết tật chữ in đặc biệt nặng (bảng 1, phụ lục 1). Do đó, nhu cầu tiếp cận XBP của NKT chữ in ở những định dạng phù hợp vẫn chiếm tỷ lệ cao.

Bảng 9. Nhu cầu tiếp cận XBP của NKT chữ in

	Rất mong muốn	Có mong muốn	Không mong muốn
Văn bản in thông thường	18,3%	23,7%	58,0%
Sách/tài liệu bằng chữ nổi Braille	54,5%	32,4%	13,1%
Văn bản điện tử (Word, PDF, ...)	35,2%	34,0%	30,8%
Chữ in khổ lớn	22,2%	24,2%	53,6%
Các bản ghi âm /sách nói	69,7%	24,9%	5,4%
Các bản ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách	30,2%	30,2%	39,5%

(Nguồn: kết quả khảo sát “Thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in”, 2022)

Theo kết quả khảo sát, có tới 94,6% NKT chữ in có nhu cầu tiếp cận XBP ở định dạng ghi âm /sách nói, trong đó, 69,7% thể hiện "Rất mong muốn" và 24,9% "Có mong muốn". Tương tự, có tới 86,9% NKT chữ in có nhu cầu tiếp cận XBP ở định dạng chữ nổi Braille, trong đó, 54,5% "Rất mong muốn" và 32,4% "Có mong muốn". Thực tế này là bởi đây là những định dạng mà họ có thể nghe, đọc, xem. Ngược lại, văn bản in thông thường và chữ in khổ lớn là hai định dạng mà NKT chữ in không có nhu cầu tiếp cận lớn nhất, lần lượt là 53,6% và 58%. Điều này hoàn toàn dễ hiểu vì họ là nhóm không đọc sách in theo cách thông thường.

Song, nhu cầu tiếp cận XBP của NKT chữ in có sự khác biệt theo độ tuổi, giới tính, học vấn, dân tộc, hoàn cảnh kinh tế hộ gia đình và mức độ khuyết tật, dù rằng khoảng cách khác biệt trong nhiều trường hợp là không lớn. Nhìn chung, NKT chữ in tham gia khảo sát thuộc độ tuổi 12 – 18, nam giới, dân tộc kinh, có học vấn từ

THPT trở lên, không thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo và có mức độ khuyết tật nhẹ/chưa xác định biểu hiện có nhu cầu ở mức độ cao hơn so với các nhóm khác (bảng 2, phụ lục 1). Kết quả khảo sát định lượng này, kết hợp với kết quả phỏng vấn sâu dưới đây, cho thấy XBP ở định dạng dễ tiếp cận rất quan trọng cho việc học tập và nâng cao tri thức của NKT chữ in.

Câu hỏi PVS "Bạn muốn nghe sách nói thuộc thể loại gì và qua kênh nào?"

Trả lời: Muốn nghe sách nói ở thể loại văn học, tâm lý, kỹ năng sống, kỹ năng giáo dục – (PVS 1, nữ, 36 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn)

Trả lời: Hay nghe sách nói thuộc thể loại kỹ năng sống, mẹo vặt trong gia đình, nuôi dạy con cái. Dùng điện thoại là chính và nghe trên các trang: Sách nói online, youtube... - (PVS 6, nam, 32 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn)

Tuy nhiên, nhu cầu tiếp cận XBP của NKT chữ in nhiều khi không được đáp ứng bởi tình trạng rất khan hiếm, thậm chí không có XBP ở định dạng dễ tiếp cận, mà nguyên nhân là do các nhà cung cấp chưa quan tâm đến thị trường nhỏ lẻ, yếu sức mua này (Neli Kaunda & Sabelo Chizwina, 2018; Thanh An, 2022), hoặc do sách chỉ được chuyển đổi một phần, hoặc chưa đạt chuẩn tiếp cận.

Câu hỏi PVS "Khi tìm được sách ở định dạng phù hợp, bạn có gặp vấn đề gì khi tiếp cận toàn bộ nội dung sách không? Nếu có, bạn thường tiếp cận được khoảng bao nhiêu phần trăm nội dung sách?"

Trả lời: Thông thường, có một số sách không tiếp cận được hết, ví dụ sách in chữ Braille dài tập số lượng hạn chế, không tiếp cận được hết, ngoài ra sách nói không có đủ bộ, chỉ một số tập được chuyển định dạng sang nói – (PVS 1, nữ, 36 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn)

Trả lời: Có nhiều sách tìm được định dạng để đọc nhưng khi gặp ký tự đặc biệt, biểu đồ, hình ảnh...không tiếp cận được – (PVS 11, nữ, 23 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn)

Trả lời: Có, một số sách vẫn không tiếp cận được như: Miêu tả bức tranh thì phải nhờ cô giáo miêu tả thì mới nắm được (trong sách giáo khoa). Có sách không tiếp cận được ½, có sách không tiếp cận được hoàn toàn – (PVS 13, nữ, 15 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn)

Bảng 10. Số lượng XBP sẵn có theo đánh giá của NKT chữ in

	Rất nhiều	Có đủ	Thiếu một ít	Rất khan hiếm
Sách giáo khoa/tài liệu học tập	7,1%	19,5%	29,0%	24,6%
Sách/tài liệu văn học nghệ thuật	5,1%	16,2%	21,1%	31,2%
Sách/tài liệu khoa học tự nhiên	4,3%	13,1%	20,5%	32,5%
Sách /tài liệu phục vụ nghiên cứu /công việc	5,2%	12,8%	20,8%	30,9%
Sách/tài liệu về kỹ năng sống	7,2%	15,7%	22,1%	27,6%

(Nguồn: kết quả khảo sát “Thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in”, 2022)

Theo 62,1% và 61,2% NKT chữ in tham gia khảo sát, hai thể loại XBP phổ biến nhất ở dạng khan hiếm, và thậm chí là không có, là "Sách/tài liệu khoa học tự nhiên" và "Sách/tài liệu phục vụ nghiên cứu/công việc". Thậm chí, có tới 44,5% cho biết "Sách giáo khoa/tài liệu học tập" cũng rất khan hiếm, hoặc không có, dù rằng đây là những XBP cơ bản. Tình trạng khan hiếm này càng diễn ra phổ biến ở những vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Có thể thấy cơ hội cho NKT chữ in theo đuổi sự nghiệp học tập, nghiên cứu, trang bị kỹ năng sống... là rất hạn chế do họ thiếu, thậm chí không thể tiếp cận nguồn tài liệu ở định dạng phù hợp.

Câu hỏi PVS "Bạn có thể mô tả cụ thể hơn tình trạng khan hiếm đó?"

Trả lời: Hiện nay tại HNM Thanh Hoá vẫn chưa có đủ sách giáo khoa cho học sinh học. Lớp 1 có 5 bạn học sinh và 1 cô giáo là 6 mà chỉ có 5 bộ sách. Và những bộ sách này đều theo chương trình cũ chứ chưa được cập nhật chương trình mới. Sách chấp vá, quyển to quyển nhỏ, quyển mỏng, quyển dày – (PVS 30, nữ, 45 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn).

Trả lời: Thiếu tất cả các định dạng, nhưng chắc khan hiếm nhất là sách chữ nổi vì ngay cả bậc phổ thông thì sách giáo khoa cũng thiếu và không kịp thay đổi theo chương trình. Hiện bậc học em đang học là đại học thì em thường xin file của thầy cô rồi về nhà tự chuyển đổi vì các file ấy chủ yếu là pdf và rất hiếm file text, audio thì không có còn chữ nổi thì hoàn toàn không luôn – (PVS 3, nữ, 25 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn).

Trả lời: Hiện nay, sách giáo khoa chữ nổi rất khan hiếm do tài liệu chuyển đổi sang sách chữ nổi hoặc không có phương tiện để chuyển đổi sách, kinh phí sản xuất một bộ sách rất lớn. Lớp học lên cao càng khó khăn về sách vì số lượng môn

nhiều và số sách nhiều– (PVS 34, nam, 58 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn).

Trả lời: Cấp đại học không có xuất bản phẩm bằng chữ nổi Braille, sách đại cương ở Đại học đã có sách nói, có bản mềm. Vào chuyên ngành không có sách ở các thể loại. Khan hiếm ở sách chuyên ngành ở cả định dạng sách điện tử và sách nói, sách chữ nổi – (PVS 15, nam, 26 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn)

Bảng 11. Nguồn cung cấp chính các XBP cho NKT chữ in (tỷ lệ % thừa nhận; N = 1.217)

	Số lượng	%
Thư viện của trường	138	11,3%
Thư viện của địa phương /trung ương	211	17,3%
Hội người mù /người khuyết tật	901	74,0%
Thư viện trực tuyến	315	25,9%
Cửa hàng sách	98	8,1%
Gia đình	401	32,9%
Bạn bè /tình nguyện viên	420	34,5%
Thầy/Cô giáo	132	10,8%
Các nhóm chia sẻ sách /tài liệu trên mạng xã hội	461	37,9%
Mạng Internet (bằng các công cụ tìm kiếm phổ thông)	479	39,4%

(Nguồn: kết quả khảo sát “Thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in”, 2022)

Có tới 74,0% NKT chữ in tham gia khảo sát thừa nhận nguồn cung cấp chính các XBP là Hội người mù/NKT, 39,4% là thông qua mạng internet, 37,9% là các nhóm chia sẻ sách/tài liệu trên mạng xã hội, và 32,9% là gia đình. Với một bộ phận khác thì nơi cung cấp chính có thể là thư viện của trường (11,3%), cửa hàng sách (8,1%), thầy/cô giáo (10,8%).

Câu hỏi PVS "Bạn nhận được hỗ trợ từ gia đình /tình nguyện viên /hội người mù để tiếp cận XBP trong những hoàn cảnh nào?"

Trả lời: Sự hỗ trợ từ gia đình thì chủ yếu ở các nhu cầu thông thường hàng ngày hoặc có lúc cần cộng trừ nhân chia, làm phép tính nhiều thì nhờ trợ giúp của gia đình dùng máy tính tiện lợi và nhanh hơn. Còn các ấn phẩm như sách báo chữ nổi, sách nói thì chủ yếu là được cung cấp từ Trung ương Hội và Tỉnh hội – (PVS 16, nữ, 60 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn)

Trả lời: Ngày trước đi học các cấp phổ thông thì em nhận được sách của Hội phát cho, giờ học đại học thì thường em hay nhờ bạn học cùng. Thường khi có các bản tài liệu hoặc chỗ nào không thể tiếp cận được thì mới nhờ - (PVS 31, nữ, 25 tuổi,

dân tộc kinh, khuyết tật nhìn)

Tuy nhiên, với số lượng hạn chế các XBP sẵn có thì cơ hội để NKT chữ in tiếp cận các XBP ở định dạng phù hợp với nhu cầu từ những địa chỉ tin cậy này thường không nhiều, đồng thời cũng cho thấy sự lệ thuộc của NKT chữ in vào những XBP mà những địa chỉ này có sẵn hoặc có thể tìm được.

Câu hỏi PVS "Số lượng sách mà bạn tiếp cận được qua những nguồn hỗ trợ này có đáp ứng nhu cầu của bạn không?"

Trả lời: Tất nhiên là không thể đáp ứng được. Chỉ là những chỗ không thể làm thế nào để tiếp cận thì mới nhờ vì nhờ nhiều cũng rất ngại – (PVS 31, nữ, 25 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn)

Trả lời: Số lượng sách, tài liệu tiếp cận: rất ít, và chỉ tiếp cận được một phần nội dung, không đầy đủ - (PVS 17, nữ, 40 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn)

Trả lời: Số lượng sách cả chữ nổi và sách nói đều còn thiếu rất nhiều. Nhiều loại sách bản thân cần mà chưa có. Ví dụ như ông Hằng đã học khóa âm nhạc K13 do Trung ương Hội tổ chức, rất thích âm nhạc nhưng lại không có tài liệu hay giáo trình nào về âm nhạc để học và tham khảo – (PVS 16, nữ, 60 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn)

Bảng 12. Những khó khăn khi tìm kiếm các XBP ở định dạng phù hợp của NKT chữ in (tỷ lệ % thừa nhận; N = 1.217)

	Số lượng	%
Có ở định dạng tôi cần, nhưng cũng không dễ xem /nghe /đọc (ví dụ: bản scan PDF, nhiều tranh ảnh, sơ đồ không có mô tả)	569	46,8%
Không có đủ tiền để mua xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp	320	26,3%
Không được phép sao chép xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp vì vấn đề bản quyền	108	8,9%
Tôi không biết tìm xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp ở đâu	322	26,5%
Không có thiết bị để đọc xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp	215	17,7%
Tìm được xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp, nhưng muộn hơn so với yêu cầu	156	12,8%
Không có khó khăn gì	64	5,3%
Khác	7	0,6%

(Nguồn: kết quả khảo sát “Thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in”, 2022)

Trong số những khó khăn khi tìm kiếm XBP ở định dạng phù hợp thì khó khăn lớn nhất, thường gặp nhất ở NKT chữ in tham gia khảo sát đó là trong nhiều

trường hợp những XBP đó "*Có ở định dạng tôi cần, nhưng cũng không dễ xem /nghe /đọc* (ví dụ: bản scan PDF, nhiều tranh ảnh, sơ đồ không có mô tả) (46,8%)". Như vậy, khả năng tiếp cận XBP chỉ phụ thuộc một phần vào loại định dạng văn bản, mà phụ thuộc nhiều hơn vào cách thiết kế nội dung văn bản đó có đáp ứng các tiêu chí về tiếp cận hay không.

Ngoài ra, NKT chữ in tham gia khảo sát còn gặp những dạng khó khăn khác, như 26,5% "*không biết tìm XBP ở định dạng phù hợp ở đâu*", 26,3% "*không có đủ tiền để mua XBP ở định dạng phù hợp*", và 17,7% "*không có thiết bị để đọc XBP ở định dạng phù hợp*".

Thậm chí, có tới 8,9% vì lý do "*Không được phép sao chép XBP ở định dạng phù hợp vì vấn đề bản quyền*" mà không thể tiếp cận XBP theo mong muốn được nghe, đọc, xem nhằm phục vụ nhu cầu học tập, giải trí, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.

Bảng 13. Những nỗ lực khắc phục khó khăn trong tìm kiếm XBP ở định dạng phù hợp của NKT chữ in (tỷ lệ % thừa nhận; N = 1.217)

	Số lượng	%
Bỏ qua, không tìm nữa	162	13,3%
Nhờ người khác tìm giúp	808	66,4%
Sử dụng mạng xã hội (face book, zalo ...) nhờ tìm giúp	682	56,0%
Yêu cầu các nhà xuất bản cung cấp	18	1,5%
Nhờ người khác đọc hoặc truyền đạt lại	732	60,1%
Khác	13	1,1%

(Nguồn: kết quả khảo sát “Thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in”, 2022)

Khi bản thân không thể tìm được XBP theo nhu cầu và ở định dạng phù hợp, NKT chữ in cũng có những cách thức khác nhau để khắc phục hạn chế này. Theo đó, có tới 66,0% nhờ người khác tìm giúp. Biện pháp này được áp dụng phổ biến hơn ở nhóm thuộc độ tuổi 19 – 24, nam giới, dân tộc kinh, có học vấn từ THPT trở lên, không thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo và thuộc nhóm khuyết tật nặng (Bảng 6, phụ lục 1). Tuy nhiên, 13,3% NKT chữ in tham gia khảo sát do không thể khắc phục được những khó khăn trong tìm kiếm XBP ở định dạng phù hợp đã đành chấp nhận thực tế "*Bỏ qua, không tìm nữa*", nhất là ở nhóm thuộc độ tuổi từ 41 đến 60, nhóm nữ giới, thuộc dân tộc thiểu số, có học vấn thấp, từ tiểu học trở xuống, thuộc diện hộ nghèo và nhóm khuyết tật nhẹ/chưa xác định (Bảng 6, phụ lục 1).

Câu hỏi PVS " Trong trường hợp không đọc được toàn bộ nội dung, bạn làm gì để tiếp cận được phần nội dung còn lại?

Trả lời: Khi không đọc được toàn bộ nội dung thì bản thân đành chịu vì mình không thể tiếp cận được. Có đến 80% những cuốn sách được nghe giới thiệu mà không thể có để nghe hoặc ở định dạng không tiếp cận được. Hoặc định dạng video thì cũng không nhìn được hình ảnh và phải chấp nhận việc không có thông tin vì không nhìn thấy. Như sách chữ nổi nếu có thì sẽ đọc được hết. Còn trường hợp những bản PDF thì chưa gặp bao giờ vì không ai đọc cho và cũng không tiếp cận.– (PVS 12, nam, 40 tuổi, dân tộc kinh, khuyết tật nhìn)

5. Cơ hội giáo dục, việc làm và hòa nhập xã hội gắn với tiếp cận xuất bản phẩm

Khả năng tiếp cận XBP đem lại cho NKT chữ in những cơ hội khác nhau. Những trường hợp tiếp cận thành công thường có cơ hội tốt hơn về giáo dục, việc làm, hòa nhập xã hội, ngược lại thì những cơ hội đó của họ bị giảm thiểu, hạn chế, thậm chí là triệt tiêu khi họ không thể hoặc bị hạn chế trong tiếp cận XBP ở định dạng phù hợp.

Tiếp cận XBP là chìa khóa mở ra những cơ hội thành công trong lĩnh vực giáo dục, việc làm và hòa nhập xã hội cho NKT chữ in. Theo đó, có tới 70,2% NKT chữ in tham gia khảo sát "Hoàn toàn đồng ý" với nhận định này. Ngược lại, số không đồng ý chỉ chiếm tỷ lệ thấp, với 3,4%.

Bảng 14. Lợi ích tiếp cận XBP ở định dạng phù hợp của NKT chữ in (N = 1.217)

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý	Không biết
Có thêm nhiều kiến thức	84,3%	12,2%	1,0%	2,5%
Học thêm được nhiều kỹ năng	82,5%	13,0%	1,6%	3,0%
Tự tin hơn khi giao tiếp, kết bạn, nói chuyện với người khác	76,8%	18,1%	2,0%	3,1%
Sẵn sàng đoàn kết, chia sẻ, giúp đỡ người khác	74,4%	20,3%	1,7%	3,5%
Có kết quả học tập tốt hơn	73,5%	17,7%	2,1%	6,7%
Cảm nhận rõ hơn sự tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ của mọi người dành cho mình	70,3%	22,6%	2,3%	4,8%
Có đủ thông tin để dễ tự quyết định một vấn đề nào đó	69,6%	23,4%	3,0%	4,0%
Chủ động, tự tin hơn khi tìm việc làm	66,6%	22,9%	3,5%	7,0%

Dễ tìm được việc làm phù hợp với bản thân	59,0%	28,1%	5,6%	7,3%
Tìm được việc làm lương cao hơn	44,6%	32,8%	11,4%	11,2%
Chung	70,2%	21,1%	3,4%	5,3%

(Nguồn: kết quả khảo sát “Thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in”, 2022)

Lợi ích lớn nhất mà NKT chữ in tham gia khảo sát thừa nhận đó là việc tiếp cận XBP có thể giúp họ "*Có thêm nhiều kiến thức*" (84,3%), "*Học thêm được nhiều kỹ năng*" (82,5%), qua đó trở nên "*tự tin hơn khi giao tiếp, kết bạn, nói chuyện với người khác*" (76,8%). Với tâm thế đó, nhiều NKT chữ in còn "*Sẵn sàng đoàn kết, chia sẻ, giúp đỡ người khác*" (74,4%). Thực tế này góp phần củng cố nhận định NKT cũng có những năng lực tích cực như nhiều nhóm xã hội khác. Khi mà họ tìm ra các biện pháp khai phá, một trong những cách đó là lĩnh hội tri thức và kỹ năng thông qua các XBP, thì họ sẽ phát huy vai trò đóng góp cho xã hội. Song song với đó, thực tế này còn góp phần mạnh mẽ vào công cuộc xóa bỏ định kiến xã hội cho rằng NKT nói chung và NKT chữ in nói riêng thường có tâm lý tự ti, e ngại, là nhóm xã hội thiệt thòi luôn cần đến sự trợ giúp của xã hội. Như vậy, lợi ích của việc tiếp cận XBP đối với NKT chữ in là rất lớn.

Về mặt giáo dục, khi được tiếp cận thành công với các XBP ở định dạng phù hợp thì có tới 73,5% NKT chữ in tham gia khảo sát thừa nhận điều đó giúp họ "*Có kết quả học tập tốt hơn*", thông qua đó, 70,3% thừa nhận trong các mối quan hệ xã hội, giao tiếp xã hội thì bản thân "*Cảm nhận rõ hơn sự tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ của mọi người dành cho mình*" và 69,6% thừa nhận trong nhiều tình huống cụ thể đã "*Có đủ thông tin để dễ tự quyết định một vấn đề nào đó*". Điều này góp phần trợ giúp NKT chữ in đạt được những thành công nhất định trong quá trình phát triển, định hướng tương lai, sự nghiệp. Và như vậy, tiếp cận XBP có thể được coi như một trong những chìa khóa tạo ra cho NKT chữ in những cơ hội phát triển.

Về mặt việc làm, thông qua tiếp cận XBP, có tới 66,6% NKT chữ in tham gia khảo sát cũng cho rằng họ "*Chủ động, tự tin hơn khi tìm việc làm*". Đây là nhân tố tích cực giúp cho NKT chữ in tăng cường khả năng sống tự chủ, độc lập, bảo vệ phẩm giá, nhân cách. Nhờ sự tự tin, chủ động đó mà có tới 59,0% NKT chữ in tham gia khảo sát nhận thấy họ "*Dễ tìm được việc làm phù hợp với bản thân*", bởi việc làm đó là việc làm do họ chủ động tìm kiếm và lựa chọn theo năng lực của bản thân, và cũng qua đó mà có tới 44,6% "*Tìm được việc làm lương cao hơn*". Những thông tin này tiếp tục củng cố vai trò hữu ích, tầm quan trọng của tiếp cận

XBP đối với NKT chữ in.

Câu hỏi PVS "Việc tiếp cận được XBP ở định dạng phù hợp đã mang lại cơ hội gì cho bạn (trong giáo dục, việc làm và hòa nhập xã hội)?"

Trả lời:

+ Trong giáo dục: nâng cao trình độ của bản thân, khi mình tham gia các khoá học, ngoài bài giảng của các thầy cô mình có thể tìm các XBP phù hợp với mình để mở rộng kiến thức, củng cố bài học, giúp cho kết quả học tập tốt hơn

+ Trong việc làm: Do bản thân công tác ở Hội cũng có điều kiện tiếp cận sách, báo do HNM VN gửi về để tuyên truyền cho các hội viên, đặc biệt cung cấp được các tài liệu học tập cho các em học sinh khiếm thị

+ Trong cuộc sống: Thường xuyên tiếp cận sách kỹ năng sống để giáo dục con cái, sách kỹ năng giáo dục con cái và sách, truyện dùng cho chính con nghe; sách nói thay mình đọc truyện cho con nghe, gắn kết được tinh thần đoàn kết trong gia đình đặc biệt là kỹ năng sống. Qua đây, cũng rèn luyện bản thân mình hàng ngày, làm gương cho các con noi theo. Bản thân mình khai thác rất nhiều ở thể loại sách nói – PVS 1.

Trả lời: Phần lớn những NKT họ ít được tiếp xúc với bên ngoài và không có điều kiện tiếp xúc với nguồn tri thức, khi được tiếp cận hiểu biết của họ được nâng cao, cơ hội việc làm, giáo dục sẽ đến. Bản thân khi tham gia giáo dục hoà nhập, được tiếp cận các nguồn tài liệu phù hợp, sách vở, những ấn phẩm từ văn học, lịch sử, chính trị, văn hoá đem đến cho mình cơ hội để hiểu biết, có kiến thức, hỗ trợ cho bài học ở trên trường, tiếp cận được SGK, sách chuyên ngành. Những cuốn sách tham khảo ngoại khoá, cũng giúp mình có thêm kiến thức. Khi đi làm, hay đi học tiếp cận được XBP phù hợp, ví dụ văn bản luật, giúp mình hiểu biết hơn về quyền và nghĩa vụ của mình, dễ tìm kiếm cơ hội phù hợp hơn. Những tác phẩm văn học được chia sẻ trên mạng ở dạng ebook, sách online bản thân tiếp cận một cách thoải mái. Bản thân là một người thích sáng tác, tiếp cận XBP được mở ra, chính bản thân mình cũng có cơ hội không chỉ đọc sách mà còn viết sách. Khi xuất bản 2 cuốn sách do mình viết, giới truyền thông cũng biết đến mình nhiều hơn, có mời tham gia các buổi tọa đàm, những buổi nói chuyện truyền cảm hứng hoặc cơ hội việc làm – ước mơ sau này hướng tới là diễn giả (thực tế đã có một số trường học phổ thông mời mình về nói chuyện cho các bạn học sinh) – PVS 20

Song ở chiều hướng ngược lại, những hạn chế/thiếu thốn trong tiếp cận XBP ở định dạng phù hợp cũng tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực đến cơ hội giáo dục,

việc làm và hòa nhập xã hội của nhiều NKT chữ in. Nhận định này nhìn chung nhận được sự đánh giá ở mức "hoàn toàn đồng ý" từ 42,1% NKT chữ in tham gia khảo sát. Nếu tính cả nhóm "đồng ý một phần" thì tỷ lệ này lên tới 73,4%. Trong khi đó, nhóm "không đồng ý" với nhận định này chỉ chiếm 20,8%.

Bảng 15. Ảnh hưởng của những hạn chế/thiếu thốn trong tiếp cận XBP ở định dạng phù hợp đối với NKT chữ in

	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý	Không biết
Không muốn đi học /đi làm nữa	22,2	26,5	44,6	6,7
Dễ mất việc /mất thu nhập	32,0	30,2	28,3	9,5
Không được mọi người tôn trọng	34,4	26,1	33,5	5,9
Khó tìm được việc làm	35,7	36,3	19,6	8,4
Kết quả học tập giảm sút	44,6	31,8	15,9	7,7
Không học được kỹ năng cần thiết cho công việc	47,4	34,1	13,2	5,3
Thiếu tự tin khi giao tiếp với người khác	49,3	34,3	12,8	3,5
Thiếu cơ hội giải trí, giao lưu văn hóa, nghệ thuật	49,7	31,8	14,0	4,5
Bị phụ thuộc nhiều hơn vào gia đình/người hỗ trợ	51,9	31,1	13,9	3,1
Thiếu kiến thức cần thiết về cuộc sống	53,5	30,7	11,8	3,9
Chung	42,1	31,3	20,8	5,9

(Nguồn: kết quả khảo sát “Thực trạng tiếp cận XBP của NKT chữ in”, 2022)

Ảnh hưởng lớn nhất đến NKT chữ in do tình trạng "khan hiếm, đói" XBP ở những định dạng phù hợp khiến cho 53,5% NKT chữ in tham gia khảo sát nhận thấy bản thân "*Thiếu kiến thức cần thiết về cuộc sống*". Có tới 51,9% NKT chữ in nhận thấy bản thân "*Bị phụ thuộc nhiều hơn vào gia đình/người hỗ trợ*".

Theo đánh giá của NKT chữ in tham gia khảo sát, những hạn chế/thiếu thốn trong tiếp cận XBP ở định dạng phù hợp trong nhiều trường hợp đối với họ đồng nghĩa với việc "*Thiếu cơ hội giải trí, giao lưu văn hóa, nghệ thuật*" (49,7%), là nguyên nhân khiến họ cảm thấy "*Thiếu tự tin khi giao tiếp với người khác*" (49,3%).

Với nhiều NKT chữ in tham gia khảo sát, việc không được tiếp cận đầy đủ với những XBP ở định dạng phù hợp đã tước bỏ một phần cơ hội học tập, nâng cao năng lực nghề nghiệp, chuyên môn, bởi có tới 47,4% "*Không học được kỹ năng*

cần thiết cho công việc", trong khi đó, đây là điều kiện thiết yếu để đạt được những thăng tiến trong sự nghiệp, để được tăng lương, cũng như có sự bảo đảm chắc chắn hơn trước nguy cơ bị sa thải.

Về lĩnh vực giáo dục, cũng có tới 44,6% NKT chữ in tham gia khảo sát thừa nhận những hạn chế, thiếu thốn trong tiếp cận XBP khiến họ gặp nhiều khó khăn trong học tập, do đó mà "*Kết quả học tập bị giảm sút*".

Ngoài ra, những hạn chế, thiếu thốn trong tiếp cận XBP còn gây ra những ảnh hưởng tiêu cực khác, như khiến cho 35,7% "*Khó tìm được việc làm*", 34,4% cảm thấy "*Không được mọi người tôn trọng*", 32,0% "*Dễ mất việc /mất thu nhập*". Song theo đánh giá của NKT chữ in tham gia khảo sát thì dường như 3 khó khăn cụ thể này không phải là những yếu tố có thể gây ra những ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của họ, bởi tỷ lệ "*Không đồng ý*" với những nhận định này cũng đạt mức tương đương với tỷ lệ "*Hoàn toàn đồng ý*". Thậm chí, nhận định tình trạng hạn chế, thiếu thốn trong tiếp cận XBP khiến NKT chữ in "*Không muốn đi học/đi làm nữa*" chỉ nhận được 22,2% "*Hoàn toàn đồng ý*" trong khi đó, tỷ lệ "*Không đồng ý*" lên tới 44,6%, dù họ thuộc nhóm xã hội có trình độ học vấn thấp hoặc cao, thuộc diện hộ nghèo hay cận nghèo. Phát hiện này chứng tỏ những rào cản trong tiếp cận XBP không làm giảm quyết tâm theo đuổi con đường học tập và công việc của nhiều NKT chữ in.

Thực tế này cho thấy, sự thiếu thốn, khó tiếp cận XBP ở những định dạng phù hợp có thể gây ra những khó khăn, ảnh hưởng tiêu cực đến cơ hội giáo dục, việc làm và hòa nhập xã hội của NKT chữ in, trong nhiều trường hợp, những tác động đó là rất lớn, song không phải mọi trường hợp những hạn chế, thiếu thốn này đều tạo ra cho NKT chữ in những khó khăn không thể khắc phục, tiêu biểu như những khó khăn trong tiếp cận giáo dục. Tuy nhiên, Nếu được cung cấp đầy đủ XBP để tiếp cận, những thách thức trên sẽ bị đẩy lùi. NKT chữ in sẽ có cơ hội bình đẳng được nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, tay nghề, và vị thế của bản thân trong xã hội.

Câu hỏi PVS " Theo bạn, nếu NKT không tiếp cận được sách mà họ muốn đọc thì có thể dẫn đến những hậu quả gì trong ngắn hạn và dài hạn?"

Trả lời: Đối với bản thân, khi thiếu tài liệu học tập thì sẽ không thể theo kịp các bạn trong lớp, không tiếp cận được những kiến thức mình cần. Không đọc thêm được các tài liệu tham khảo nên không hiểu sâu hơn vấn đề được học. Không có đủ kiến thức thì sẽ không bắt kịp sự phát triển của xã hội. Có nhiều

thông tin thì giao tiếp mới tự tin hơn trong giao tiếp xã hội. – PVS 21

Trả lời: Giảm khả năng hiểu biết của NKT và gia tăng khoảng cách giữa NKT với người không KT. Tạo ra rào cản đối với NKT khi họ tham gia vào môi trường lao động: Khi không tiếp cận được thông tin (nhất là các thông tin được đăng trên báo in, áp phích ...), NKT không biết được công ty nào có tuyển dụng lao động NKT. NKT cảm thấy tự ti, không dám chủ động giao tiếp với người xung quanh do sợ bị kỳ thị - PVS 22

Trả lời: Khi không tiếp cận được thông tin, tài liệu, NKT cảm thấy bị hạn chế, nếu tình trạng đó bị kéo dài thì sẽ ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt chung, họ bị thụt lùi lại. Trong học tập thì hạn chế về lượng kiến thức, do đó hiệu quả học tập không cao, họ sẽ cảm thấy nhút nhát, bỡ ngỡ trong giao tiếp – PVS 23

6. Các bài học kinh nghiệm quốc tế bảo đảm quyền tiếp cận xuất bản phẩm dành cho người khuyết tật chữ in

Kinh nghiệm quốc tế

Nhiều quốc gia trên thế giới có những kinh nghiệm hữu ích khác nhau trong vận dụng hiệp ước Marrakesh trợ giúp NKT chữ in tiếp cận XBP. Báo cáo này tổng hợp thành 5 loại hình kinh nghiệm tiêu biểu, hữu ích, có giá trị tham khảo và khả năng ứng dụng vào bối cảnh xã hội Việt Nam.

Một là: Trong số các quốc gia đã phê chuẩn hiệp ước Marrakesh, nhiều quốc gia đã vận dụng những điều khoản được quy định trong Hiệp ước nhằm mở rộng quyền tiếp cận XBP cho người khuyết tật chữ in, điển hình như Australia hay Singapore. Nghiên cứu của Corinne Tan và Perry Bing Xian Peh (2021) chỉ ra, đó là các quốc gia này sử dụng những điều khoản được quy định về giới hạn bản quyền và những trường hợp ngoại lệ để cho phép các tổ chức giáo dục, các tổ chức xã hội có thể sản xuất các bản sao có định dạng phù hợp với NKT chữ in. Hoạt động này hoàn toàn được thực hiện với mục đích phi lợi nhuận.

Hai là: Tại các quốc gia Châu Âu, sau khi ký kết hiệp ước Marrakesh, các quốc gia thành viên đã nội luật hóa, đồng thời ban hành nhiều thông tư, chỉ thị hướng dẫn việc chuyển hóa các quy định của hiệp ước vào hoạt động thực tiễn của các thư viện. Điều này đã thực sự tạo ra bước chuyển lớn trong các hoạt động cung cấp dịch vụ đọc sách của hệ thống các thư viện dành cho NKT chữ in. Qua đó, các thư viện có quyền tự chủ cao hơn trong việc tạo ra các bản sao, cung cấp cho NKT chữ in mà không chịu sự ràng buộc của quyền tác giả. Các quy định của Châu Âu cũng cho phép các thư viện thiết lập hệ thống liên lạc để cùng trao đổi những XBP

đã được chuyển đổi sang những định dạng dễ tiếp cận, qua đó cung cấp cho NKT chữ in những địa chỉ thư viện tin cậy để họ đến tìm đọc, mượn, sao chép những XBP phù hợp với nhu cầu của bản thân (Jessica Coates và cộng sự, 2018).

Ba là: Một số quốc gia khác đưa ra những quy định bảo trợ của nhà nước, lồng ghép vào luật hỗ trợ và bảo vệ thực hiện quyền của NKT những điều khoản có lợi cho việc tiếp cận XBP của nhóm dân số này, như: Nam Phi, Mỹ, Úc... Những quy định đó cho phép các thư viện, nhà trường, thậm chí một số tổ chức xã hội hoạt động vì mục đích phi lợi nhuận được chuyển đổi một số sách in sang những định dạng dễ tiếp cận với NKT chữ in. Song, những đầu sách đó không được phổ cập rộng rãi tại cộng đồng, mà chỉ được phép lưu hành tại thư viện, nhà trường hay trong phạm vi nội bộ của các tổ chức xã hội đó. Những trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của pháp luật và theo mức độ đánh giá thiệt hại đối với bên sở hữu bản quyền tác giả (Oppenheim, 2017; Mutanga, O., & Walker, M., 2017).

Bốn là: Tại khu vực Mỹ La Tinh, tổ chức có tên gọi "Observatory of the Marrakesh Treaty" đã tổ chức những khóa học cấp chứng chỉ về việc thực thi hiệp ước Marrakesh, qua đó thúc đẩy mở rộng hoạt động này tại hệ thống các thư viện quốc gia, Bộ giáo dục, Cục sở hữu trí tuệ, các nhà hoạt động xã hội và NKT chữ in. Thông qua các hoạt động đào tạo cấp chứng chỉ này, nhiều văn bản hướng dẫn thực thi hiệp ước đã được ban hành, nhiều nhân viên thư viện và trực tiếp là NKT chữ in thông qua các khóa đào tạo đã được trang bị kỹ năng trợ giúp tạo ra các XBP ở định dạng dễ tiếp cận (Brigitte Vézina and Scann, 2020).

Năm là: Nam Phi, một quốc gia chưa phê chuẩn hiệp ước Marrakesh, song đã có những bước đi tích cực nhằm thực thi một phần nội dung của hiệp ước này. Theo đó, tòa án Hiến pháp của Nam Phi ra tuyên bố Đạo luật bản quyền của nước này là vi hiến vì nó không đưa ra các trường hợp ngoại lệ cho phép NKT chữ in tiếp cận các XBP ở định dạng bản sao, cũng như không đưa ra các điều khoản bảo vệ quyền tiếp cận XBP của NKT chữ in. Theo lập luận của toàn án Hiến pháp thì điều đó khiến cho NKT chữ in gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận XBP phục vụ học tập, nhất là những trường hợp thuộc diện hộ nghèo, mà chủ yếu là người da đen. Theo đó, tòa án Hiến pháp đặt thời hạn 24 tháng cho Nghị viện nước này thực hiện những biện pháp điều chỉnh nhằm bảo vệ quyền lợi cho NKT chữ in (The International Commission of Jurists, 2022).

Bài học tham khảo

Nội dung nghiên cứu trên cho thấy NKT chữ in tại nhiều quốc gia trên thế giới đã nhận được những hỗ trợ tích cực trong việc tiếp cận XBP từ phía Chính phủ, các tổ chức xã hội hoạt động vì mục đích phi lợi nhuận, cũng như từ phía các doanh nghiệp hay chủ thể sở hữu quyền tác giả. Các kinh nghiệm đó cho phép rút ra một số bài học tham khảo cho Việt Nam dưới đây.

Một là: hỗ trợ NKT chữ in tiếp cận XBP thông qua những điều khoản được quy định tại hiệp ước. Nổi bật trong số những kinh nghiệm tiêu biểu đó là nhiều quốc gia trong số 118 quốc gia ký kết hiệp ước đã nghiên cứu và sử dụng những điều khoản được quy định về giới hạn bản quyền tác giả từ đó phân định những tình huống ngoại lệ. Dựa theo những phát hiện này, những quốc gia đó đã huy động các tổ chức giáo dục, xã hội, nghề nghiệp tham gia cung cấp XBP cho NKT chữ in ở những định dạng phù hợp với mục tiêu phi lợi nhuận.

Hai là: nhà nước là chủ thể chính bảo trợ cho các tổ chức xã hội, nghề nghiệp hoạt động theo mục đích phi lợi nhuận tham gia thực hiện và vận động thực hiện theo các quy định có trong hiệp ước Marrakesh nhằm hỗ trợ NKT chữ in tiếp cận XBP ở những định dạng phù hợp.

Ba là: tạo chuỗi liên kết, huy động hệ thống thư viện trong các cơ sở giáo dục, các tổ chức xã hội hoạt động vì mục đích phi lợi nhuận cung cấp những XBP ở định dạng dễ tiếp cận cho NKT chữ in, góp phần chia sẻ và giảm thiểu lãng phí nguồn lực khi chuyển đổi và phân phối sách dễ tiếp cận. Tại đó, NKT chữ in có thể tra cứu tài liệu dễ dàng, được nghe, đọc, xem tại chỗ một số XBP miễn phí, được thực hiện sao chép phục vụ mục đích nghiên cứu, tìm kiếm thông tin, tri thức phục vụ nhu cầu học tập, giải trí.

Bốn là: huy động các cá nhân, tổ chức cung cấp miễn phí các XBP ở định dạng phù hợp cho hệ thống thư viện trong các cơ sở giáo dục, các tổ chức xã hội hoạt động vì mục đích phi lợi nhuận mà ở đó NKT chữ in được quyền tiếp cận miễn phí.

Năm là: trao quyền cho thư viện trong các cơ sở giáo dục, các tổ chức xã hội hoạt động phi lợi nhuận chuyển đổi sách in sang những định dạng dễ tiếp cận với NKT chữ in, thừa nhận đó là hoạt động hợp pháp, song chỉ được thực hiện trong phạm vi nội bộ của các thư viện, các tổ chức xã hội hoạt động vì mục đích phi lợi nhuận mà không được lưu hành tại những địa chỉ khác.

Sáu là: mở các khóa đào tạo, tập huấn về nội dung hiệp ước Marrakesh đến những cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan đến việc nội luật hóa, qua đó thúc

đẩy mạnh mẽ hoạt động rà soát, chỉnh sửa, bổ sung những quy định, hướng dẫn phù hợp với hiệp ước.

Bảy là: tích cực rà soát, điều chỉnh nội hàm quy định của Luật bản quyền, Luật sở hữu trí tuệ theo hướng phù hợp với quy định trong hiệp ước Marrakesh nhằm phát hiện ra quy định chưa tương thích, trên cơ sở đó thực hiện các biện pháp điều chỉnh theo định hướng mở rộng các trường hợp ngoại lệ và quyền tiếp cận bản sao ở định dạng dễ tiếp cận cho NKT chữ in.

Theo đó, trong bối cảnh xã hội hiện nay, những bài học tham khảo nêu trên có khả năng tạo sự đồng thuận cao tại Việt Nam, bởi mục đích hướng tới của các hoạt động này phù hợp với những chuẩn mực pháp lý chung, mang tính quốc tế, nhiều trường hợp mang tính nhân văn, phi lợi nhuận, phù hợp với bản sắc xã hội..., qua đó tạo thuận lợi cho NKT chữ in tiếp cận dễ dàng hơn với các XBP ở những định dạng phù hợp, nâng cao cơ hội hòa nhập xã hội cho họ.

IV. Kết luận và khuyến nghị

1. Kết luận

Tiếp cận tri thức thông qua XBP là quyền của con người, dù rằng tình trạng "đói sách", "thiếu sách" đang hạn chế nhiều NKT chữ in thực hiện quyền cơ bản đó. Trên thực tế, nhiều quốc gia khác nhau đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau nhằm hỗ trợ NKT chữ in tiếp cận dễ dàng, thuận tiện hơn với XBP. Song điều đó là chưa đủ để đảm bảo cho nhóm xã hội này có những cơ hội bình đẳng trong tiếp cận XBP.

Thực tế tại Việt Nam, khuyết tật chữ in đã tước đi một phần đặc quyền tiếp cận tri thức thông qua XBP thông thường của một bộ phận NKT. Song điều đó không có nghĩa NKT chữ in bị tước bỏ hoàn toàn quyền tiếp cận này. Nhiều người trong số họ có khả năng nghe, đọc, xem những XBP ở định dạng phù hợp. Do vậy, nhiều người có nhu cầu tiếp cận XBP, nhất là ở định dạng ghi âm /sách nói, chữ nổi Braille. Tuy nhiên, thị trường XBP chưa dành nhiều sự quan tâm đến nhóm xã hội này, nên tình trạng khan hiếm XBP đang diễn ra phổ biến.

Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng: XBP ở định dạng dễ tiếp cận còn rất thiếu để phục vụ mục đích nghiên cứu, làm việc của NKT chữ in, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học tự nhiên.

Để hỗ trợ NKT chữ in tiếp cận XBP, nhiều cá nhân, tổ chức xã hội khác nhau, nhất là Hội người mù/NKT đã trở thành đầu mối cung cấp một số XBP ở định dạng phù hợp cho NKT chữ in. Song, sự hỗ trợ đó là chưa đủ giúp NKT chữ in

vượt qua khó khăn, như không tìm được XBP phù hợp, không đủ tiền để mua..., do vậy, một bộ phận chấp nhận bỏ cuộc, không tìm nữa, dù đó là những XBP có ý nghĩa thiết thực với họ.

Theo đánh giá chung của NKT chữ in, việc tiếp cận XBP đem lại cho họ nhiều cơ hội về giáo dục, việc làm, hòa nhập xã hội. Qua tiếp cận XBP mà họ lĩnh hội thêm nhiều tri thức, có khả năng độc lập, tự tin hơn trong các mối quan hệ xã hội, tìm kiếm việc làm, cảm nhận sự tôn trọng và sẵn sàng đoàn kết, chia sẻ, trợ giúp người khác. Tuy nhiên, những hạn chế, thiếu thốn trong tiếp cận XBP đã hạn chế, giảm thiểu, thậm chí triệt tiêu một số những cơ hội này của họ. Thực tế đó cho thấy vai trò thiết yếu của tiếp cận XBP ở những định dạng phù hợp với NKT chữ in, đòi hỏi Nhà nước và xã hội cần thực hiện những hành động thiết thực trợ giúp nhóm xã hội này tăng cường khả năng tiếp cận XBP, qua đó tăng cường khả năng độc lập, phát triển và hòa nhập xã hội của họ.

2. Khuyến nghị

2.1. Khuyến nghị với chính phủ

Nhanh chóng nội luật hóa các ngoại lệ và giới hạn bản quyền trong Hiệp ước Marrakesh bằng các văn bản hướng dẫn cụ thể cho các bên liên quan, như các tổ chức được nhà nước cho phép chuyển đổi các XBP sang định dạng dễ tiếp cận, để quy trình thành lập, vận hành và chuyển đổi định dạng của họ được thuận lợi, hiệu quả.

Nghiên cứu đẩy mạnh cơ chế cấp quyền và thực hiện các hoạt động bảo trợ cho các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ nghe, đọc, xem các XBP với mục đích phi lợi nhuận dành cho NKT chữ in. Cụ thể hóa quy định sao chép XBP dành cho NKT chữ in đối với các cá nhân, tổ chức này.

Xây dựng chuỗi liên kết giữa các thư viện, nhà văn hóa, các tổ chức xã hội thực hiện cung cấp đa dạng hóa các loại hình XBP ở nhiều định dạng phù hợp với NKT chữ in.

Xây dựng cơ chế “một cửa” trong quản lý kho XBP dễ tiếp cận: Chính phủ cần xác định đầu mối để thu thập và công bố danh mục XBP chuyển đổi sang định dạng dễ tiếp cận từ các tổ chức được Chính phủ cho phép, giúp cho việc tra cứu các phiên bản này được thuận tiện.

Điều chỉnh luật doanh nghiệp thông qua miễn, giảm thuế, ưu đãi thuế nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư cho công tác xuất bản hòa nhập, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của 4 bên, là Nhà nước (với những cam kết quốc tế),

doanh nghiệp (với những lợi nhuận thu được từ đầu tư), bên sở hữu quyền tác giả (với những lợi ích gắn liền với bản quyền) và NKT chữ in (với những thuận lợi khi tiếp cận XBP ở định dạng phù hợp).

Ban hành các chính sách khuyến khích việc hợp tác và chuyển giao công nghệ xuất bản dễ tiếp cận và chuyển đổi XBP sang định dạng dễ tiếp cận từ nước ngoài để tăng lượng XBP dễ tiếp cận trong nước.

Nghiên cứu xây dựng kế hoạch phân bổ tài chính, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan chức năng phụ trách chuyển đổi, cung cấp các XBP thiết yếu cho NKT chữ in, đặc biệt là sách giáo khoa; Nhanh chóng hoàn thiện phần mềm quản lý dữ liệu quốc gia về NKT; Đẩy mạnh mở các lớp dạy chữ nổi Braille, tin học, hỗ trợ các phương tiện nghe, đọc cho NKT chữ in nhằm nâng cao năng lực và điều kiện tiếp cận XBP cho nhóm xã hội này.

Ban hành các chế tài xử phạt cụ thể đối với những vi phạm quyền thụ hưởng XBP dễ tiếp cận của NKT chữ in.

2.2 Khuyến nghị với các tổ chức của và vì người khuyết tật trong nước và quốc tế

Xây dựng kho dữ liệu về NKT chữ in. Trong quản lý dữ liệu hội viên của các hội NKT, cần phân tổ để xác định NKT vận động không có khả năng lật dở trang sách, NKT nhận thức, rối loạn khả năng đọc hiểu khi đọc sách in thông thường v.v...

Tăng cường hỗ trợ Chính Phủ thúc đẩy và giám sát việc thực thi Hiệp ước Marrakesh và những ngoại lệ, giới hạn bản quyền đã được quy định trong Luật Sửa đổi, Bổ sung Một số Điều của Luật Sở hữu Trí tuệ 2022.

Thực hiện nghiên cứu, tư vấn cho Chính phủ những hình thức cung cấp XBP ở định dạng phù hợp với NKT chữ in theo những quy định, thông lệ chung, cũng như những sáng kiến, kinh nghiệm của các tổ chức, quốc gia trên thế giới.

Phổ biến kiến thức về Hiệp ước Marrakesh và các ngoại lệ, giới hạn cho NKT được quy định trong hệ thống pháp luật Việt Nam với NKT để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của họ khi sử dụng các XBP dễ tiếp cận.

Vận động các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp, chuyển đổi XBP sang những định dạng dễ tiếp cận. Vận động cá nhân/tổ chức sở hữu quyền tác giả đồng ý chuyển đổi ở một tỷ lệ nhất định tác phẩm của họ sang định dạng phù hợp với NKT chữ in.

Tăng cường hợp tác quốc tế để bồi dưỡng năng lực và nâng cao công nghệ chuyển đổi XBP sang các phiên bản dễ tiếp cận. Kết nối với các thư viện sách dễ tiếp cận trên thế giới và nâng cao năng lực cho NKT chữ in tại Việt Nam để họ được hưởng lợi từ các nguồn tài nguyên này.

2.3. Khuyến nghị dành cho người khuyết tật chữ in

Liên kết các cá nhân, tạo lập nhiều diễn đàn trao đổi địa chỉ cung cấp XBP ở những định dạng phù hợp.

Sử dụng các XBP ở định dạng dễ tiếp cận một cách có trách nhiệm: chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, học tập của cá nhân; không chia sẻ, thương mại hóa các phiên bản dễ tiếp cận.

Đưa ra những khuyến nghị, đề xuất dành cho Chính phủ, các tổ chức xã hội trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực XBP dành sự chú ý đến nhu cầu tiếp cận XBP của NKT chữ in.

2.4 Khuyến nghị dành cho các nhà cung cấp xuất bản phẩm

Cung cấp với mục đích phi lợi nhuận một số lượng nhất định XBP dưới những định dạng phù hợp với NKT chữ in.

Dành một tỷ lệ lãi suất nhất định cho mục đích chuyển đổi đa dạng nhiều XBP khác nhau sang những định dạng phù hợp với NKT chữ in.

Nghiên cứu, dần chuyển đổi sang hướng xuất bản hòa nhập, đáp ứng nhu cầu tiếp cận XBP của mọi độc giả, trong đó có NKT chữ in.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2023). Quyết định số 71/QĐ-BLĐTBXH về Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, Hà Nội.
2. Chính phủ (2018). Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan. Hà Nội.
3. Cổng thông tin điện tử Quốc hội (2022). Quy định về quyền tác giả và quyền liên quan trong luật sở hữu trí tuệ - tìm điểm cân bằng lợi ích các bên, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=62055> (truy cập ngày 26 – 10 - 2022).
4. Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2022), Gia nhập Hiệp ước Marrakesh: Tạo điều kiện để người khuyết tật tiếp cận thông tin, tri thức, <https://bvhttdl.gov.vn/gia-nhap-hiep-uoc-marrakesh-tao-dieu-kien-de-nguoi-khuyet-tat-tiep-can-thong-tin-tri-thuc-20220929115507689.htm> (truy cập ngày 26 – 10 - 2022).
5. Quốc Hội (2010). Luật người khuyết tật. Hà Nội.
6. Quốc Hội (2013). Luật xuất bản. Hà Nội.
7. Quốc Hội (2022). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ. Hà Nội.
8. Hà Trung (2021). Quyền tác giả trong lĩnh vực phát hành, xuất bản sách nhìn từ vụ việc thực tế, Pháp lý&Bản quyền online, số ra ngày 02/6/2021, <https://phapluatbanquyen.phaply.vn/quyen-tac-gia-trong-linh-vuc-phat-hanh-xuat-ban-sach-nhin-tu-vu-viec-thuc-te-a355.html/> (truy cập ngày 26 – 10 - 2022).
9. Thanh An (2022), Hiệp ước Marrakesh: Hòa giải giữa quyền tác giả và quyền lợi của người khuyết tật, Khoa học& Phát triển online, số ra ngày 16/12/2022, <https://khoahocphattrien.vn/chinh-sach/hiep-uoc-marrakesh-hai-hoa-giua-quyen-tac-gia-va-quyen-loi-cua-nguoi-khuyet-tat/20221215091615213p1c785.htm> (truy cập ngày 17 – 3 - 2022)

10. Thúy Vân (2020). Tính khả thi của Hiệp ước Marakesh trong bối cảnh Việt Nam, Tạp chí Quản lý Nhà nước online, số ra ngày 30/12/2020, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/12/30/tinh-kha-thi-cua-hiep-uoc-marakesh-trong-boi-canhh-viet-nam/> (truy cập ngày 26 – 10 - 2022).

Tiếng nước ngoài

11. Brigitte Vézina and Scann (2020). Implementing the Marrakesh Treaty in Latin America: A Look at the Experiences of Four Creative Commons Community Members, <https://creativecommons.org/2020/09/30/implementing-of-the-marrakesh-treaty-in-latin-america/>, (accessible 19 mars 2023).
12. Corinne Tan and Perry Bing Xian Peh (2021). Improving Accessibility to Copyright Works for Persons with Print Disabilities in Australia and Singapore. IIC - International Review of Intellectual Property and Competition Law 52(1). DOI:10.1007/s40319-021-01095-1
13. Blechner, A. J. (2015). Improving usability of legal research databases for users with print disabilities. Legal Reference Services Quarterly, 34(2), 138–175.
14. Francisco Javier MARTÍNEZ CALVO (2009). From Better to Full Access to Works for Print-Disabled Persons. Policy Department C - Citizens' Rights and Constitutional Affairs. European Parliament. Brussels.
15. Jessica Coates Christiane Felsmann Teresa Hackett Karen Keninger Francisco Martinez Calvo Victoria Owen Anthea Taylor Katya Pereyaslavskaya Flora van den Berg (2018). Guide de démarrage. Mise en œuvre du Traité de Marrakech pour les personnes ayant des difficultés à la lecture des caractères imprimés : guide pratique pour les bibliothécaires, Université de Toronto Scarborough Toronto, Canada.
16. Lazar, J., & Briggs, I (2015). Improving services for patrons with print disabilities at public libraries. The Library Quarterly, 85(2), 172–184.
17. Majinge, R. M., & Mutula, S. M. (2018). Access to electronic and print information resources by people with visual impairments in university libraries: A Review of Related Literature. Manuscript submitted for publication

18. Mutanga, O., & Walker, M. (2017). Exploration of the academic lives of students with disabilities at South African universities: Lecturers' perspectives. *African Journal of Disability*, 6(1), 1–9
19. Neli Kaunda & Sabelo Chizwina (2018). Providing access to students with print disabilities: The case of the North-West University in South Africa, *Journal of Access Services*, DOI: 10.1080/15367967.2018.1547641.
20. Ohajunwa, C., Mckenzie, J., & Lorenzo, T. (2015). Enabling disability inclusive practices within the University of Cape Town curriculum: A case study. *African Journal of Disability*, 4(1), 1–8.
21. Oppenheim, C (2017). The Marrakesh Copyright Treaty for those with visual disabilities and its implications in the European Union and in the United Kingdom. *Alexandria: The Journal of National and International Library and Information Issues*, 27(1), 4–9.
22. Paul Harpur (2017). *Discrimination, Copyright and Equality: Opening the e- book for the print – disabled*. Sheridan Books, Inc. ISBN 978-1-107-11900-0 Hardback.
23. Phukubje, J., & Ngoepe, M. (2017). Convenience and accessibility of library services to students with disabilities at the University of Limpopo in South Africa. *Journal of Librarianship and Information Science*, 49(2), 180–190.
24. The South African Library for the Blind (2015). *Annual report (2015)*. Grahamstown: The South African Library for the Blind.
25. The International Commission of Jurists (2022). South Africa: Constitutional Court's invalidation of copyright law an important step in ensuring the rights of persons with print disabilities and visual impairments, <https://www.icj.org/south-africa-constitutional-courts-invalidation-of-copyright-law-an-important-step-in-ensuring-the-rights-of-persons-with-print-disabilities-and-visual-impairments/>, (accessible 19 mars 2023).
26. Wilson, D. E. (2015). Web content and design trends of Alabama academic libraries. *The Electronic Library*, 33(1), 88–102.

27. WIPO (2016). The Marrakesh Treaty – Helping to end the global book famine, https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_marrakesh_overview.pdf (accessible 19 mars 2023).

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Bảng 1. Khả năng nghe, đọc, xem các XBP của NKT chữ in

	Độ tuổi					Giới tính			Dân tộc		Học vấn				Kinh tế hộ gia đình			Mức độ khuyết tật			Chung	
	Từ 12 đến 18	Từ 19 đến 24	Từ 25 đến 40	Từ 41 đến 60	Từ 61 tuổi trở lên	Na m	Nữ	Kh ác/ khô ng mu ốn trả lời	Ki nh	Kh ác	Ti ể u học trở xu ố ng	TH CS	TH PT	Sau TH PT	Hộ ng hèo	Hộ cận ng hèo	Hộ khô ng thu ộc 2 trư ờng hợp kể trên	Đặ c biệ t nặ ng	Nặ ng	Nhẹ/c hưa xác định	Tổ ng	N
Văn bản in thông thường																						
Rất dễ dàng	5,9 %	9,6 %	4,7 %	4,4 %	3,3 %	6,5 %	4,3 %	0,0 %	6,2 %	2,0 %	2,6 %	8,1 %	6,2 %	8,3 %	3,5 %	3,8 %	6,3 %	2,8 %	6,9 %	14,4 %	5,5 %	6 7
Có chút khó khăn	23,0 %	14,3 %	20,2 %	10,8 %	13,0 %	16,0 %	16,1 %	20,0 %	16,6 %	12,9 %	10,5 %	17,2 %	20,4 %	25,0 %	19,0 %	18,7 %	14,7 %	6,6 %	22,2 %	39,8 %	16,0 %	1 9 5
Rất khó khăn	16,3 %	17,8 %	22,5 %	17,8 %	24,4 %	16,9 %	23,3 %	20,0 %	19,6 %	20,9 %	22,1 %	17,8 %	18,5 %	18,5 %	20,5 %	21,4 %	19,3 %	14,2 %	27,4 %	17,8 %	19,8 %	2 4 1
Không thực hiện được	54,8 %	58,3 %	52,6 %	67,1 %	59,3 %	60,6 %	56,3 %	60,0 %	57,6 %	64,2 %	64,8 %	56,9 %	55,0 %	48,2 %	57,0 %	56,0 %	59,6 %	76,4 %	43,5 %	28,0 %	58,7 %	7 1 4
Sách/tài liệu bằng chữ nổi Braille																						
Rất dễ dàng	45,2 %	44,8 %	44,0 %	46,4 %	35,0 %	46,5 %	41,3 %	20,0 %	47,4 %	26,9 %	34,8 %	47,9 %	51,2 %	55,4 %	38,5 %	31,3 %	48,1 %	46,9 %	44,7 %	26,3 %	44,0 %	5 3 6
Có chút khó khăn	25,2 %	21,3 %	31,6 %	21,0 %	25,2 %	24,2 %	26,5 %	40,0 %	26,0 %	21,9 %	20,4 %	28,3 %	27,5 %	31,5 %	26,5 %	28,6 %	24,3 %	23,0 %	26,4 %	33,1 %	25,3 %	3 0

																						8
Rất khó khăn	8,9 %	14, 8%	12, 4%	14, 3%	13, 0%	11, 2%	15, 2%	20, 0%	11, 7%	19, 9%	18, 6%	11, 1%	8,1 %	6,5 %	13, 5%	18, 1%	11,9 %	12, 5%	13, 3%	15,3 %	13, 1%	1 5 9
Không thực hiện được	20, 7%	19, 1%	11, 9%	18, 4%	26, 8%	18, 1%	17, 0%	20, 0%	14, 9%	31, 3%	26, 3%	12, 7%	13, 3%	6,5 %	21, 5%	22, 0%	15,7 %	17, 6%	15, 6%	25,4 %	17, 6%	2 1 4
Văn bản điện tử (Word, PDF, ...)																						
Rất dễ dàng	21, 5%	30, 4%	25, 6%	11, 4%	8,1 %	22, 3%	17, 7%	40, 0%	21, 6%	13, 9%	8,9 %	23, 2%	29, 4%	37, 5%	10, 5%	12, 6%	24,3 %	21, 8%	17, 0%	25,4 %	20, 3%	2 4 7
Có chút khó khăn	32, 6%	26, 5%	30, 3%	24, 8%	17, 9%	28, 1%	25, 6%	40, 0%	28, 1%	21, 9%	14, 6%	29, 5%	37, 0%	47, 0%	21, 0%	27, 5%	28,4 %	25, 6%	28, 1%	30,5 %	27, 0%	3 2 9
Rất khó khăn	14, 8%	16, 1%	19, 9%	19, 2%	28, 5%	17, 3%	21, 8%	0,0 %	19, 2%	19, 9%	24, 3%	19, 0%	17, 1%	7,7 %	29, 5%	22, 5%	16,2 %	16, 2%	23, 7%	17,8 %	19, 3%	2 3 5
Không thực hiện được	31, 1%	27, 0%	24, 1%	44, 6%	45, 5%	32, 2%	34, 8%	20, 0%	31, 2%	44, 3%	52, 2%	28, 3%	16, 6%	7,7 %	39, 0%	37, 4%	31,1 %	36, 4%	31, 2%	26,3 %	33, 4%	4 0 6
Chữ in khổ lớn																						
Rất dễ dàng	18, 5%	19, 1%	15, 5%	6,7 %	6,5 %	13, 2%	13, 2%	0,0 %	14, 5%	6,5 %	5,5 %	16, 6%	19, 0%	22, 0%	7,0 %	9,3 %	15,4 %	5,2 %	17, 9%	35,6 %	13, 1%	1 6 0
Có chút khó khăn	18, 5%	10, 9%	19, 2%	12, 2%	9,8 %	13, 1%	16, 2%	40, 0%	14, 3%	16, 4%	10, 1%	16, 3%	17, 1%	22, 0%	12, 5%	16, 5%	14,7 %	7,1 %	20, 8%	28,8 %	14, 6%	1 7 8
Rất khó khăn	11, 9%	11, 3%	17, 4%	21, 0%	23, 6%	16, 3%	18, 6%	0,0 %	17, 8%	14, 4%	21, 9%	17, 2%	13, 7%	7,7 %	21, 5%	23, 1%	15,0 %	13, 8%	21, 8%	16,9 %	17, 3%	2 1 0
Không thực hiện được	51, 1%	58, 7%	47, 9%	60, 1%	60, 2%	57, 4%	52, 0%	60, 0%	53, 4%	62, 7%	62, 5%	50, 0%	50, 2%	48, 2%	59, 0%	51, 1%	54,9 %	73, 9%	39, 5%	18,6 %	55, 0%	6 6 9

Các bản ghi âm /sách nói																						
Rất dễ dàng	61,5%	67,4%	72,5%	58,6%	50,4%	66,9%	61,2%	40,0%	67,1%	49,3%	50,4%	64,8%	79,1%	85,7%	55,0%	50,5%	69,3%	62,1%	66,1%	66,9%	64,2%	781
Có chút khó khăn	22,2%	19,1%	18,7%	24,8%	17,9%	19,3%	22,2%	60,0%	20,1%	24,4%	22,7%	25,3%	15,6%	12,5%	24,5%	27,5%	18,4%	22,2%	19,1%	20,3%	20,8%	253
Rất khó khăn	6,7%	7,0%	5,4%	7,6%	16,3%	6,5%	8,8%	0,0%	6,6%	12,4%	11,7%	6,9%	4,3%	6%	12,5%	9,3%	6,0%	7,0%	8,5%	6,8%	7,6%	92
Không thực hiện được	9,6%	6,5%	3,4%	9,0%	15,4%	7,3%	7,8%	0,0%	6,2%	13,9%	15,2%	3,0%	9%	1,2%	8,0%	12,6%	6,2%	8,7%	6,2%	5,9%	7,5%	91
Các bản ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách																						
Rất dễ dàng	22,2%	21,3%	19,9%	16,3%	11,4%	20,1%	16,8%	20,0%	19,8%	12,4%	12,6%	22,0%	25,1%	21,4%	11,0%	10,4%	22,2%	13,8%	20,0%	38,1%	18,6%	226
Có chút khó khăn	26,7%	24,3%	27,7%	21,9%	14,6%	23,6%	24,5%	20,0%	24,5%	21,4%	18,0%	27,7%	28,0%	29,8%	19,5%	23,1%	25,3%	19,7%	28,1%	29,7%	24,0%	292
Rất khó khăn	17,0%	15,7%	21,2%	19,2%	24,4%	18,4%	20,8%	20,0%	19,2%	20,9%	24,7%	16,6%	13,7%	16,7%	29,5%	23,6%	16,2%	17,0%	24,5%	11,9%	19,5%	237
Không thực hiện được	34,1%	38,7%	31,1%	42,6%	49,6%	38,0%	37,9%	40,0%	36,5%	45,3%	44,7%	33,7%	33,2%	32,1%	40,0%	42,9%	36,4%	49,5%	27,4%	20,3%	38,0%	462

Bảng 2. Nhu cầu tiếp cận XBP của NKT chữ in																						
	Độ tuổi					Giới tính			Dân tộc		Học vấn				Kinh tế hộ gia đình			Mức độ khuyết tật			Chung	
	Từ 12 đến 18	Từ 19 đến 24	Từ 25 đến 40	Từ 41 đến 60	Từ 61 tuổi trở	Na m	Nữ	Kh ác/ không mu	Kin h	Kh ác	Tiê u học trở xuố	TH CS	TH PT	Sau TH PT	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ không thu ộc 2	Đặ c biệt nặng	Nặ ng	Nh ẹ/ chur a xác	Tổ ng	N

					lên			ón trả lời			ng					trư ờng hợp kê trên			địn h			
Văn bản in thông thường																						
Rất mong muốn	28,1%	23,5%	17,4%	13,7%	13,8%	19,8%	16,4%	40,0%	19,6%	11,9%	14,8%	22,0%	19,9%	19,6%	14,0%	20,9%	18,8%	17,2%	17,5%	28,0%	18,3%	223
Có mong muốn	25,9%	20,0%	29,0%	21,0%	18,7%	21,7%	26,0%	20,0%	22,1%	31,3%	19,8%	26,5%	25,6%	27,4%	25,5%	23,6%	23,2%	17,5%	28,5%	36,4%	23,7%	288
Không mong muốn	45,9%	56,5%	53,6%	65,3%	67,5%	58,5%	57,6%	40,0%	58,3%	56,7%	65,4%	51,5%	54,5%	53,0%	60,5%	55,5%	58,0%	65,4%	54,1%	35,6%	58,0%	706
Sách/tài liệu bằng chữ nổi Braille																						
Rất mong muốn	58,5%	50,9%	56,0%	55,7%	48,8%	54,7%	54,3%	40,0%	57,5%	39,3%	49,6%	61,1%	56,4%	53,6%	53,0%	46,2%	56,6%	59,4%	51,4%	41,5%	54,5%	663
Có mong muốn	30,4%	37,0%	35,2%	30,6%	22,0%	33,0%	31,6%	40,0%	31,0%	39,3%	31,8%	28,3%	35,1%	38,7%	35,0%	39,0%	30,3%	28,5%	35,3%	40,7%	32,4%	394
Không mong muốn	11,1%	12,2%	8,8%	13,7%	29,3%	12,3%	14,1%	20,0%	11,5%	21,4%	18,6%	10,5%	8,5%	7,7%	12,0%	14,8%	13,1%	12,1%	13,3%	17,8%	13,1%	160
Văn bản điện tử (Word, PDF, ...)																						
Rất mong muốn	41,5%	46,1%	40,7%	24,5%	20,3%	37,1%	32,7%	60,0%	37,2%	24,9%	22,3%	36,1%	44,1%	60,7%	22,0%	31,3%	39,2%	40,0%	29,5%	33,1%	35,2%	428
Có mong muốn	38,5%	29,6%	37,6%	32,4%	30,9%	31,8%	36,6%	40,0%	33,5%	36,8%	30,6%	38,0%	37,4%	32,1%	40,0%	30,8%	33,3%	30,1%	36,4%	44,9%	34,0%	414
Không	20,	24,	21,	43,	48,	31,	30,	0,0	29,	38,	47,	25,	18,	7,1	38,	37,	27,5	29,	34,	22,	30,	3

mong muốn	0%	3%	8%	1%	8%	2%	7%	%	3%	3%	0%	9%	5%	%	0%	9%	%	9%	1%	0%	8%	7 5
Chữ in khổ lớn																						
Rất mong muốn	31,9%	27,8%	24,1%	16,3%	11,4%	22,2%	22,0%	40,0%	24,0%	12,9%	15,6%	25,9%	27,0%	28,6%	13,5%	21,4%	24,4%	18,4%	24,1%	33,9%	22,2%	2 7 0
Có mong muốn	23,7%	21,3%	28,8%	22,7%	20,3%	23,7%	25,1%	0,0%	22,4%	33,3%	21,9%	25,9%	24,2%	28,0%	28,0%	26,4%	22,9%	17,5%	28,3%	43,2%	24,2%	2 9 5
Không mong muốn	44,4%	50,9%	47,2%	60,9%	68,3%	54,1%	52,9%	60,0%	53,5%	53,7%	62,5%	48,2%	48,8%	43,5%	58,5%	52,2%	52,7%	64,1%	47,6%	22,9%	53,6%	6 5 2
Các bản ghi âm/sách nói																						
Rất mong muốn	68,9%	70,4%	73,8%	68,8%	58,5%	71,3%	67,9%	60,0%	72,3%	56,2%	63,4%	69,9%	80,6%	74,4%	66,0%	62,6%	72,1%	72,5%	67,2%	65,3%	69,7%	8 4 8
Có mong muốn	28,1%	24,3%	24,6%	24,5%	24,4%	24,2%	25,6%	40,0%	23,2%	33,3%	26,9%	26,5%	17,1%	25,6%	28,0%	31,3%	22,8%	22,0%	27,9%	28,0%	24,9%	3 0 3
Không mong muốn	3,0%	5,2%	1,6%	6,7%	17,1%	4,6%	6,5%	0,0%	4,4%	10,4%	9,7%	3,6%	2,4%	0,0%	6,0%	6,0%	5,1%	5,5%	5,0%	6,8%	5,4%	6 6
Các bản ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách																						
Rất mong muốn	43,0%	30,4%	34,2%	25,1%	17,9%	31,2%	28,9%	60,0%	31,7%	22,9%	25,7%	32,2%	35,1%	33,9%	24,5%	28,6%	32,0%	28,6%	29,1%	43,2%	30,2%	3 6 8
Có mong muốn	31,9%	32,6%	30,1%	29,7%	26,0%	29,0%	31,8%	20,0%	29,5%	33,8%	30,0%	31,9%	25,6%	33,3%	30,0%	28,0%	30,8%	24,8%	35,8%	36,4%	30,2%	3 6 8
Không mong muốn	25,2%	37,0%	35,8%	45,2%	56,1%	39,8%	39,4%	20,0%	38,8%	43,3%	44,3%	35,8%	39,3%	32,7%	45,5%	43,4%	37,2%	46,6%	35,1%	20,3%	39,5%	4 8 1

Bảng 3. Số lượng XBP sẵn có theo đánh giá của NKT chữ in

	Độ tuổi					Giới tính			Dân tộc		Học vấn				Kinh tế hộ gia đình			Mức độ khuyết tật			Chung	
	Từ 12 đến 18	Từ 19 đến 24	Từ 25 đến 40	Từ 41 đến 60	Từ 61 tuổi trở lên	Nam	Nữ	Khác/không muốn trả lời	Kinh	Khác	Tiểu học trở xuống	THCS	THPT	Sau THPT	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ không thuộc 2 trường hợp kể trên	Đặc biệt nặng	Nặng	Nhẹ/cưa xác định	Tổng	N
Sách giáo khoa/tài liệu học tập																						
Rất nhiều	7,5%	9,1%	9,1%	4,4%	4,1%	7,3%	6,9%	0,0%	7,7%	4,0%	5,3%	8,5%	8,1%	8,4%	8,5%	7,2%	6,7%	7,5%	5,8%	10,2%	7,1%	86
Có đủ	20,1%	23,0%	21,6%	16,7%	13,0%	18,1%	20,9%	40,0%	20,9%	12,0%	14,7%	21,3%	22,3%	26,9%	12,1%	15,5%	22,1%	14,2%	22,3%	35,6%	19,5%	236
Thiếu một ít	34,3%	29,6%	28,4%	28,4%	25,2%	31,3%	26,3%	20,0%	29,2%	28,0%	23,4%	31,6%	34,6%	33,5%	25,1%	30,9%	29,4%	31,4%	29,0%	16,1%	29,0%	351
Rất khan hiếm	18,7%	21,3%	26,0%	25,5%	30,1%	25,9%	22,9%	40,0%	24,7%	24,0%	25,0%	22,2%	24,6%	28,1%	29,6%	21,0%	24,2%	25,6%	24,6%	19,5%	24,6%	298
Không có	19,4%	17,0%	14,8%	24,9%	27,6%	17,4%	23,0%	0,0%	17,5%	32,0%	31,7%	16,4%	10,4%	3,0%	24,6%	25,4%	17,5%	21,3%	18,3%	18,6%	19,9%	241
Sách/tài liệu văn học nghệ thuật																						
Rất nhiều	5,2%	8,7%	5,2%	3,2%	3,3%	6,4%	3,4%	20,0%	5,5%	3,0%	3,6%	4,9%	4,3%	11,4%	4,0%	2,8%	5,9%	4,6%	5,4%	6,8%	5,1%	62
Có đủ	13,4%	18,7%	19,5%	14,4%	8,9%	14,8%	18,0%	0,0%	17,2%	11,0%	11,9%	14,9%	19,9%	26,9%	10,6%	14,4%	17,9%	15,0%	15,4%	25,4%	16,2%	196

Thiếu một ít	26,9%	19,1%	22,9%	20,2%	15,4%	22,7%	18,9%	60,0%	20,8%	23,0%	18,0%	20,7%	29,4%	21,0%	18,6%	23,8%	21,2%	19,2%	23,1%	22,9%	21,1%	256
Rất khan hiếm	30,6%	32,2%	28,1%	31,7%	38,2%	32,6%	29,6%	20,0%	31,8%	28,0%	28,1%	35,0%	30,8%	33,5%	35,2%	26,0%	31,4%	31,8%	31,7%	26,3%	31,2%	378
Không có	23,9%	21,3%	24,2%	30,5%	34,1%	23,5%	30,1%	0,0%	24,7%	35,0%	38,4%	24,6%	15,6%	7,2%	31,7%	33,1%	23,7%	29,5%	24,4%	18,6%	26,4%	320

Sách/tài liệu khoa học tự nhiên

Rất nhiều	2,2%	5,2%	5,7%	3,5%	2,4%	5,5%	2,9%	0,0%	4,7%	2,0%	3,2%	4,9%	4,3%	6,6%	4,5%	4,4%	4,2%	3,6%	4,6%	6,8%	4,3%	52
Có đủ	13,4%	17,0%	15,9%	9,7%	6,5%	11,4%	15,2%	0,0%	14,1%	8,0%	9,7%	13,7%	16,1%	18,6%	8,0%	10,5%	14,9%	10,4%	14,0%	23,7%	13,1%	159
Thiếu một ít	29,1%	18,7%	21,1%	19,4%	15,4%	21,5%	18,7%	80,0%	20,8%	19,0%	17,8%	17,6%	30,3%	21,6%	17,1%	23,8%	20,6%	18,1%	22,7%	23,7%	20,5%	248
Rất khan hiếm	31,3%	33,9%	31,5%	31,7%	36,6%	33,8%	31,0%	20,0%	33,3%	28,5%	27,1%	36,8%	30,3%	43,1%	38,2%	29,3%	31,9%	34,5%	31,7%	25,4%	32,5%	394
Không có	23,9%	25,2%	25,8%	35,8%	39,0%	27,7%	32,1%	0,0%	27,1%	42,5%	42,2%	27,1%	19,0%	10,2%	32,2%	32,0%	28,5%	33,4%	27,1%	20,3%	29,6%	359

Sách /tài liệu phục vụ nghiên cứu /công việc

Rất nhiều	1,5%	6,5%	7,0%	4,1%	4,1%	6,4%	3,8%	0,0%	5,8%	2,0%	4,0%	6,7%	4,3%	7,2%	7,0%	2,8%	5,3%	5,5%	4,2%	7,6%	5,2%	63
Có đủ	11,9%	13,5%	15,9%	12,0%	4,9%	11,9%	13,8%	20,0%	13,1%	11,0%	10,7%	12,5%	16,1%	15,6%	8,0%	11,6%	14,2%	11,1%	12,9%	21,2%	12,8%	155
Thiếu một ít	20,9%	18,3%	21,4%	23,5%	16,3%	21,0%	20,3%	40,0%	21,1%	19,0%	18,8%	19,5%	28,4%	19,8%	15,6%	23,2%	21,5%	17,6%	25,2%	19,5%	20,8%	252

Rất khan hiếm	32,8%	35,2%	29,2%	27,3%	36,6%	32,6%	28,9%	40,0%	31,8%	26,5%	22,8%	36,5%	29,9%	46,1%	30,7%	29,8%	31,3%	33,9%	29,0%	23,7%	30,9%	37,5%
Không có	32,8%	26,5%	26,6%	33,1%	38,2%	28,0%	33,2%	0,0%	28,1%	41,5%	43,8%	24,9%	21,3%	11,4%	38,7%	32,6%	27,8%	31,9%	28,8%	28,0%	30,3%	36,7%

Sách/tài liệu về kỹ năng sống

Rất nhiều	6,7%	8,3%	9,4%	5,0%	4,9%	7,9%	6,4%	0,0%	7,7%	4,5%	5,0%	7,6%	6,6%	13,8%	6,5%	5,0%	7,8%	6,7%	6,3%	13,6%	7,2%	8,7%
Có đủ	11,9%	18,3%	17,2%	16,1%	8,9%	14,9%	16,5%	20,0%	16,4%	12,0%	14,3%	14,3%	16,1%	22,2%	11,6%	17,7%	16,2%	13,8%	16,9%	20,3%	15,7%	19,0%
Thiếu một ít	20,1%	17,4%	24,7%	23,2%	22,0%	22,6%	21,4%	40,0%	22,5%	20,0%	17,6%	21,0%	29,9%	28,1%	19,6%	21,0%	23,0%	21,0%	24,0%	20,3%	22,1%	26,8%
Rất khan hiếm	33,6%	32,2%	25,8%	24,3%	27,6%	29,3%	25,6%	40,0%	28,1%	25,5%	22,6%	34,7%	28,4%	28,1%	26,1%	27,6%	28,0%	30,0%	25,2%	25,4%	27,6%	33,5%
Không có	27,6%	23,9%	22,9%	31,4%	36,6%	25,3%	30,1%	0,0%	25,3%	38,0%	40,6%	22,5%	19,0%	7,8%	36,2%	28,7%	25,0%	28,5%	27,7%	20,3%	27,4%	33,2%

Bảng 4. Nguồn cung cấp chính các XBP cho NKT chữ in (tỷ lệ % thừa nhận)

	Thư viện của trường	Thư viện của địa phương /trung ương	Hội người mù /người khuyết tật	Thư viện trực tuyến	Cửa hàng sách	Gia đình	Bạn bè /tình nguyện viên	Thầy/Cô giáo	Các nhóm chia sẻ sách /tài liệu trên mạng xã hội	Mạng Internet (bằng các công cụ tìm kiếm phổ thông)
Từ 12 đến 18	28,9%	17,8%	61,5%	27,4%	10,4%	37,0%	26,7%	19,3%	25,2%	37,8%
Từ 19 đến 24	21,3%	17,8%	73,5%	27,0%	10,4%	28,3%	29,1%	14,3%	37,4%	43,9%
Từ 25 đến 40	8,5%	16,6%	73,6%	31,1%	7,5%	30,3%	42,0%	7,5%	48,2%	46,6%

Từ 41 đến 60	4,7%	16,9%	81,0%	21,6%	6,7%	32,1%	35,0%	9,0%	36,4%	33,2%
Từ 61 tuổi trở lên	,8%	19,5%	70,7%	17,9%	6,5%	48,0%	28,5%	10,6%	24,4%	26,8%
Nam	12,5%	19,9%	72,8%	28,3%	7,8%	32,5%	33,7%	10,9%	38,1%	38,8%
Nữ	9,9%	14,3%	75,8%	22,7%	8,5%	33,6%	35,4%	10,6%	37,5%	39,7%
Khác/không muốn trả lời	20,0%	20,0%	40,0%	60,0%	0,0%	20,0%	40,0%	20,0%	40,0%	80,0%
Dân tộc Kinh	11,8%	18,3%	76,4%	28,0%	9,1%	32,9%	36,4%	10,7%	39,9%	40,1%
Dân tộc khác	9,0%	12,4%	62,2%	15,4%	3,0%	33,3%	24,9%	11,4%	27,9%	35,8%
Tiểu học trở xuống	4,3%	15,0%	77,9%	18,6%	4,0%	37,7%	33,4%	11,7%	32,2%	30,0%
THCS	11,1%	18,1%	76,5%	24,7%	9,6%	34,0%	32,5%	10,2%	37,7%	39,8%
THPT	18,0%	22,3%	71,1%	29,9%	9,0%	25,1%	36,5%	8,1%	39,3%	48,3%
Sau THPT	24,4%	16,7%	61,3%	45,2%	16,1%	26,2%	39,3%	13,1%	53,6%	55,4%
Hộ nghèo	10,5%	18,5%	72,5%	27,0%	5,0%	33,0%	43,5%	9,0%	43,5%	37,5%
Hộ cận nghèo	10,4%	19,2%	76,4%	21,4%	7,7%	41,2%	36,3%	15,4%	41,2%	37,4%
Hộ không thuộc 2 trường hợp kể trên	11,7%	16,6%	73,9%	26,6%	8,9%	31,1%	32,0%	10,3%	35,8%	40,2%
Đặc biệt nặng	9,2%	13,6%	77,0%	24,8%	7,6%	31,9%	30,6%	13,3%	37,5%	39,2%
Nặng	12,7%	22,2%	74,0%	27,9%	7,1%	32,6%	39,5%	7,9%	41,0%	38,5%
Nhẹ/chưa xác định	16,9%	16,9%	58,5%	23,7%	14,4%	39,8%	34,7%	10,2%	27,1%	44,1%
Tổng	11,3%	17,3%	74,0%	25,9%	8,1%	32,9%	34,5%	10,8%	37,9%	39,4%
N	138	211	901	315	98	401	420	132	461	479

Bảng 5. Những khó khăn khi tìm kiếm các XBP ở định dạng phù hợp của NKT chữ in (tỷ lệ % thừa nhận)

	Có ở định dạng tôi cần, nhưng cũng không dễ xem /nghe /đọc (ví dụ: bản scan PDF, nhiều tranh ảnh, sơ đồ không có mô tả)	Không có đủ tiền để mua xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp	Không được phép sao chép xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp vì vấn đề bản quyền	Tôi không biết tìm xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp ở đâu	Không có thiết bị để đọc xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp	Tìm được xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp, nhưng muộn hơn so với yêu cầu	Không có khó khăn gì	Khác
Từ 12 đến 18	52,6%	25,2%	4,4%	17,8%	18,5%	8,9%	3,7%	0,0%
Từ 19 đến 24	47,8%	23,0%	9,6%	29,1%	17,8%	10,9%	5,7%	,4%
Từ 25 đến 40	52,8%	21,8%	7,8%	22,5%	14,8%	12,2%	6,7%	,5%

Từ 41 đến 60	41,1%	31,5%	11,1%	30,6%	19,8%	15,7%	5,0%	,6%
Từ 61 tuổi trở lên	35,0%	33,3%	9,8%	31,7%	19,5%	14,6%	2,4%	1,6%
Nam	46,8%	26,0%	9,6%	26,1%	16,1%	12,9%	5,3%	,8%
Nữ	46,9%	26,7%	8,1%	27,1%	19,3%	12,8%	5,1%	,4%
Khác/không muốn trả lời	20,0%	20,0%	0,0%	0,0%	40,0%	0,0%	20,0%	0,0%
Dân tộc Kinh	46,9%	25,6%	9,1%	26,9%	18,6%	13,3%	5,7%	,6%
Dân tộc khác	45,8%	29,9%	8,0%	24,4%	12,9%	10,4%	3,0%	,5%
Tiểu học trở xuống	34,0%	37,2%	11,3%	35,0%	21,3%	15,0%	4,2%	1,0%
THCS	50,9%	22,9%	6,9%	19,9%	16,3%	9,9%	6,9%	,6%
THPT	54,5%	16,6%	8,1%	26,5%	19,0%	15,2%	4,7%	0,0%
Sau THPT	67,3%	12,5%	6,5%	13,7%	7,7%	8,9%	6,0%	0,0%
Hộ nghèo	43,0%	33,5%	15,0%	36,5%	18,5%	20,5%	1,5%	1,0%
Hộ cận nghèo	46,2%	37,4%	11,0%	28,0%	17,6%	13,7%	3,3%	1,1%
Hộ không thuộc 2 trường hợp kể trên	47,8%	22,2%	6,9%	23,7%	17,5%	10,8%	6,6%	,4%
Đặc biệt nặng	50,8%	22,5%	4,9%	24,6%	17,3%	9,7%	2,8%	1,0%
Nặng	44,1%	29,9%	13,3%	28,9%	16,8%	17,3%	7,1%	,2%
Nhẹ/chưa xác định	36,4%	31,4%	11,9%	26,3%	22,9%	11,0%	11,0%	0,0%
Tổng	46,8%	26,3%	8,9%	26,5%	17,7%	12,8%	5,3%	,6%
N	569	320	108	322	215	156	64	7

Bảng 6. Những nỗ lực khắc phục khó khăn trong tìm kiếm XBP ở định dạng phù hợp của NKT chữ in (tỷ lệ % thừa nhận)

	Bỏ qua, không tìm nữa	Nhờ người khác tìm giúp	Sử dụng mạng xã hội (face book, zalo ...) nhờ tìm giúp	Yêu cầu các nhà xuất bản cung cấp	Nhờ người khác đọc hoặc truyền đạt lại	Khác
Từ 12 đến 18	10,4%	64,4%	55,6%	5,2%	65,9%	,7%
Từ 19 đến 24	11,7%	70,9%	57,4%	,4%	55,7%	1,7%
Từ 25 đến 40	12,4%	65,5%	65,8%	,8%	59,1%	1,0%
Từ 41 đến 60	16,3%	66,5%	53,6%	1,7%	59,5%	,3%

Từ 61 tuổi trở lên	13,8%	62,6%	30,1%	,8%	67,5%	2,4%
Nam	12,5%	68,4%	58,7%	1,1%	60,0%	,6%
Nữ	14,3%	64,3%	53,1%	2,0%	60,5%	1,6%
Khác/không muốn trả lời	20,0%	40,0%	40,0%	0,0%	40,0%	0,0%
Dân tộc Kinh	12,4%	68,2%	56,7%	1,3%	59,4%	1,2%
Dân tộc khác	17,9%	57,2%	52,7%	2,5%	63,7%	,5%
Tiểu học trở xuống	16,8%	59,3%	48,8%	2,0%	60,1%	,8%
THCS	11,1%	70,8%	56,3%	1,5%	58,4%	,6%
THPT	12,3%	72,0%	64,9%	1,4%	62,1%	1,4%
Sau THPT	8,3%	72,0%	66,1%	0,0%	61,3%	2,4%
Hộ nghèo	20,5%	61,5%	55,5%	2,5%	60,0%	,5%
Hộ cận nghèo	13,7%	63,7%	60,4%	2,2%	57,7%	,5%
Hộ không thuộc 2 trường hợp kể trên	11,5%	68,1%	55,2%	1,1%	60,7%	1,3%
Đặc biệt nặng	13,4%	66,2%	51,9%	1,9%	60,0%	1,5%
Nặng	12,3%	68,4%	61,3%	1,0%	62,8%	,6%
Nhẹ/chưa xác định	16,9%	59,3%	55,9%	,8%	50,0%	,8%
Tổng	13,3%	66,4%	56,0%	1,5%	60,1%	1,1%
N	162	808	682	18	732	13

Bảng 7. Lợi ích tiếp cận XBP ở định dạng phù hợp của NKT chữ in

Bảng 7. Lợi ích tiếp cận XBP ở định dạng phù hợp của NKT chữ in																						
Độ tuổi					Giới tính			Dân tộc		Học vấn				Kinh tế hộ gia đình			Mức độ khuyết tật			Chung		
	Từ 12 đến 18	Từ 19 đến 24	Từ 25 đến 40	Từ 41 đến 60	Từ 61 tuổi trở lên	Nam	Nữ	Khác / không muốn trả lời	Kinh	Khác	Tiểu học trở xuống	THCS	THPT	Sau THPT	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ không thuộc 2 trường hợp kể trên	Đặc biệt nặng	Nặng	Nhẹ/chưa xác định	Tổng	N
Có kết quả học tập tốt hơn																						

Hoàn toàn đồng ý	80,7 %	73,0 %	76,4 %	77,0 %	48,0 %	74,2 %	72,6 %	100,0 %	74,0 %	71,1 %	65,8 %	78,6 %	77,3 %	82,1 %	67,5 %	75,8 %	74,5 %	69,9 %	78,8 %	71,2%	73,5 %	89 5
Đúng ý một phần	8,9 %	14,3 %	16,6 %	17,5 %	37,4 %	19,0 %	16,2 %	0,0%	16,8 %	21,9 %	20,8 %	15,4 %	15,6 %	15,5 %	23,5 %	17,6 %	16,3 %	21,0 %	12,5 %	21,2%	17,7 %	21 5
Không đồng ý	1,5 %	2,2 %	1,8 %	1,5 %	5,7 %	1,5 %	2,9 %	0,0%	2,1 %	2,5 %	3,0 %	2,4 %	1,4 %	0,0 %	3,0 %	2,2 %	1,9%	2,3 %	2,1 %	1,7%	2,1 %	26
Không biết	8,9 %	10,4 %	5,2 %	4,1 %	8,9 %	5,3 %	8,3 %	0,0%	7,1 %	4,5 %	10,5 %	3,6 %	5,7 %	2,4 %	6,0 %	4,4 %	7,3%	6,8 %	6,7 %	5,9%	6,7 %	81
Chủ động, tự tin hơn khi tìm việc làm																						
Hoàn toàn đồng ý	63,7 %	63,9 %	69,2 %	70,8 %	55,3 %	67,6 %	65,3 %	80,0 %	67,0 %	64,7 %	63,2 %	66,9 %	70,6 %	71,4 %	64,5 %	67,6 %	66,9 %	64,9 %	70,3 %	61,0%	66,6 %	81 1
Đúng ý một phần	23,7 %	21,3 %	23,1 %	21,6 %	28,5 %	22,3 %	23,6 %	20,0 %	22,7 %	23,9 %	23,1 %	24,4 %	20,9 %	22,0 %	26,0 %	19,8 %	22,9 %	24,9 %	19,1 %	28,0%	22,9 %	27 9
Không đồng ý	3,0 %	4,3 %	2,8 %	1,7 %	8,9 %	3,8 %	3,1 %	0,0%	3,5 %	3,0 %	4,3 %	3,3 %	2,4 %	2,4 %	3,5 %	4,4 %	3,2%	3,6 %	2,9 %	5,1%	3,5 %	42
Không biết	9,6 %	10,4 %	4,9 %	5,8 %	7,3 %	6,2 %	7,9 %	0,0%	6,7 %	8,5 %	9,3 %	5,4 %	6,2 %	4,2 %	6,0 %	8,2 %	6,9%	6,6 %	7,7 %	5,9%	7,0 %	85
Dễ tìm được việc làm phù hợp với bản thân																						
Hoàn toàn	56,3 %	55,2 %	64,8 %	60,3 %	47,2 %	60,0 %	57,6 %	80,0 %	58,8 %	60,2 %	57,5 %	60,5 %	59,2 %	60,1 %	56,0 %	61,0 %	59,3 %	56,6 %	63,6 %	52,5%	59,0 %	71 8

đồng ý																							
Đòn g ý một phần	28,1 %	26,5 %	25,4 %	29,7 %	35,0 %	27,1 %	29,6 %	0,0%	28,6 %	25,4 %	27,1 %	29,8 %	28,4 %	27,4 %	32,0 %	25,3 %	27,8 %	29,6 %	25,2 %	32,2%	28,1 %	34 2	
Không đồng ý	3,7 %	7,0 %	4,7 %	4,4 %	11,4 %	5,9 %	5,1 %	20,0 %	5,2 %	7,5 %	6,1 %	4,5 %	5,7 %	6,0 %	5,0 %	6,6 %	5,5%	6,5 %	4,0 %	7,6%	5,6 %	68	
Không biết	11,9 %	11,3 %	5,2 %	5,5 %	6,5 %	7,0 %	7,8 %	0,0%	7,4 %	7,0 %	9,3 %	5,1 %	6,6 %	6,5 %	7,0 %	7,1 %	7,4%	7,3 %	7,3 %	7,6%	7,3 %	89	
Tìm được việc làm lương cao hơn																							
Hoàn toàn đồng ý	40,7 %	41,7 %	47,7 %	47,5 %	36,6 %	45,3 %	43,7 %	60,0 %	44,6 %	44,8 %	43,5 %	43,7 %	46,4 %	47,6 %	44,5 %	42,3 %	45,1 %	42,1 %	49,3 %	39,0%	44,6 %	54 3	
Đòn g ý một phần	31,9 %	30,0 %	30,8 %	35,0 %	39,0 %	32,8 %	32,9 %	20,0 %	33,5 %	29,4 %	31,8 %	36,7 %	31,3 %	29,8 %	35,0 %	34,1 %	32,0 %	34,6 %	29,5 %	36,4%	32,8 %	39 9	
Không đồng ý	8,1 %	13,9 %	12,2 %	8,7 %	15,4 %	11,2 %	11,7 %	0,0%	11,0 %	13,4 %	11,1 %	10,5 %	11,4 %	14,3 %	11,0 %	13,2 %	11,1 %	13,1 %	9,4 %	11,0%	11,4 %	13 9	
Không biết	19,3 %	14,3 %	9,3 %	8,7 %	8,9 %	10,6 %	11,7 %	20,0 %	10,9 %	12,4 %	13,6 %	9,0 %	10,9 %	8,3 %	9,5 %	10,4 %	11,7 %	10,2 %	11,9 %	13,6%	11,2 %	13 6	
Có thêm nhiều kiến thức																							
Hoàn toàn đồng ý	87,4 %	83,0 %	85,5 %	84,3 %	79,7 %	85,9 %	82,3 %	100,0 %	83,6 %	88,1 %	83,6 %	86,1 %	79,6 %	88,7 %	85,5 %	84,6 %	84,0 %	82,7 %	85,9 %	86,4%	84,3 %	10 26	
Đòn g ý một phần	6,7 %	12,2 %	12,2 %	13,4 %	14,6 %	10,9 %	13,7 %	0,0%	13,1 %	7,5 %	12,1 %	10,8 %	17,1 %	8,9 %	11,0 %	13,2 %	12,2 %	13,1 %	11,4 %	10,2%	12,2 %	14	

g ý một phần	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	8
Khô ng đồng ý	1,5 %	1,3 %	,8%	,3%	2,4 %	1,5 %	,4%	0,0%	,8%	2,0 %	,6%	1,2 %	1,4 %	1,2 %	1,0 %	1,1 %	1,0%	1,1 %	,6%	1,7%	1,0 %	12
Khô ng biết	4,4 %	3,5 %	1,6 %	2,0 %	3,3 %	1,7 %	3,6 %	0,0%	2,6 %	2,5 %	3,8 %	1,8 %	1,9 %	1,2 %	2,5 %	1,1 %	2,9%	3,1 %	2,1 %	1,7%	2,5 %	31
Học thêm được nhiều kỹ năng																						
Hoàn n toàn đồng ý	86,7 %	80,0 %	82,6 %	85,4 %	74,0 %	84,3 %	80,1 %	100,0 %	81,8 %	86,1 %	81,8 %	83,4 %	80,6 %	85,1 %	84,0 %	81,3 %	82,4 %	81,2 %	84,8 %	79,7%	82,5 %	10 04
Đòn g ý một phần	8,1 %	13,9 %	13,5 %	11,7 %	18,7 %	11,9 %	14,4 %	0,0%	13,7 %	9,5 %	13,0 %	12,3 %	14,2 %	12,5 %	12,0 %	15,9 %	12,6 %	13,6 %	11,6 %	15,3%	13,0 %	15 8
Khô ng đồng ý	,7%	1,7 %	2,1 %	,6%	3,3 %	1,7 %	1,4 %	0,0%	1,5 %	2,0 %	1,2 %	2,1 %	1,9 %	1,2 %	1,5 %	1,1 %	1,7%	1,8 %	1,2 %	1,7%	1,6 %	19
Khô ng biết	4,4 %	4,3 %	1,8 %	2,3 %	4,1 %	2,1 %	4,0 %	0,0%	3,1 %	2,5 %	4,0 %	2,1 %	3,3 %	1,2 %	2,5 %	1,6 %	3,4%	3,4 %	2,3 %	3,4%	3,0 %	36
Tự tin hơn khi giao tiếp, kết bạn, nói chuyện với người khác																						
Hoàn n toàn đồng ý	77,8 %	77,4 %	79,0 %	77,0 %	67,5 %	77,5 %	75,8 %	100,0 %	77,6 %	73,1 %	76,5 %	74,7 %	77,7 %	81,0 %	77,0 %	80,2 %	76,0 %	75,4 %	78,6 %	77,1%	76,8 %	93 5
Đòn g ý một phần	17,0 %	15,2 %	16,8 %	19,5 %	24,4 %	17,5 %	19,0 %	0,0%	17,2 %	22,4 %	17,4 %	21,1 %	17,5 %	14,9 %	19,0 %	14,8 %	18,6 %	18,4 %	17,5 %	18,6%	18,1 %	22 0

Không đồng ý	0,0 %	2,2 %	2,3 %	1,5 %	4,1 %	2,0 %	2,0 %	0,0%	2,0 %	2,0 %	1,6 %	2,1 %	2,4 %	2,4 %	1,0 %	2,7 %	2,0%	2,4 %	1,2 %	2,5%	2,0 %	24
Không biết	5,2 %	5,2 %	1,8 %	2,0 %	4,1 %	3,0 %	3,2 %	0,0%	3,2 %	2,5 %	4,5 %	2,1 %	2,4 %	1,8 %	3,0 %	2,2 %	3,4%	3,7 %	2,7 %	1,7%	3,1 %	38
Sẵn sàng đoàn kết, chia sẻ, giúp đỡ người khác																						
Hoàn toàn đồng ý	70,4 %	73,5 %	76,9 %	77,6 %	64,2 %	75,1 %	73,6 %	80,0 %	74,5 %	74,1 %	74,1 %	75,0 %	73,9 %	75,0 %	72,5 %	79,1 %	73,9 %	72,2 %	77,5 %	73,7%	74,4 %	906
Đúng ý một phần	22,2 %	19,1 %	18,9 %	19,2 %	27,6 %	19,9 %	20,8 %	20,0 %	20,4 %	19,9 %	20,2 %	19,9 %	19,4 %	22,6 %	23,5 %	15,9 %	20,5 %	21,8 %	18,1 %	21,2%	20,3 %	247
Không đồng ý	1,5 %	2,2 %	1,3 %	1,2 %	4,1 %	1,8 %	1,6 %	0,0%	1,7 %	2,0 %	1,2 %	2,1 %	3,3 %	1,6%	1,0 %	2,2 %	1,8%	2,1 %	1,0 %	2,5%	1,7 %	21
Không biết	5,9 %	5,2 %	2,8 %	2,0 %	4,1 %	3,2 %	4,0 %	0,0%	3,4 %	4,0 %	4,5 %	3,0 %	3,3 %	1,8 %	3,0 %	2,7 %	3,8%	3,9 %	3,3 %	2,5%	3,5 %	43
Cảm nhận rõ hơn sự tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ của mọi người dành cho mình																						
Hoàn toàn đồng ý	66,7 %	73,5 %	71,8 %	70,3 %	63,4 %	72,6 %	67,1 %	100,0 %	70,7 %	68,2 %	71,1 %	68,4 %	68,7 %	73,2 %	70,5 %	74,7 %	69,2 %	69,4 %	73,4 %	61,9%	70,3 %	855
Đúng ý một phần	24,4 %	18,3 %	22,8 %	23,6 %	25,2 %	20,5 %	25,3 %	0,0%	21,9 %	25,9 %	21,7 %	23,2 %	24,6 %	21,4 %	24,0 %	19,2 %	23,0 %	22,8 %	20,2 %	31,4%	22,6 %	275
Không đồng ý	3,0 %	2,6 %	1,8 %	1,2 %	5,7 %	2,3 %	2,3 %	0,0%	2,5 %	1,5 %	1,0 %	3,6 %	3,3 %	2,4 %	1,0 %	2,2 %	2,6%	2,9 %	1,7 %	1,7%	2,3 %	28

ý																							
Không biết	5,9 %	5,7 %	3,6 %	5,0 %	5,7 %	4,6 %	5,2 %	0,0%	4,9 %	4,5 %	6,1 %	4,8 %	3,3 %	3,0 %	4,5 %	3,8 %	5,1%	4,9 %	4,8 %	5,1%	4,8 %	59	
Có đủ thông tin để tự quyết định một vấn đề nào đó																							
Hoàn toàn đồng ý	66,7 %	66,1 %	73,6 %	70,0 %	65,9 %	72,9 %	65,5 %	80,0 %	69,3 %	71,1 %	67,6 %	69,9 %	70,6 %	73,8 %	67,5 %	73,6 %	69,2 %	67,3 %	73,8 %	64,4%	69,6 %	847	
Đồng ý một phần	24,4 %	25,2 %	22,3 %	24,2 %	20,3 %	20,4 %	27,1 %	20,0 %	23,5 %	22,9 %	23,9 %	24,4 %	22,7 %	20,8 %	25,5 %	20,3 %	23,6 %	25,4 %	20,0 %	27,1%	23,4 %	285	
Không đồng ý	3,0 %	2,2 %	1,8 %	2,9 %	8,1 %	3,3 %	2,5 %	0,0%	3,1 %	2,0 %	3,2 %	2,4 %	3,3 %	3,0 %	2,5 %	2,7 %	3,1%	2,9 %	2,5 %	5,1%	3,0 %	36	
Không biết	5,9 %	6,5 %	2,3 %	2,9 %	5,7 %	3,3 %	4,9 %	0,0%	4,0 %	4,0 %	5,3 %	3,3 %	3,3 %	2,4 %	4,5 %	3,3 %	4,1%	4,4 %	3,7 %	3,4%	4,0 %	49	

Bảng 8. Ảnh hưởng của những hạn chế/thiếu thôn trong tiếp cận XBP ở định dạng phù hợp đối với NKT chữ in

	Độ tuổi					Giới tính			Dân tộc		Học vấn				Kinh tế hộ gia đình			Mức độ khuyết tật			Chung	
	Từ 12 đến 18	Từ 19 đến 24	Từ 25 đến 40	Từ 41 đến 60	Từ 61 tuổi trở lên	Na m	Nữ	Khá c/ không muốn trả lời	Kinh h	Kh ác	Tiê u học trở xuống	TH CS	TH PT	Sau TH PT	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ không thuộc 2 trường hợp kể trên	Đặc biệt nặng	Nặng	Nhẹ / chưa xác định	Tổn g	N
Kết quả học tập giảm sút																						

Hoàn toàn đồng ý	80,7	73,0	76,4	77,0	48,0	74,2	72,6	100,0	74,0	71,1	65,8	78,6	77,3	82,1	67,5	75,8	74,5	69,9	78,8	71,2	73,5	89
	%	%	%	%	%	%	%	0%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	5
Đồng ý một phần	8,9	14,3	16,6	17,5	37,4	19,0	16,2	0,0%	16,8	21,9	20,8	15,4	15,6	15,5	23,5	17,6	16,3	21,0	12,5	21,2	17,7	21
	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	5
Không đồng ý	1,5	2,2	1,8	1,5	5,7	1,5	2,9	0,0%	2,1	2,5	3,0	2,4	1,4	0,0	3,0	2,2	1,9%	2,3	2,1	1,7	2,1	26
	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	
Không biết	8,9	10,4	5,2	4,1	8,9	5,3	8,3	0,0%	7,1	4,5	10,5	3,6	5,7	2,4	6,0	4,4	7,3%	6,8	6,7	5,9	6,7	81
	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	
Không muốn đi học / đi làm nữa																						
Hoàn toàn đồng ý	63,7	63,9	69,2	70,8	55,3	67,6	65,3	80,0	67,0	64,7	63,2	66,9	70,6	71,4	64,5	67,6	66,9	64,9	70,3	61,0	66,6	81
	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	1
Đồng ý một phần	23,7	21,3	23,1	21,6	28,5	22,3	23,6	20,0	22,7	23,9	23,1	24,4	20,9	22,0	26,0	19,8	22,9	24,9	19,1	28,0	22,9	27
	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	9
Không đồng ý	3,0	4,3	2,8	1,7	8,9	3,8	3,1	0,0%	3,5	3,0	4,3	3,3	2,4	2,4	3,5	4,4	3,2%	3,6	2,9	5,1	3,5	42
	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	
Không biết	9,6	10,4	4,9	5,8	7,3	6,2	7,9	0,0%	6,7	8,5	9,3	5,4	6,2	4,2	6,0	8,2	6,9%	6,6	7,7	5,9	7,0	85
	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	
Khó tìm được việc làm																						
Hoàn toàn đồng ý	56,3	55,2	64,8	60,3	47,2	60,0	57,6	80,0	58,8	60,2	57,5	60,5	59,2	60,1	56,0	61,0	59,3	56,6	63,6	52,5	59,0	71
	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	8
Đồng ý một phần	28,1	26,5	25,4	29,7	35,0	27,1	29,6	0,0%	28,6	25,4	27,1	29,8	28,4	27,4	32,0	25,3	27,8	29,6	25,2	32,2	28,1	34
	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	2
Không đồng ý	3,7	7,0	4,7	4,4	11,4	5,9	5,1	20,0	5,2	7,5	6,1	4,5	5,7	6,0	5,0	6,6	5,5%	6,5	4,0	7,6	5,6	68
	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	
Không biết	11,9	11,3	5,2	5,5	6,5	7,0	7,8	0,0%	7,4	7,0	9,3	5,1	6,6	6,5	7,0	7,1	7,4%	7,3	7,3	7,6	7,3	89
	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	
Dễ mất việc / mất thu nhập																						
Hoàn toàn đồng ý	40,7	41,7	47,7	47,5	36,6	45,3	43,7	60,0	44,6	44,8	43,5	43,7	46,4	47,6	44,5	42,3	45,1	42,1	49,3	39,0	44,6	54
	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	3
Đồng ý một phần	31,9	30,0	30,8	35,0	39,0	32,8	32,9	20,0	33,5	29,4	31,8	36,7	31,3	29,8	35,0	34,1	32,0	34,6	29,5	36,4	32,8	39
	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	9
Không đồng ý	8,1	13,9	12,2	8,7	15,4	11,2	11,7	0,0%	11,0	13,4	11,1	10,5	11,4	14,3	11,0	13,2	11,1	13,1	9,4	11,0	11,4	13
	%	%	%	%	%	%	%		%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	9
Không biết	19,3	14,3	9,3	8,7	8,9	10,6	11,7	20,0	10,9	12,4	13,6	9,0	10,9	8,3	9,5	10,4	11,7	10,2	11,9	13,6	11,2	13
	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	6
Không học được kỹ năng cần thiết cho công việc																						

Hoàn toàn đồng ý	87,4	83,0	85,5	84,3	79,7	85,9	82,3	100,0	83,6	88,1	83,6	86,1	79,6	88,7	85,5	84,6	84,0	82,7	85,9	86,4	84,3	1026
Đồng ý một phần	6,7	12,2	12,2	13,4	14,6	10,9	13,7	0,0%	13,1	7,5	12,1	10,8	17,1	8,9	11,0	13,2	12,2	13,1	11,4	10,2	12,2	148
Không đồng ý	1,5	1,3	,8%	,3%	2,4	1,5	,4%	0,0%	,8%	2,0	,6%	1,2	1,4	1,2	1,0	1,1	1,0%	1,1	,6%	1,7	1,0	12
Không biết	4,4	3,5	1,6	2,0	3,3	1,7	3,6	0,0%	2,6	2,5	3,8	1,8	1,9	1,2	2,5	1,1	2,9%	3,1	2,1	1,7	2,5	31
Thiếu kiến thức cần thiết về cuộc sống																						
Hoàn toàn đồng ý	86,7	80,0	82,6	85,4	74,0	84,3	80,1	100,0	81,8	86,1	81,8	83,4	80,6	85,1	84,0	81,3	82,4	81,2	84,8	79,7	82,5	1004
Đồng ý một phần	8,1	13,9	13,5	11,7	18,7	11,9	14,4	0,0%	13,7	9,5	13,0	12,3	14,2	12,5	12,0	15,9	12,6	13,6	11,6	15,3	13,0	158
Không đồng ý	,7%	1,7	2,1	,6%	3,3	1,7	1,4	0,0%	1,5	2,0	1,2	2,1	1,9	1,2	1,5	1,1	1,7%	1,8	1,2	1,7	1,6	19
Không biết	4,4	4,3	1,8	2,3	4,1	2,1	4,0	0,0%	3,1	2,5	4,0	2,1	3,3	1,2	2,5	1,6	3,4%	3,4	2,3	3,4	3,0	36
Thiếu tự tin khi giao tiếp với người khác																						
Hoàn toàn đồng ý	77,8	77,4	79,0	77,0	67,5	77,5	75,8	100,0	77,6	73,1	76,5	74,7	77,7	81,0	77,0	80,2	76,0	75,4	78,6	77,1	76,8	935
Đồng ý một phần	17,0	15,2	16,8	19,5	24,4	17,5	19,0	0,0%	17,2	22,4	17,4	21,1	17,5	14,9	19,0	14,8	18,6	18,4	17,5	18,6	18,1	220
Không đồng ý	0,0	2,2	2,3	1,5	4,1	2,0	2,0	0,0%	2,0	2,0	1,6	2,1	2,4	2,4	1,0	2,7	2,0%	2,4	1,2	2,5	2,0	24
Không biết	5,2	5,2	1,8	2,0	4,1	3,0	3,2	0,0%	3,2	2,5	4,5	2,1	2,4	1,8	3,0	2,2	3,4%	3,7	2,7	1,7	3,1	38
Thiếu cơ hội giải trí, giao lưu văn hóa, nghệ thuật																						
Hoàn toàn đồng ý	70,4	73,5	76,9	77,6	64,2	75,1	73,6	80,0	74,5	74,1	74,1	75,0	73,9	75,0	72,5	79,1	73,9	72,2	77,5	73,7	74,4	906
Đồng ý một phần	22,2	19,1	18,9	19,2	27,6	19,9	20,8	20,0	20,4	19,9	20,2	19,9	19,4	22,6	23,5	15,9	20,5	21,8	18,1	21,2	20,3	247
Không đồng ý	1,5	2,2	1,3	1,2	4,1	1,8	1,6	0,0%	1,7	2,0	1,2	2,1	3,3	,6%	1,0	2,2	1,8%	2,1	1,0	2,5	1,7	21
Không biết	5,9	5,2	2,8	2,0	4,1	3,2	4,0	0,0%	3,4	4,0	4,5	3,0	3,3	1,8	3,0	2,7	3,8%	3,9	3,3	2,5	3,5	43
Bị phụ thuộc nhiều hơn vào gia đình/người hỗ trợ																						

Hoàn toàn đồng ý	66,7 %	73,5 %	71,8 %	70,3 %	63,4 %	72,6 %	67,1 %	100,0 %	70,7 %	68,2 %	71,1 %	68,4 %	68,7 %	73,2 %	70,5 %	74,7 %	69,2 %	69,4 %	73,4 %	61,9 %	70,3 %	85,5
Đồng ý một phần	24,4 %	18,3 %	22,8 %	23,6 %	25,2 %	20,5 %	25,3 %	0,0%	21,9 %	25,9 %	21,7 %	23,2 %	24,6 %	21,4 %	24,0 %	19,2 %	23,0 %	22,8 %	20,2 %	31,4 %	22,6 %	27,5
Không đồng ý	3,0 %	2,6 %	1,8 %	1,2 %	5,7 %	2,3 %	2,3 %	0,0%	2,5 %	1,5 %	1,0 %	3,6 %	3,3 %	2,4 %	1,0 %	2,2 %	2,6%	2,9 %	1,7 %	1,7 %	2,3 %	28
Không biết	5,9 %	5,7 %	3,6 %	5,0 %	5,7 %	4,6 %	5,2 %	0,0%	4,9 %	4,5 %	6,1 %	4,8 %	3,3 %	3,0 %	4,5 %	3,8 %	5,1%	4,9 %	4,8 %	5,1 %	4,8 %	59
Không được mọi người tôn trọng																						
Hoàn toàn đồng ý	66,7 %	66,1 %	73,6 %	70,0 %	65,9 %	72,9 %	65,5 %	80,0 %	69,3 %	71,1 %	67,6 %	69,9 %	70,6 %	73,8 %	67,5 %	73,6 %	69,2 %	67,3 %	73,8 %	64,4 %	69,6 %	84,7
Đồng ý một phần	24,4 %	25,2 %	22,3 %	24,2 %	20,3 %	20,4 %	27,1 %	20,0 %	23,5 %	22,9 %	23,9 %	24,4 %	22,7 %	20,8 %	25,5 %	20,3 %	23,6 %	25,4 %	20,0 %	27,1 %	23,4 %	28,5
Không đồng ý	3,0 %	2,2 %	1,8 %	2,9 %	8,1 %	3,3 %	2,5 %	0,0%	3,1 %	2,0 %	3,2 %	2,4 %	3,3 %	3,0 %	2,5 %	2,7 %	3,1%	2,9 %	2,5 %	5,1 %	3,0 %	36
Không biết	5,9 %	6,5 %	2,3 %	2,9 %	5,7 %	3,3 %	4,9 %	0,0%	4,0 %	4,0 %	5,3 %	3,3 %	3,3 %	2,4 %	4,5 %	3,3 %	4,1%	4,4 %	3,7 %	3,4 %	4,0 %	49

Phục lục 2**Khảo sát về thực trạng tiếp cận xuất bản phẩm của người khuyết tật chữ in tại Việt Nam**

Kính thưa Quý Anh/Chị, nghiên cứu “*Thực trạng tiếp cận xuất bản phẩm của người khuyết tật chữ in*” được Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Việt Nam và Hội Người mù Việt Nam triển khai nhằm đề xuất giải pháp nâng cao cơ hội thực hiện quyền của người khuyết tật về tiếp cận thông tin, tri thức, qua đó tăng cường cơ hội tiếp cận giáo dục, việc làm, hòa nhập xã hội ...

Để thu thập thông tin phục vụ mục tiêu nêu trên, kính mong Quý Anh/Chị dành 20 phút trả lời bảng hỏi dưới đây trước ngày 31/08/2022.

Lưu ý: Bảng hỏi này dành cho người khuyết tật chữ in từ 12 tuổi trở lên. Nếu anh /chị không tự điền được bảng hỏi thì có thể nhờ người khác điền giúp theo thông tin do Anh/Chị cung cấp

Chúng tôi cam đoan mọi thông tin anh /chị cung cấp được ẩn danh và chỉ được sử dụng cho nghiên cứu này.

Những ý kiến của anh /chị rất đáng quý, góp phần vào những kiến nghị của nghiên cứu để nâng cao khả năng tiếp cận xuất bản phẩm cho người khuyết tật chữ in. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Anh/Chị!

Giải thích từ ngữ

Xuất bản phẩm là những tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật được xuất bản thông qua các nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản bằng các ngôn ngữ khác nhau, bằng hình ảnh, âm thanh, ký hiệu.

Người khuyết tật chữ in là (1) người khuyết tật nhìn, (2) người khuyết tật nhận thức hoặc gặp khó khăn trong việc đọc chữ in mà không thể cải thiện được để đạt khả năng đọc như người không khuyết tật; và (3) người khuyết tật vận động không lật giở được trang sách hoặc người không thể điều khiển một cuốn sách, hay tập trung hoặc di chuyển mắt đến mức độ bình thường cho việc đọc.

Các định dạng xuất bản phẩm để tiếp cận đối với người khuyết tật chữ in bao gồm: (1) Sách/tài liệu bằng chữ nổi Braille, (2) Văn bản điện tử, (3) Chữ in khổ lớn, (4) Các bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho

sách.

A. Thông tin chung của người trả lời

1. Độ tuổi	1 = Từ 12 đến 18 4 = Từ 41 đến 60	2 = Từ 19 đến 24 5 = Từ 61 tuổi trở lên	3 = Từ 25 đến 40
2. Giới tính	1 = Nam	2 = Nữ	3 = Khác 4 = Không muốn trả lời
3. Dân tộc	1 = Kinh 5 = Ê Đê	2 = Tày 6 = Khơ-me	3 = Mường 4 = H'mông 7 = Khác (ghi cụ thể):.....
4. Học vấn cao nhất của Anh/Chị	1 = Không qua trường lớp đào tạo nào 3 = Chưa học hết tiểu học 5 = Chưa học hết cấp II 7 = Chưa học hết cấp III 9 = Chưa học xong trung cấp/cao đẳng 11 = Chưa học xong đại học 13 = Trên đại học	2 = Chỉ đi học xóa mù chữ 4 = Tốt nghiệp tiểu học 6 = Tốt nghiệp cấp II 8 = Tốt nghiệp cấp III 10 = Tốt nghiệp trung cấp/cao đẳng 12 = Tốt nghiệp đại học	
5. Tình trạng việc làm hiện tại	1 = Tạm thời nghỉ việc 4 = Đã nghỉ hưu 6 = Khác (cụ thể).....	2 = Đang đi học, chưa đi làm 5 = Không có việc làm, cũng không đi học	3 = Đang đi làm
6. Thu nhập trung bình/tháng của cá nhân Anh/Chị trong vòng 12 tháng qua	1 = Chưa tạo ra thu nhập 4 = 4.000.001 - 6 triệu 7 = Từ 10 triệu trở lên	2 = Có thu nhập dưới 2 triệu 5 = 6.000.001 - 8 triệu	3 = 2.000.001 - 4 triệu 6 = 8.000.001 - 10 triệu 8 = Không biết, do thu nhập gộp chung với cả gia đình (ví dụ: phụ giúp gia đình bán hàng ...)
7. Hoàn cảnh kinh tế của hộ gia đình	1 = Hộ nghèo (theo quy định của địa phương) 3 = Hộ không thuộc 2 trường hợp kể trên	2 = Hộ cận nghèo	
8. Dạng khuyết tật	1 = Khuyết tật nhìn		

<i>(Có thể chọn nhiều phương án trả lời)</i>	2 = Khuyết tật nhận thức/gặp khó khăn trong việc đọc chữ in 3 = Khuyết tật vận động không lật giở được trang sách hoặc người không thể điều khiển một cuốn sách, hay tập trung hoặc di chuyển mắt đến mức độ bình thường cho việc đọc. 4 = Khuyết tật khác (ghi cụ thể)....
9 Mức độ khuyết tật	1 = Đặc biệt nặng 2 = Nặng 3 = Nhẹ 4 = Chưa xác định
10. Anh/Chị hiện đang sống ở tỉnh/thành phố nào?	(Ví dụ: Hà Nội, Đà Nẵng ...)

B. Nhu cầu, thực trạng, rào cản tiếp cận các xuất bản phẩm

1. Anh chị có thể nghe, đọc, hay xem ở mức độ nào với những định dạng xuất bản phẩm sau đây?

Định dạng các xuất bản phẩm	Mức độ có thể nghe, đọc, hay xem			
	Rất dễ dàng	Có chút khó khăn	Rất khó khăn	Không thực hiện được
a) Văn bản in thông thường	1	2	3	4
b) Sách/tài liệu bằng chữ nổi Braille	1	2	3	4
c) Văn bản điện tử (Word, PDF, ...)	1	2	3	4
d) Chữ in khổ lớn	1	2	3	4
e) Các bản ghi âm /sách nói	1	2	3	4
f) Các bản ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách	1	2	3	4
g) Định dạng khác (ghi cụ thể):	1	2	3	4

2. Anh chị có mong muốn nghe, đọc, hay xem các xuất bản phẩm ở những định dạng nào sau đây?

Định dạng các xuất bản phẩm	Mức độ mong muốn		
	Rất mong muốn	Có mong muốn	Không mong muốn
a) Văn bản in thông thường	1	2	3

b)	Sách/tài liệu bằng chữ nổi Braille	1	2	3
c)	Văn bản điện tử (Word, PDF, ...)	1	2	3
d)	Chữ in khổ lớn	1	2	3
e)	Các bản ghi âm/sách nói	1	2	3
f)	Các bản ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách	1	2	3
g)	Định dạng khác (ghi cụ thể):	1	2	3

3. Anh /chị đánh giá thế nào về số lượng các xuất bản phẩm dưới đây ở những định dạng mà Anh/Chị dễ đọc, nghe hay xem?

	Số lượng sẵn có				
	Rất nhiều	Có đủ	Thiếu một ít	Rất khan hiếm	Không có
a) Sách giáo khoa/tài liệu học tập	1	2	3	4	5
b) Sách/tài liệu văn học nghệ thuật	1	2	3	4	5
c) Sách/tài liệu khoa học tự nhiên	1	2	3	4	5
d) Sách /tài liệu phục vụ nghiên cứu /công việc	1	2	3	4	5
e) Sách/tài liệu về kỹ năng sống	1	2	3	4	5
f) Khác (ghi cụ thể)	1	2	3	4	5

<p>4. Những nguồn chính cung cấp các xuất bản phẩm ở định dạng Anh/Chị cần là gì? (Chọn tối đa 3 phương án trả lời)</p>	<p>1 = Thư viện của trường</p> <p>2 = Thư viện của địa phương /trung ương</p> <p>3 = Hội người mù /người khuyết tật</p> <p>4 = Thư viện trực tuyến</p> <p>5 = Cửa hàng sách</p> <p>6 = Gia đình</p> <p>7 = Bạn bè /tình nguyện viên</p> <p>8 = Thầy/Cô giáo</p> <p>9 = Các nhóm chia sẻ sách /tài liệu trên mạng xã hội</p> <p>10 = Mạng Internet (bằng các công cụ tìm kiếm phổ thông)</p> <p>11 = Khác (ghi cụ thể):</p>
<p>5. Anh /chị gặp khó khăn gì khi tìm kiếm các xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp với mình? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)</p>	<p>1 = Có ở định dạng tôi cần, nhưng cũng không dễ xem /nghe /đọc (ví dụ: bản scan PDF, nhiều tranh ảnh, sơ đồ không có mô tả)</p> <p>2 = Không có đủ tiền để mua xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp</p> <p>3 = Không được phép sao chép xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp vì vấn đề bản quyền</p> <p>4 = Tôi không biết tìm xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp ở đâu</p> <p>5 = Không có thiết bị để đọc xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp</p>

	6 = Tìm được xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp, nhưng muộn hơn so với yêu cầu 7 = Không có khó khăn gì 8 = Khó khăn khác (ghi cụ thể):
6. Anh/Chị thường làm gì để khắc phục khó khăn khi không thể tìm được các xuất bản phẩm cần thiết cho bản thân ở các định dạng phù hợp để nghe, đọc, hay xem? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)	1 = Bỏ qua, không tìm nữa 2 = Nhờ người khác tìm giúp 3 = Sử dụng mạng xã hội (face book, zalo ...) nhờ tìm giúp 4 = Yêu cầu các nhà xuất bản cung cấp 5 = Nhờ người khác đọc hoặc truyền đạt lại 6 = Khác (ghi cụ thể):

C. Cơ hội và thách thức gắn với tiếp cận xuất bản phẩm

1. Theo Anh/Chị, việc nghe, đọc, hay xem được các xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp có thể mang lại cho Anh/chị những lợi ích nào sau đây?

Các lợi ích mang lại	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý	Không biết
a) Có kết quả học tập tốt hơn	1	2	3	4
b) Chủ động, tự tin hơn khi tìm việc làm	1	2	3	4
c) Dễ tìm được việc làm phù hợp với bản thân	1	2	3	4
d) Tìm được việc làm lương cao hơn	1	2	3	4
e) Có thêm nhiều kiến thức	1	2	3	4
f) Học thêm được nhiều kỹ năng	1	2	3	4
g) Tự tin hơn khi giao tiếp, kết bạn, nói chuyện với người	1	2	3	4

khác				
h) Sẵn sàng đoàn kết, chia sẻ, giúp đỡ người khác	1	2	3	4
i) Cảm nhận rõ hơn sự tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ của mọi người dành cho mình	1	2	3	4
j) Có đủ thông tin để dễ tự quyết định một vấn đề nào đó	1	2	3	4
k) Lợi ích khác (ghi cụ thể):	1	2	3	4

2. Những thiếu thốn/hạn chế trong việc nghe, đọc, hay xem các xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp đã tác động thế nào tới anh /chị?

Những tác động có thể gặp	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý một phần	Không đồng ý	Không biết
a) Kết quả học tập giảm sút	1	2	3	4
b) Không muốn đi học /đi làm nữa	1	2	3	4
c) Khó tìm được việc làm	1	2	3	4
d) Dễ mất việc /mất thu nhập	1	2	3	4
e) Không học được kỹ năng cần thiết cho công việc	1	2	3	4
f) Thiếu kiến thức cần thiết về cuộc sống	1	2	3	4
g) Thiếu tự tin khi giao tiếp với người khác	1	2	3	4
h) Thiếu cơ hội giải trí, giao lưu văn hóa, nghệ thuật	1	2	3	4
i) Bị phụ thuộc nhiều hơn vào gia đình/người hỗ trợ	1	2	3	4
j) Không được mọi người tôn trọng	1	2	3	4
k) Tác động khác (ghi cụ thể):	1	2	3	4

3. Anh /chị có đề xuất gì với các cơ quan Liên Hợp Quốc, các cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội để cho việc nghe, đọc, xem các xuất bản phẩm ở định dạng phù hợp với Anh/Chị được thực hiện dễ dàng hơn?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Để cảm ơn quý anh /chị đã dành thời gian cung cấp thông tin cho nghiên cứu của chúng tôi, chúng tôi có một món quà nhỏ gửi vào số điện thoại của anh /chị. Vì vậy, xin vui lòng cho chúng tôi biết:

Họ và tên của Anh/Chị:.....
.....

Số điện thoại di động:.....

Trân trọng cảm ơn!

Phụ lục 3

BẢNG HỎI PHÒNG VẤN SÂU VỀ THỰC TRẠNG TIẾP CẬN XUẤT BẢN PHẨM CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT CHỮ IN TẠI VIỆT NAM

BỘ CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU

(I) Thông tin cần xác minh từ người trả lời:

- 1) Họ và tên: _____
- 2) Giới tính: _____
- 3) Tuổi: _____
- 4) Dân tộc: _____
- 5) Dạng khuyết tật chữ in: _____

(II) Câu hỏi phỏng vấn sâu dưới đây được chia theo từng chủ đề. Với mỗi chủ đề, tìm kiếm trong bộ dữ liệu các trường hợp phù hợp để phỏng vấn.

Chủ đề 1: Nhu cầu tiếp cận xuất bản phẩm (XBP) ở định dạng phù hợp

Câu hỏi:

1. Bạn muốn nghe sách nói thuộc thể loại gì và qua kênh nào?
2. Theo bạn, sách nói có ưu thế gì so với các định dạng khác (sách in, phiên bản điện tử, sách chữ nổi...)?
3. Bạn có gặp khó khăn gì khi tìm nghe sách nói? Nếu có, bạn đã khắc phục những khó khăn đó bằng cách nào?
4. Theo bạn, số sách nói hiện nay đã đủ chưa? Nếu thiếu, thể loại nào cần bổ sung?
5. Bạn có biết việc chuyển đổi từ sách in thành những quyển sách nói mà bạn đã nghe có hợp pháp hay không?
6. Bạn có đề xuất gì để tăng lượng sách nói, đáp ứng nhu cầu của bạn?

Chủ đề 2: Nội dung sách dễ tiếp cận

Đối tượng: NKT tìm được XBP ở định dạng phù hợp, nhưng không tiếp cận được toàn bộ nội dung

Câu hỏi:

1. Khi tìm được sách ở định dạng phù hợp, bạn có gặp vấn đề gì khi tiếp cận toàn bộ nội dung sách không? Nếu có, bạn thường tiếp cận được khoảng bao nhiêu phần trăm nội dung sách?

2. Trong trường hợp không đọc được toàn bộ nội dung, bạn làm gì để tiếp cận được phần nội dung còn lại?
3. Theo bạn, những người chuyển từ sách in sang sách điện tử cần làm gì để NKT đọc toàn bộ nội dung sách được thuận tiện, độc lập và hiệu quả hơn?

Chủ đề 3: Sự khan hiếm sách để tiếp cận

Đối tượng: người trả lời “Sách giáo khoa/tài liệu học tập là khan hiếm hoặc không có” (ưu tiên phỏng vấn phụ nữ, người dân tộc, NKT ở vùng sâu vùng xa)

Câu hỏi:

1. Bạn thấy khan hiếm /không có sách giáo khoa ở bậc học nào?
2. Bạn có thể mô tả cụ thể hơn tình trạng khan hiếm đó? Ví dụ: số lượng bao nhiêu /số học sinh? Học sinh phải mua, mượn, hay thuê sách?
3. Sách khan hiếm ở định dạng nào?
4. Chất lượng sách có đáp ứng nhu cầu học tập không? (độ chính xác của nội dung, sách cũ /mới /bị rách, hay mất trang, khả năng tiếp cận với các đối tượng khác nhau (tranh ảnh, biểu đồ) trên phiên bản điện tử)
5. Bạn có đề xuất gì để khắc phục tình trạng khan hiếm sách phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu?

Chủ đề 4: Nguồn hỗ trợ NKT tiếp cận XBP

Đối tượng 2: tìm được XBP thông qua các nhóm chia sẻ trên mạng xã hội hoặc qua các công cụ tìm kiếm

Câu hỏi:

1. Bạn tìm được XBP ở thể loại nào và định dạng gì qua các nhóm chia sẻ hoặc công cụ tìm kiếm trên mạng?
2. Bạn có gặp khó khăn gì khi đọc những cuốn sách điện tử đó không? Bạn đã khắc phục khó khăn bằng cách nào?
3. Theo bạn việc tìm sách qua các công cụ tìm kiếm hoặc nhóm chia sẻ trên mạng có lợi ích và bất lợi gì?
4. Bạn có phải trả phí thành viên hoặc phí tải tài liệu trên mạng không? Theo bạn, khoản phí đó có hợp lý không?
5. Bạn có biết những cuốn sách được chia sẻ trên mạng đó có bản quyền hay không không? Nếu biết những quyền sách đó vi phạm bản quyền, bạn có sử dụng không?
6. Bạn có đề xuất gì để NKT tiếp cận XBP điện tử được thuận lợi và hợp pháp?

Chủ đề 5: Cơ hội giáo dục, việc làm và hòa nhập xã hội mở ra cho NKT

Đối tượng: trong số 70% đồng ý tiếp cận XBP là tiền đề cho những cơ hội

giáo dục, việc làm và hòa nhập xã hội của NKT và có ví dụ để chứng minh nhận định này.

Câu hỏi:

1. Theo bạn, việc tiếp cận XBP có ý nghĩa gì với NKT?
2. Việc tiếp cận được XBP ở định dạng phù hợp đã mang lại cơ hội gì cho bạn (trong giáo dục, việc làm và hòa nhập xã hội)?
3. Để việc đọc sách được dễ dàng và nhiều cơ hội hòa nhập được mở rộng hơn nữa cho NKT, bạn có đề xuất gì với các cơ quan làm chính sách?

Chủ đề 6: Tác động của việc không tiếp cận được XBP đến đời sống của NKT

Đối tượng: NKT đồng ý có những tác động tiêu cực tới họ khi họ không tiếp cận được XBP và có ví dụ để chứng minh (ưu tiên phỏng vấn học sinh, sinh viên, đặc biệt ở những vùng khó khăn)

Câu hỏi:

1. Theo bạn, nếu NKT không tiếp cận được sách mà họ muốn đọc thì có thể dẫn đến những hậu quả gì trong ngắn hạn và dài hạn?
2. Bạn đã gặp những hậu quả tương tự như vậy chưa? Khi đó, bạn cảm thấy thế nào? Bạn đã khắc phục như thế nào?
3. Bạn có thấy những hậu quả đó xảy ra thường xuyên với những NKT quanh bạn không?
4. Theo bạn, những nhà làm luật có thể làm gì để tháo gỡ khó khăn cho NKT khi tiếp cận XBP?

Phụ lục 4. Thông tin chung về NKT chữ in tham gia phỏng vấn sâu

STT	Giới tính	Tuổi	Dân tộc	Dạng khuyết tật
1	Nữ	36	Kinh	Khuyết tật nhìn
2	Nữ	20	Kinh	Khuyết tật nhìn
3	Nam	27	Kinh	Khuyết tật nhìn + nhận thức
4	Nữ	48	Kinh	Khuyết tật nhìn
5	Nữ	37	Kinh	Khuyết tật nhìn
6	Nam	32	Kinh	Khuyết tật nhìn
7	Nữ	42	Kinh	Khuyết tật nhìn
8	Nữ	46	Kinh	Khuyết tật nhìn
9	Nữ	22	Kinh	Khuyết tật nhìn
10	Nữ	23	Kinh	Khuyết tật nhìn
11	Nữ	23	Kinh	Khuyết tật nhìn
12	Nam	40	Kinh	Khuyết tật nhìn
13	Nữ	15	Kinh	Khuyết tật nhìn
14	Nam	33	Kinh	Khuyết tật nhìn
15	Nam	26	Kinh	Khuyết tật nhìn
16	Nữ	60	Kinh	Khuyết tật nhìn
17	Nữ	40	Hán	Khuyết tật nhìn
18	Nam	80	Kinh	Khuyết tật nhìn
19	Nữ	26	Kinh	Khuyết tật nhìn
20	Nữ	25	Kinh	Khuyết tật nhìn
21	Nam	19	Kinh	Khuyết tật nhìn
22	Nữ	21	Kinh	Khuyết tật nhìn
23	Nữ	40	Kinh	Khuyết tật nhìn
24	Nữ	39	Kinh	Khuyết tật nhìn
25	Nam	30	Kinh	Khuyết tật nhìn
26	Nữ	18	Kinh	Khuyết tật nhìn
27	Nam	27	Kinh	Khuyết tật nhìn
28	Nam	23	Kinh	Khuyết tật nhìn
29	Nam	27	Kinh	Khuyết tật nhìn
30	Nữ	45	Kinh	Khuyết tật nhìn

31	Nữ	25	Kinh	Khuyết tật nhìn
32	Nữ	38	Kinh	Khuyết tật nhìn
33	Nam	51	Kinh	Khuyết tật nhìn
34	Nam	58	Kinh	Khuyết tật nhìn
35	Nữ	40	Kinh	Khuyết tật vận động

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

28. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2023). Quyết định số 71/QĐ-BLĐTBXH về Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, Hà Nội.
29. Chính phủ (2018). Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan. Hà Nội.
30. Cổng thông tin điện tử Quốc hội (2022). Quy định về quyền tác giả và quyền liên quan trong luật sở hữu trí tuệ - tìm điểm cân bằng lợi ích các bên, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=62055> (truy cập ngày 26 – 10 - 2022).
31. Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2022), Gia nhập Hiệp ước Marrakesh: Tạo điều kiện để người khuyết tật tiếp cận thông tin, tri thức, <https://bvhttdl.gov.vn/gia-nhap-hiep-uoc-marrakesh-tao-dieu-kien-de-nguoi-khuyet-tat-tiep-can-thong-tin-tri-thuc-20220929115507689.htm> (truy cập ngày 26 – 10 - 2022).
32. Quốc Hội (2010). Luật người khuyết tật. Hà Nội.
33. Quốc Hội (2013). Luật xuất bản. Hà Nội.
34. Quốc Hội (2022). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ. Hà Nội.
35. Hà Trung (2021). Quyền tác giả trong lĩnh vực phát hành, xuất bản sách nhìn từ vụ việc thực tế, Pháp lý & Bản quyền online, số ra ngày 02/6/2021, <https://phapluatbanquyen.phaply.vn/quyen-tac-gia-trong-linh-vuc-phat-hanh-xuat-ban-sach-nhin-tu-vu-viec-thuc-te-a355.html/> (truy cập ngày 26 – 10 - 2022).
36. Thanh An (2022), Hiệp ước Marrakesh: Hòa hòa giữa quyền tác giả và quyền lợi của người khuyết tật, Khoa học & Phát triển online, số ra ngày 16/12/2022, <https://khoaocphattrien.vn/chinh-sach/hiep-uoc-marrakesh-hai-hoa-giua-quyen-tac-gia-va-quyen-loi-cua-nguoi-khuyet-tat/20221215091615213p1c785.htm> (truy cập ngày 17 – 3 - 2022)

37. Thúy Vân (2020). Tính khả thi của Hiệp ước Marrakesh trong bối cảnh Việt Nam, Tạp chí Quản lý Nhà nước online, số ra ngày 30/12/2020, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/12/30/tinh-kha-thi-cua-hiep-uoc-marakesh-trong-boi-can-h-viet-nam/> (truy cập ngày 26 – 10 - 2022).

Tiếng nước ngoài

38. Brigitte Vézina and Scann (2020). Implementing the Marrakesh Treaty in Latin America: A Look at the Experiences of Four Creative Commons Community Members, <https://creativecommons.org/2020/09/30/implementing-of-the-marrakesh-treaty-in-latin-america/>, (accessible 19 mars 2023).
39. Corinne Tan and Perry Bing Xian Peh (2021). Improving Accessibility to Copyright Works for Persons with Print Disabilities in Australia and Singapore. IIC - International Review of Intellectual Property and Competition Law 52(1). DOI:10.1007/s40319-021-01095-1
40. Blechner, A. J. (2015). Improving usability of legal research databases for users with print disabilities. *Legal Reference Services Quarterly*, 34(2), 138–175.
41. Francisco Javier MARTÍNEZ CALVO (2009). From Better to Full Access to Works for Print-Disabled Persons. Policy Department C - Citizens' Rights and Constitutional Affairs. European Parliament. Brussels.
42. Jessica Coates Christiane Felsmann Teresa Hackett Karen Keninger Francisco Martinez Calvo Victoria Owen Anthea Taylor Katya Pereyaslavskaya Flora van den Berg (2018). Guide de démarrage. Mise en œuvre du Traité de Marrakech pour les personnes ayant des difficultés à la lecture des caractères imprimés : guide pratique pour les bibliothécaires, Université de Toronto Scarborough Toronto, Canada.
43. Lazar, J., & Briggs, I (2015). Improving services for patrons with print disabilities at public libraries. *The Library Quarterly*, 85(2), 172–184.
44. Majinge, R. M., & Mutula, S. M. (2018). Access to electronic and print information resources by people with visual impairments in university libraries: A Review of Related Literature. Manuscript submitted for publication

45. Mutanga, O., & Walker, M. (2017). Exploration of the academic lives of students with disabilities at South African universities: Lecturers' perspectives. *African Journal of Disability*, 6(1), 1–9
46. Neli Kaunda & Sabelo Chizwina (2018). Providing access to students with print disabilities: The case of the North-West University in South Africa, *Journal of Access Services*, DOI: 10.1080/15367967.2018.1547641.
47. Ohajunwa, C., Mckenzie, J., & Lorenzo, T. (2015). Enabling disability inclusive practices within the University of Cape Town curriculum: A case study. *African Journal of Disability*, 4(1), 1–8.
48. Oppenheim, C (2017). The Marrakesh Copyright Treaty for those with visual disabilities and its implications in the European Union and in the United Kingdom. Alexandria: *The Journal of National and International Library and Information Issues*, 27(1), 4–9.
49. Paul Harpur (2017). *Discrimination, Copyright and Equality: Opening the e- book for the print – disabled*. Sheridan Books, Inc. ISBN 978-1-107-11900-0 Hardback.
50. Phukubje, J., & Ngoepe, M. (2017). Convenience and accessibility of library services to students with disabilities at the University of Limpopo in South Africa. *Journal of Librarianship and Information Science*, 49(2), 180–190.
51. The South African Library for the Blind (2015). *Annual report (2015)*. Grahamstown: The South African Library for the Blind.
52. The International Commission of Jurists (2022). South Africa: Constitutional Court's invalidation of copyright law an important step in ensuring the rights of persons with print disabilities and visual impairments, <https://www.icj.org/south-africa-constitutional-courts-invalidation-of-copyright-law-an-important-step-in-ensuring-the-rights-of-persons-with-print-disabilities-and-visual-impairments/>, (accessible 19 mars 2023).
53. Wilson, D. E. (2015). Web content and design trends of Alabama academic libraries. *The Electronic Library*, 33(1), 88–102.
54. WIPO (2016). *The Marrakesh Treaty – Helping to end the global book famine*,

https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_marrakesh_overview.pdf (accessible 19 mars 2023).